



Vườn Cáo

BENJAMIN
BLACK

you
books

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



Thông tin sách

Tên sách: **VƯỜN CÁO**

Nguyên tác: **The Lemur**

Tác giả: **Benjamin Black**

Người dịch: **Vũ Kim Dung**

Nhà phát hành: **YouBooks**

Nhà xuất bản: **NXB Văn Học**

Khối lượng: **250g**

Kích thước: **13 x 21 cm**

Ngày phát hành: **03/2010**

Số trang: **178**

Giá bìa: **35.000đ**

Thể loại: **Tiểu thuyết Trinh thám**

Thông tin ebook

Nguồn: <http://tve-4u.org>

Type+Làm ebook: **thanhbt**

Ngày hoàn thành: **07/09/2016**



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Giới thiệu

John Glass sống ở New York. Ông bỏ nghề báo để viết tiểu sử cho bố vợ mình là ngài Bill Mullholland, hay còn gọi là Bill lớn. Vốn là cựu nhân viên CIA, giờ Bill Lớn là trùm tư bản trong lĩnh vực truyền thông. Sáng sảng, John Glass đến làm việc tại văn phòng rộng lớn và sang trọng trong tòa nhà văn phòng Mullholland Tower; tối đến thì về nhà với người vợ giàu có và xuân sắc. Dù thỉnh thoảng có hoài nhớ về quãng đời trước, nhưng nói chung John Glass hài lòng với hiện tại.

Để hoàn thành cuốn tiểu sử, John Glass thuê một tay săn tin trẻ mà ông quen gọi là “Vượn Cáo” thu thập thông tin về người bố vợ. Từ lúc ấy cuộc sống dễ chịu của ông bị đe dọa. Sau đó, “Vượn Cáo” bị sát hại, ông quyết định đi tìm những gì hắn biết và thủ phạm giết hắn chỉ để đào xới thêm nhiều bí mật và cái chết bí ẩn khác.

1. NHÀ KÍNH

Người cung cấp thông tin là một chàng trai trẻ cao lêu đêu và gầy đét. Đầu hắn quá nhỏ so với khung xương, còn cục yết hầu to bằng trái banh gôn. Mắt kính hắn đeo không có gọng viền quanh và gần như vô hình, chỉ làm tăng thêm độ bóng cho đôi mắt đen, tròn, to tướng và hơi bị trố. Một túm râu màu vàng ngắn ngắn, cứng quèo mọc thẳng từ cằm hắn. Cặp lông mày cong, rất xa mắt làm tấm sọc mụn trúng cá cũ. Hắn có đôi bàn tay mảnh mai, trắng trẻo, các ngón dài búp măng hết như tay con gái, hay ít nhất là giống những gì người ta ca ngợi về bàn tay của phụ nữ khuê các. Dù đang ngồi, đũng quần jeans thụng của hắn vẫn thông xuống ngang đùi. Ngực áo phông màu cháo lòng không của ai ngoài hắn mang dòng chữ: “Đời bi đát tiễn ta về cõi âm”. Thoạt nhìn, hắn mới chỉ mười bảy nhưng John Glass đoán tên này chí ít cũng phải gần ba mươi, cổ dài, đầu nhỏ và cặp mắt tròn đen láy khiến hắn cực kỳ giống một loài gặm nhấm quý hiếm mà nhất thời Glass chưa nhớ ra là con gì.

Tên hắn là Dylan Riley. Glass thầm mỉa mai: cái tên Dylan nghe quý phái gớm.

Hắn nói:

- Vậy ra ông là con rể của Bill Lớn?

Hắn ngồi lệt thềm trong chiếc ghế xoay bọc da đen trong văn phòng mà bố vợ Glass cho mượn nằm ở mé phía bắc của tòa nhà Mulholland Tower. Sau lưng hắn, bên kia bức tường kính trong suốt là một Manhattan ẩm ướt, ẩm đậm dưới màn mưa phùn tháng tư.

- Sao? Cậu thấy ngộ nghĩnh lắm ư?

Glass vắn vẹo. Ông đặc biệt ghét loại người thích mặc áo phông in đủ thứ triết lý lên đó.

Dylan Riley cười khẩy:

- Ngộ nghĩnh gì đâu. Tôi chỉ ngạc nhiên thôi. Tôi thấy ông không giống người nhà Bill Lớn chút nào.

Glass vờ như không nghe thấy gì. Hơi thở của ông bắt đầu nặng nề, thậm chí phát ra tiếng phì phò. Đó luôn là dấu hiệu cảnh báo sự căng thẳng đang gia tăng.

Glass nhấn mạnh như muốn nhắc Riley phải lễ phép hơn:

- Ngài Mulholland muốn tôi thu thập mọi dữ liệu và dùng chúng một cách đúng đắn nhất.

Riley cười toe toét, gật lia lịa, xoay xoay trên ghế vẻ khoái chí:

- Phải, nhất định dữ liệu phải đầy đủ rồi.

Glass lạnh lùng nhắc lại:

- Điều tiên quyết là phải đủ thông tin chính xác. Chính vì thế tôi mới thuê cậu.

Glass đến bên chiếc bàn làm việc vuông vức bằng kim loại cỡ lớn kê trong góc phòng và thận trọng ngồi xuống ghế phía sau nó. Tư thế ngồi luôn giúp Glass bớt bồn loạn. Phòng ông ở tầng ba mươi chín. Trông đợi ông làm ăn được gì ở độ cao như vậy quả là ngớ ngẩn. Hôm đầu tiên vào phòng này, Glass sợ sệt nhích từng chút đến sát tường kính ngó xuống. Dưới chân ông chừng hai tầng nhà, những cụm mây trắng xóp trông như tảng băng lững thững trôi ngang qua, che khuất thành phố phía dưới. Giờ ông búi hai tay lên mặt bàn trước mặt như người sắp chết đuối cố bám mép chiếc bè nan. Glass thêm thuốc không thể tả.

Dylan Riley xoay chiếc ghế quanh bàn. Chắc chắn hẳn biết ông chóng mặt, buồn nôn cỡ nào khi ngồi trong cái lồng kính làm bằng thép và thủy tinh ngất ngưỡng giữa lưng chừng trời như thế này.

Bàn tay Glass vuốt thành hình vòng cung trên mặt bàn, như thể muốn gạt vật gì đó vô hình xuống đất. Động tác ấy khiến ông nhớ đến cái cảnh Tổng thống Richard Nixon khổ sở, toát mồ hôi hột trong một bản tin chiều phát mấy năm trước, cố phân bua rằng mình không phải kẻ dối trá. Trong thời kỳ dân chúng hoang mang vì chứng kiến quá nhiều cáo buộc lẫn nhau ấy, ánh sáng ở trường quay quá gắt khiến ai trông cũng giống nhân vật phản diện trong bộ phim dùng hệ màu Eastmancolor giai đoạn đầu.

Ông dặn Riley:

- Mà này, nên nhớ rằng ngài Mulholland không thể giúp cậu bất kỳ thông tin nào dù nhỏ nhất. Thế nên, tôi không muốn cậu tiếp cận ông ấy. Đừng gọi điện, gửi thư gì cả. Cậu hiểu chưa nào?

Riley hơi bĩu môi dưới khiến hẳn trông càng giống... giống con gì nhỉ? Hay là con sóc? Gằn đúng, nhưng không phải.

- Ông chưa nói với ông ấy chứ gì? Về chuyện tôi có tham gia ấy?

Glass coi như không nghe thấy.

- Tôi không yêu cầu cậu bơi móc, bới lông tìm vết. Theo tôi, ngài Mulholland không che giấu tội lỗi đâu. Đúng là có thời gian ông ấy làm điệp viên, nhưng không phải là kẻ lừa đảo, trừ khi cậu cho rằng tôi nghĩ về ông ấy như thế.

- Phải, đời nào ông nghĩ bố vợ mình có điều giấu giếm.

Glass mệt mỏi thở hắt ra:

- Khi bắt tay nghiên cứu, tôi muốn cậu gạt bỏ ý định vạch lá tìm sâu mà đi cho đúng hướng. Cậu định bắt đầu công việc thế nào đây?

Hai bàn tay Riley đan vào nhau, áp trên cái bụng lép kẹp. Lần này, hẳn lắc lư từ trước ra sau khiến ghế xoay hết tiến lại lui làm bánh xe dưới chân ghế kêu cọt kẹt.

Riley bĩu môi:

- Về chuyện đó thì... ông cứ tin rằng tôi nhiều thông tin hơn thư viện mạng Wikipedia.

- Vậy là cậu dùng... máy vi tính và đồ kỹ thuật số ư?

Thật tệ là Glass còn không dùng điện thoại di động. Riley giương đôi mắt tròn tròn chế giễu ông già Khóttabít trước mặt hắn:

- Đúng rồi. Máy tính và các loại phần mềm chuyên dụng nữa.

Hình như hắn đang bắt chước phương ngữ của dân Anh. Riley tưởng ông là người Anh chắc? Mặc kệ, thế lại hóa hay.

Cơn thèm thuốc bắt trí tưởng tượng của Glass hoạt động: que diêm xòe lửa, mùi diêm sinh cháy khét và khói thuốc tràn vào làm cổ họng khô đắng.

Riley vươn cái đầu bé xíu chênh vênh trên cần cổ khẳng khiu, dài như cổ cò về phía ông:

- Xin mạo muội hỏi một câu. Sau ông đồng ý nhận việc này?

- Việc gì?

- Viết tiểu sử của Bill Lớn ấy.

Glass lạnh lùng:

- Thiết nghĩ đó không phải việc của cậu.

Dứt lời, ông quay ra ngắm màn mưa phùn dày như sương phủ. Sáu tháng trước, ông từ Dublin chuyển đến New York ở hẳn. Dù có căn hộ cao cấp tại Central Park West và ngôi nhà tại Long Island (hay ít ra đó là nhà vợ ông), nhưng Glass vẫn không thể quen với cung cách người New York. Chẳng hạn gã choai choai bán bánh kẹp xúc xích ở góc đường giao hàng nhận tiền xong bèn thân nhiên bảo khách: “Cảm ơn anh bạn” và hình như cố tình dùng giọng vui vẻ vì chế giễu được người khác. Sao dân ở đây cứ thích ngang ngạnh giữ mãi trò cá mè một lứa một cách khoái trá như vậy?

- Nói xem cậu biết gì về ngài Mulholland?

- Chà, ta chưa thỏa thuận mà. Ông định bắt tôi cung cấp thông tin miễn phí sao?

Riley lại cười nhả nhổ. Hắn ngả ngớn trên ghế ngắm trần nhà, tay vuốt vuốt chòm râu dê:

- Tên đầy đủ William “Bill Lớn” Mulholland. Sinh ở Nam Boston, gốc Alien nhưng thuộc thế hệ thứ hai sinh sống tại Mỹ. Khi William còn bé tí, người cha đã bỏ nhà đi luôn. Mẹ ông nhận đồ giặt ủi về nhà làm thêm, ngoài công việc chính là công nhân vệ sinh. Ở trường, cậu bé William luôn đạt điểm ưu, được các tu sĩ trường dòng chú ý, thường xuyên đi giúp lễ. Tuy nhiên, tính tình cậu cứng rắn đến độ bất kỳ nam tu sĩ nào mắc chứng ưa lạm dụng tình dục trẻ em cũng chạy mất dép, không dám sấn lại gần. Nhờ nỗ lực bản thân, cậu vào đại học. Khoa công trình. Chưa tốt nghiệp, William đã lọt vào danh sách

tuyển dụng của cơ quan tình báo Mỹ CIA và vào cuối thập niên bốn mươi trở thành đặc vụ khét tiếng. Chuyên môn của William là giám sát điện tử. Từng có mặt ở Triều Tiên, Mỹ Latinh, châu Âu và Đông Nam Á. Sau đó, William bất đồng với James Jesus Angleton bởi ông này ngờ vực người Pháp đến mức ám ảnh. Phải nói thêm là trong giai đoạn đó, Bill được cài vào bộ máy hành chính Pháp (Một lần nữa, Riley lại nỗ lực bắt chước giọng Anh nhưng nghe rất chướng tai). Thời đó, hễ ai không chịu uốn gối trước James Jesus Angleton đều không thể trụ lại được. Thế nên, Bill Lớn buộc phải chủ động ra khỏi ngành trước khi bị Angleton hắt cẳng. Chuyện ấy xảy ra cuối thập niên sáu mươi.

Hắn nặng nhọc rời ghế, lết đến bên bức tường kính nhìn ra ngoài, hai tay đút hai túi sau của quần jeans:

- Rời CIA, Bill Lớn kinh doanh trong lĩnh vực truyền thông đang ở giai đoạn phát triển cực thịnh. Thành lập công ty Mulholland Cable chưa bao lâu, Bill đã ngồi trên đồng vàng. Mọi chuyện tiến triển tốt đẹp cho đến hai mươi năm sau, Bill phải tuyển mộ Charlie Varriker nhằm cứu công ty khỏi bờ vực phá sản (hắn ngừng một chút nhưng không quay đầu lại trước khi nói tiếp). Chắc ông thừa biết chuyện đời tư của Bill Lớn nhỉ? Năm 1949, ông ta cưới Vanessa Lane, cô đào tóc đỏ nổi tiếng thế giới. Cũng trong năm 1949, hôn nhân của họ tan vỡ (hắn ngoái đầu cười ngoác miệng với Glass). Tình ái phức tạp quá, phải không?

Quay lại đêm chiều ngấm thành phố chìm trong màn mưa trắng xóa, Riley im lặng giây lát. Sau đó, hắn thủng thẳng nói tiếp:

- Bill là một nhân viên CIA mẫu mực. Trong cuộc hôn nhân thứ hai vào năm 58, ông ta cưới Claire Thorpington Eliot, thành viên dòng họ Eliot danh giá ở Boston. Đó là một nấc thang địa vị xã hội mới dành cho Bill Bụi Đời xuất thân từ phố nghèo Brewster. Như ông đã biết ông ta chỉ có độc nhất một cô con gái với người vợ này. Đó chính là Louise. Bà lớn Claire (người ta hay gọi người vợ thứ hai của Bill như thế) chết trong khi đi săn: ngựa thành linh trở chứng bất kham, bà ngã gãy cổ... Định mệnh thật trớ trêu vì tai nạn xảy ra năm 1961, đúng vào đêm kế hoạch kinh doanh lớn của Bill có tên Playa Girón chính thức phá sản. Từ Florida trở về, ông chồng góa chưa kịp lau khô nước mắt khóc thương vợ yêu đã phải chứng kiến cảnh gia đình nhà vợ khuân hết đồ đạc mang đi, dắt theo cả cô con gái mới lên hai rời khỏi dinh thự lớn tại vịnh Back Bay.

Quay lại ngồi phịch xuống ghế, Riley lại ngửa mặt ngấm trần nhà:

- Sau đó, Bill lớn lấy vợ lần thứ ba. Người được chọn là Nancy Harrison, nữ văn sĩ kiêm nhà báo, trông hao hao giống Martha Gellhorn. Họ xây tổ ấm ở khu địa ốc đắt giá tại một hạt nào đó thuộc miền duyên hải phía tây Alien, rất gần nhà John Huston vốn là bạn thân niên và bạn nhậu của Bill Lớn. Tuy nhiên, như người ta thường nói: “Ngày vui ngắn chẳng tày gang”, bà Nancy không chịu đựng nổi những cơn mưa dai dẳng và đám dân bản xứ kém thân thiện nên đã nhanh chóng thu xếp hành trang “téch” đến một xứ nắng ráo hơn, hình như là Ibiza, hay Clifford Irving hay Orson Welles gì đó. (Tia nhìn của hắn hạ từ trần nhà xuống Glass). Nếu ông muốn nghe nữa, tôi sẽ kể mà không cần liếc máy tính xách tay lấy một lần.

- Chà, trước khi đến đây, cậu ôn bài kỹ quá nhỉ?

Lập tức, ánh nhìn sắc bén của Riley thể hiện rõ sự bức bối:

- Tôi có trí nhớ hơn người mà.
- Lợi điểm cho nghề của cậu, nhỉ?
- Vâng, ông nói phải.

Riley có vẻ phật ý ghê gớm. Người ta dám nghi ngờ chuyên môn đã thành huyền thoại của hắn ư? Về phần mình, Glass tươi tỉnh vì nắm được điểm yếu của đối phương.

Chống một ngón tay lên bàn giữ thăng bằng, Glass đứng lên, thận trọng bước tới giữa phòng. Mỗi bước chân đều cho ông cảm giác sắp ngã chổng kèn. Đồng thời, bức tường kính và khoảng không trống trải bên kia tường như có sức hút kỳ lạ, chỉ chực lôi ông về phía ấy. Trời ơi! Bao giờ ông mới quen được điều kiện làm việc trong tòa tháp cao như ngọn núi quanh năm mây phủ thế này?

- Tôi biết mình không nhìn nhầm người. Tôi cần chi tiết nhưng lại không có thời gian. Đồng thời, cũng xin nói thật là tôi cần biết khuynh hướng tư tưởng của ngài Mulholland nữa.

Riley ngồi lọt thỏm trong ghế lớn bọc da. Nghe tiếng cũng đủ biết hắn chưa nguôi giận:

- Tôi chắc chi tiết chưa bao giờ là điểm mạnh của ông, phải không thưa ông Glass?

Câu nói hàm ý xúc phạm ấy không làm Glass hoảng bằng sự căng thẳng ẩn chứa bên trong nó. Phải chăng bất kỳ ai nghe nói có người từ bỏ thiên hướng làm báo để nhận lời viết tiểu sử cho bố vợ đều tỏ ra căng thẳng như vậy? nếu thế họ đã đoán nhầm. Tuy nhiên, Glass chỉ chú ý đến sự căng thẳng của Riley, chứ thực tế ông bỏ nghề báo trước cả khi có lời đề nghị hấp dẫn của Bill Lớn, một đề nghị chỉ có thằng ngu mới từ chối. Những bài báo của ông về tình hình chiến sự tại Bắc Alien, vụ thảm sát ở quảng trường Tiananmen, tội diệt chủng ở Rwandan, về Intifada, hoặc ngày chủ nhật đầm máu ở Srebrenica... không gì hơn lời than van ai oán một cách hoa mỹ. Trong ông có cái gì đó ngừng hoạt động, giống ngọn lửa giờ tắt ngấm mà chính ông cũng không hiểu tại sao. Nói một cách đơn giản là: nhiệt huyết của ông đã nguội lạnh. Giờ ông chỉ là hiện thân của một câu chuyện cũ mèm, sáo rỗng. Đúng lúc đó, Bill Lớn đến, đặt tay lên vai ông và bảo: “Ta muốn con viết sách này không chỉ bởi ta tin tưởng con, mà còn bởi ta biết nhiều người cũng tin con giống như ta vậy. Đừng viết như thể ca ngợi một vị thánh. Ta chỉ là người phạm, không xứng với kiểu ca tụng ấy. Thứ ta muốn là sự thật.” Câu nói ấy khiến Glass suy nghĩ rất lung và quyết đi tìm sự thật.

Ông nói với gã thanh niên đang ngồi lọt thỏm trong ghế bành:

- Có chuyện này tôi biết sẽ làm khó cậu.
- Chuyện gì?
- Tôi không muốn tên cậu và việc cậu sắp làm đến tai ông Mulholland. Cậu hiểu chưa?

Glass cố tình quay phắt lại, làm mặt nghiêm nhìn xoáy vào Riley. Nỗ lực ấy khiến ông xây xẩm mặt mày. Oái oăm thay, gã Riley vẫn ngồi gặm móng ngón tay út, lơ đãng nhìn trần nhà và làm như không

nghe ông nói. Hắn thủng thẳng:

- Giữ bí mật là việc của tôi mà. Với lại, ông sẽ phải ngạc nhiên vì nếu biết tìm đúng chỗ, ông sẽ nhận được nhiều thông tin. Hay theo cách nói của ông là “chi tiết”!

Thốt nhiên, Glass chỉ muốn Riley biến đi cho rảnh mắt. Ông hỏi cộc lốc:

- Cậu có đem theo mẫu hợp đồng chính thức không đó?

Riley cười rụt rè:

- Gì cơ? Tôi không thích hợp đồng. Tôi tin ông.

- Vậy sao? Xét bản chất công việc của cậu, thiết tưởng cậu không tin ai mới phải.

Riley đứng hắn dậy, úp cả hai bàn tay vào đũng quần jeans rộng thùng thình để chỉnh cho ngay. Phải công nhận hắn chẳng tao nhã chút nào:

- Bản chất công việc của tôi ư? Tôi là nhà nghiên cứu, thưa ông Glass.

- Tôi công nhận điều đó. Nhưng cậu chuyên tìm thông tin và sẽ có lúc sự thật do cậu khám phá làm người thuê cậu không khỏi nhả mặt. Đó là chưa kể đến phản ứng từ chủ thể của hoạt động nghiên cứu này.

Riley nghiêng đầu, nheo mắt nhìn Glass dăm dăm:

- Sao ông bảo Bill Lớn không che giấu tội lỗi.

- Đó là theo niềm tin chủ quan của mình tôi thôi.

- Nếu vậy xin nói để ông biết: ai cũng che giấu, không ít thì nhiều và hầu hết những gì họ giấu giếm đều là tội lỗi.

Glass quay người đi ra cửa buộc Riley phải ra theo. Ông nói như ra lệnh:

- Chắc cậu nên bắt tay vào việc luôn đi. Khi nào cậu có tin cho tôi?

- Tôi phải suy nghĩ kỹ lưỡng, sắp xếp thông tin, quyết định thứ gì đáng để ông quan tâm. Sau đó, chúng ta sẽ bàn tiếp (Glass đã mở rộng cửa. Không khí tù đọng trong hành lang thoáng mùi cao su cháy). Với lại tôi cũng cần thu thập thông tin về ngài nữa (Riley chột cười khẩy). Hồi trước, tôi cũng hay đọc những bài báo của ông trên các tờ Guardian, Rolling Stone hoặc New York Review. Và bây giờ, ông sắp viết tiểu sử của Bill Mulholland! Tôi thần phục đấy!

Nói xong, hắn quay lưng bỏ đi.

Glass đóng cửa cẩn thận, đoạn quay về bàn làm việc. Ông vừa ngồi xuống, chuông điện thoại đã réo

vang như dầu hiệu báo sự chẳng lành:

- Thưa ngài Glass, đây là Phòng An ninh. Bà nhà vừa đến, thưa ngài.

Tự nhiên, Glass im bật một thoáng. Ông chạm vào chiếc ghế mà Dylan Riley vừa ngồi khiến nó khẽ kêu cọt kẹt. Mùi cơ thể gã thanh niên còn thoảng trong phòng: khen khét, hôi hôi như mùi thú rừng.

À, con vượn cáo! Phải, Dylan Riley rất giống con vượn cáo. Chính là nó đấy.

John Glass nói vào ống nghe:

- Mời bà ấy lên.

2. LOUISE

Ở tuổi bốn mươi tám, trông Louise Glass như mới ba mươi. Bà có vóc người cao mảnh mai và mái tóc mượt mà màu nâu đỏ, dù lâu nay màu ấy đều từ chai thuốc nhuộm tóc mà ra. Da Louise trắng xanh, gàn như trong suốt. Các nét sắc sảo, thanh tú trên khuôn mặt bà, nếu nhìn từ góc này trông xinh đẹp nhưng từ góc khác lại rất khắc nghiệt. Không biết bao nhiêu lần Glass vừa thán phục vẻ đẹp lộng lẫy của vợ, đồng thời khẳng định tình yêu dành cho bà đã nguội lạnh từ lâu. Cảm giác ấy thật lạ lùng. Một ngày nọ, khi sắp từ bỏ nghề báo, Glass chợt nhận thấy niềm đam mê tuyệt vọng, đau khổ của mình dành cho vợ hoàn toàn biến mất, chỉ để lại con số không to tướng, như thể người đàn bà bằng xương bằng thịt xinh như tiên nữ giáng trần đã hóa đá trong vòng tay ông. Bà vẫn như xưa, đẹp trau chuốt với thân hình mảnh dẻ nhưng với ông chỉ là cái bóng gợi nhớ một cái gì đó từng làm tim ông thổn thức, nước mắt tràn mi bởi hạnh phúc pha lẫn niềm đau. Nhưng giờ đây, sự hiện diện của bà chỉ làm ông thoáng sầu muộn, u hoài.

Hôm nay, bà mặc bộ vest màu xanh lá cây sẫm và đội chiếc mũ nhung đen nhỏ xíu hình vuông của nhà tạo mẫu Philip Treacy, trên đỉnh mũ có vài búi tơ nhỏ trông như kẹo bông.

- Anh sao thế? Mặt anh tái đi kìa.

- Tại văn phòng này đây.

Nhìn bao quát căn phòng, vợ ông nhú mày. Cha bà là chủ sở hữu tòa nhà và chính bà gợi ý ông cụ cho Glass mượn một phòng làm nơi làm việc.

- Phòng này làm sao?

Ông không muốn thú nhận mình sợ ở trên cao chót vót, cách mặt đất những bốn mươi tầng nhà.

- Nó lạnh lẽo quá. Ngồi đây chắc anh chẳng viết lách gì được đâu.

- Hay anh về căn hộ làm việc vậy.

- Ai lại làm việc ở nhà.

Cặp mắt xám pha xanh lục của bà chiếu thẳng vào ông:

- Anh coi đó là nhà ư?

Sự im lặng đến ngay sau đó như vực thẳm, một thứ hai người chỉ dám liếc xuống rồi lúi vội ra sau.

- Hay anh đến Silver Bam nhé? (Silver Bam là nhà họ, mà không, nhà của Louise ở Long Island). Phòng làm việc ở đó tiện nghi lắm. Lại yên tĩnh nữa, không ai quấy rầy anh đâu (thấy Glass xiu mặt, bà mím môi). Thôi được, nếu không làm việc được thì anh đưa em đi ăn vậy.

Khi họ sánh vai tản bộ trên đường 44, cuối cùng Glass cũng được hút thuốc. Mưa phùn lất phất bay. Hút thuốc khó chịu ở chỗ: cơn thèm thuốc lớn hơn cảm giác thỏa mãn do khói thuốc đem lại rất nhiều. Lắm lúc, đang hút dở điếu thuốc, Glass lần tìm bao lấy điếu mới định châm lửa. Glass chỉ muốn hút cả sáu điếu một lúc hầu tìm cảm giác cực mạnh cho đã cơn thèm.

Nhà hàng Mario's gần hết bàn. Hồi này, nó rất đắt khách. Khăn trải bàn ca rô màu đỏ và ghế gỗ sồi ọp ẹp tạo cảm giác mộc mạc dân dã, trái ngược hẳn với giá tiền ngất ngưỡng ghi trong thực đơn. Gia đình Glass là khách quen từ khi nhà hàng mới mở cửa đón khách. Trước khi chuyển đến New York ở hẳn, vợ chồng ông đã thường xuyên lui tới đây. Hồi đó, đích thân ông Mario quản lý nhà hàng và không gian nội thất còn hết sức giản dị. Người ta gán cho nhà hàng này cái tên Ngựa Hoang Đỏ Máu dù không ai nhớ sự tích ra đời của tên ấy.

Louise trao cây dù ướt nước mưa cho người phục vụ. Sau đó, người ta đưa họ đến một bàn trong góc cạnh cửa sổ. Glass nhận thấy bàn được chuẩn bị sẵn cho ba thực khách. Lập tức, rượu Prosecco được mang đến. Louise lầm bầm:

- Ước gì em có can đảm bảo họ thứ rượu này tầm thường lắm.

Glass làm thinh. Ông thích Prosecco. Ông cũng thích kiểu phục vụ không cần chờ gọi đã sốt sắng mang rượu tới đặt trước mặt khách thật điệu dàng. Nó cho ông cảm giác ông là dân kỳ cựu ở New York. Ông thích thú nghĩ thầm một tí bả: “Glass được phục vụ bởi nhà hàng Ngựa Hoang Đỏ Máu nổi tiếng nhất Manhattan”. Glass có thói quen khó bỏ là hay ngẫm chuyện đời mình bằng ngôn ngữ báo chí. Ông tự hỏi không biết Louise có nghĩ ông quá tầm thường, như loại rượu kia không.

Vợ ông hỏi, mắt không rời thực đơn:

- Công việc đến đâu rồi? Anh đã khai bút chưa đây?

Nhờ ánh sáng dịu dưới trời mưa phùn hắt qua cửa sổ, nét nhìn nghiêng của Louise cầm tờ thực đơn trông giống tượng Đức mẹ Đồng Trinh của người Florentine cổ có khuôn mặt dài, xương xương và làn da trắng xanh, tay cầm cuốn thánh thi.

- Chưa, anh chưa thực sự chấp bút. Trước tiên, anh phải làm vài việc đã.

- Có phải nghiên cứu không?

Ông nhìn vợ dăm dăm. Bà không thể biết chuyện Dylan Riley! Ông chưa hề hé môi với ai về gã “vượn cáo” ấy. Louise vẫn dồn hết tâm trí vào tờ thực đơn như cách bà chú tâm đến mọi chuyện lớn nhỏ. Glass buồn rầu nhớ ngay cả khi ân ái, vợ ông vẫn giữ thói quen ấy.

Ông làu bàu:

- Phải. Đại loại thế.

Thấy bồi bàn đến, Glass gọi món mì xào với sò còn Louise chỉ dùng rau trộn. Trưa nào bà cũng dùng độc một món ấy. Glass bụng bảo dạ không hiểu tại sao bà phải đọc thực đơn kỹ như vậy. Ghi chép

xong, phục vụ bàn chỉ bút chì vào chỗ thứ ba còn trống nhưng Louise lắc đầu. Bà quay sang Glass:

- David nói sẽ ghé qua. Em có bảo con vợ chồng mình sẽ ăn trước. Khi nào con đến, mình cùng uống cà phê.

Glass không nói không rằng. David Sinclair là con riêng của Louise từ cuộc hôn nhân đầu với một luật sư phố Wall. Người này thoáng xuất hiện trong đời bà không để lại dấu ấn gì sâu đậm ngoại trừ đứa con trai giờ chiếm vị trí trung tâm trong thế giới của bà. Glass nhìn quanh tìm bồi bàn và bản liệt kê đồ uống. Nếu cậu con riêng của Louise đến “góp vui”, Glass thấy một ly Prosecco là chưa đủ.

Nhà hàng mang đồ ăn đến. Họ dùng bữa trong im lặng, không ai nói với ai câu gì. Gió thổi màn mưa phún tạt vào khung kính cửa sổ. Bên ngoài, xe cộ ướt rượt loang loáng vút qua như một ảo ảnh hiện rõ trong bầu không khí ẩm ướt. Glass băng quơ tự hỏi lý do khiến ông thấy cần giấu chuyện thuê Dylan Riley. Cuộc đời Bill Mulholland là biểu tượng chói sáng của thế kỷ hai mươi hỗn loạn, bạo lực và nhiều phát minh, đổi mới đến chóng mặt mới kết thúc cách nay chưa lâu. Bất kỳ nhà viết tiểu sử nào đều cần sự trợ giúp đáng kể trong việc thu thập thông tin để viết về một con người đặc biệt như thế, ngoại trừ ông. Bill Mulholland vốn là người theo chủ nghĩa cá nhân khắc khổ và đòi hỏi những người thân cận cũng khắc khổ theo. Chỉ có nhà văn chuyên cuờng ngựa xem hoa mới thuê người khác làm thay phần khó khăn, nặng nhọc nhất cho mình! Bill ủy thác việc viết tiểu sử của mình kèm với khoản thù lao một triệu đôla cho con rể vì, theo lời Bill, ông tin cậy Glass. Theo John Glass hiểu, tin cậy ở đây có nghĩa: có gặp đá quá to và nặng thì chớ lật lên làm gì. Đúng như Glass dặn Dylan Riley: chính ông, không phải bố vợ ông, muốn biết thông tin thật, đặc biệt là những sự thật gây phiền toái. Glass mong triết gia Aristotle nói đúng: *Ai nắm giữ bí mật sẽ nắm giữ quyền lực*.

Vừa nhấm nháp chút rượu cay, Glass vừa quan sát kỹ vợ mình. Bà cầm cúi với đĩa rau xanh trong sự tập trung cao độ, giống con diệc chăm chú ngó nghiêng bên mép nước. Lúc trước, Louise nhiệt tình thúc giục ông nhận lời đề nghị của cha mình. Lúc ấy, bà bảo ông: “Hồi trước, anh vẫn thích những công việc khó khăn, đầy thách thức mà. Viết tiểu sử cho cha chính xác là một thách thức đầy hấp dẫn (Glass vừa kịp để ý đến từ “hồi trước”, Louise đã nói thêm, hai khước miệng hơi trễ). Với lại, anh thử nghĩ xem, một triệu đôla đấy.”

Chẳng phải vì ham tiền mà Glass nhận làm việc này. Vậy thì vì cớ gì? Ông công nhận Louise nói đúng. Còn thách thức nào lớn hơn việc viết hồi ký chính thức cho Bill Mulholland, một trong những chiến binh dữ dội nhất của cuộc chiến tranh lạnh, người đã biến Đế quốc Tội lỗi thành tro bụi?

Bố vợ Glass bảo ông, kèm theo cái nháy mắt đã trở thành huyền thoại:

- Chắc anh cũng biết sẽ phải đưa bản thảo cho bên Langley ký duyệt. Thực tế có nhiều thứ họ không cho ta hay đâu.

Giờ nhớ lại nhận xét ấy, Glass liên tưởng đến Tổng thống Nixon khi xưa ngồi toát mồ hôi hột dưới ánh đèn chói gắt.

David Sinclair đã đến. Cậu công tử bột này được thừa hưởng vóc dáng cao uyển chuyển của mẹ, chỉ có điều tóc cậu ta đen, da ngăm ngăm còn Louise tóc nâu đỏ và da trắng nõn. Rubin Sinclair, bố David, quê ở Kentucky, người đầy lông lá và tính tình lỗ mãng. David đẹp trai theo kiểu cậu ấm được

nuông chiều thích chưng diện. Tuy nhiên cặp mắt hơi lồi của cậu không may quá gần nhau. Mỗi lần nhìn đứa con ghê, ông lại nhớ Truman Capote từng nhận xét về nữ minh tinh Marlene Dietrich rằng, nếu mắt bà ta sát nhau thêm chút nữa trông sẽ giống hệt con gà mái. Gã Truman này thật độc mồm độc miệng. Có lần Glass cố phỏng vấn ông ta trong bữa trưa rượu thịt túy lúy ở khách sạn Bốn Mùa, nhưng đang phỏng vấn nửa chừng, vị tiểu thuyết gia say quá đã áp má xuống khăn trải bàn ngáy như sấm. Lúc ấy, vì còn trẻ người non dạ nên Glass không ngượng ngừng gì, cứ thản nhiên ngồi ăn cho hết đĩa chim non nướng, uống nốt chai Mouton Rothschild, bụng yên chí vì hóa đơn cho bữa chiều dài thịnh soạn ấy được tờ Sunday Times ở Luân Đôn chi trả.

- Con chào dượng. Đời vẫn đẹp, phải không ạ?

David chào Glass rồi ẻo lả ngồi xuống ghế, trải khăn ăn lên đùi. Thái độ của cậu với cha dượng luôn dè chừng, thiếu nghiêm chỉnh.

Glass cổ tươi tỉnh:

- Có gì tươi đẹp lắm đâu.

David gọi trà bạc hà. Trên người cậu khoác bộ vest len sẫm màu bên ngoài áo sơ mi lụa trắng và cà vạt lụa. Tay David đeo đồng hồ hiệu Patek Philippe, thời trang của người ưa kín đáo. Mẹ cậu nuông chiều con quá mức. David là điểm yếu duy nhất của bà.

Louise lên tiếng:

- David định khoe với anh một chuyện. Đúng không con?

Cậu trai trẻ khẽ nhướn mày, thoáng nhắm nghiền hai mắt và khẽ nhún vai:

- Con tưởng mẹ nói từ lâu rồi chứ. Con thấy mẹ hào hức hơn bình thường.

Louise quay sang chồng:

- Con vừa tham gia quản lý quỹ tài trợ.

Glass ngớ người, không hiểu:

- Quỹ nào?

- Trời! Anh sao the John? Quỹ ủy thác Mulholland chứ còn quỹ nào nữa. Thực ra, chân giám đốc sẽ là của David nay mai.

- Ra vậy.

- Anh chỉ nói được có thế thôi ư?

- Anh tưởng em là giám đốc.

- Em thôi chức vụ ấy rồi. Thì em vẫn hay than vãn với anh công việc giờ quá sức em. Từ nay trở đi, em chỉ là cố vấn thôi.

Glass châm chọc với một chút thích thú như the David không có ở đó:

- Anh e con còn quá trẻ, chưa đủ sức gánh vác trách nhiệm lớn như thế.

Không hiểu sao David lại cười khẽ lúc đưa ly trà lên miệng.

- Thời gian đầu em vẫn đi làm để giúp con đỡ bờ ngõ (Louise cúi kính. Bà luôn bực mình khi bị buộc phải giải thích cho quyết định của mình). Với lại còn nhiều người khác. Nhân viên ở sở toàn người có kinh nghiệm chứ bộ.

Glass tủm tỉm nhìn gã thanh niên đang ngồi xoay lưng ra cửa sổ. Ông nâng ly:

- Chúc mừng đây, chàng trai.

Ông tận dụng mọi cơ hội để cố tình không gọi tên con riêng của vợ.

Nâng ly trà đáp lễ, David nói giọng cực kỳ mai mỉa:

- Cảm ơn cha!

Thốt nhiên, Glass nhớ lần đầu ông gặp Louise trong một chiều tháng tư mưa bão liên miên ở dinh thự của John Huston gần Loughrea, phía tây Alien. Năm đó, Glass mới mười chín nhưng già trước tuổi. Ông đến phỏng vấn đạo diễn Huston để viết bài cho tờ Irish Times. Cùng thời điểm ấy, Bill Mulholland đưa con gái đến thăm bạn. Từ nhà Huston, họ cưỡi ngựa xuống thung lũng đến ngôi biệt thự Mulholland mới mua. Hôm ấy, quần cưỡi ngựa của Louise lấm bẩn, khăn quàng lụa xanh lá cây trên cổ cô bay phấp phới. Má cô ửng hồng trong gió lạnh, sống mũi cao lấm tấm tàn nhang. Glass từng người không nói nên lời, cố không trợn mắt ngó lom lom cô tiểu thư xinh đẹp. Vốn lão luyện trên tình trường, chỉ nhìn thoáng qua Huston cũng biết cảm giác của chàng phóng viên trẻ. Ông ta cười nham nhở, ấn ly martini vào tay Glass: “Thôi uống đi, đừng mơ mộng nữa”.

David Sinclair đã uống hết tách trà và giờ thì đứng lên kéo cổ tay áo sơ mi. Cậu ta nói trơn tru rằng phải đi có việc, cố tình để hai người ngồi lại hiểu rằng việc ấy rất quan trọng, không thể tiết lộ giữa chốn đông người. Theo nhận xét của Glass, David vô cùng tự mãn. Giám đốc Quỹ ủy thác Mulholland ở tuổi... David mấy tuổi nhỉ?... hai mươi ba chăng? Ông cười thầm: “Thế nào hẳn cũng quậy làm công việc rồi tung lên cho xem!” Tất nhiên, bà mẹ sẽ che đậy mọi lỗi lầm tệ hại nhất cho cậu con quý tử, nhưng người sáng lập quỹ là Bill Lớn kia. Ông ta chẳng quý hóa thằng cháu ngoại như mẹ nó hằng mong, đồng thời cũng không phải người dễ tha thứ.

Khi David khuất dạng, Louise ra hiệu bồi bàn tính tiền, đoạn quay sang chồng:

- Không biết anh có nhận ra là mình để lộ thái độ ghen tị không?

Glass tròn mắt:

- Anh ghen với ai nào?

Louise trao thẻ tín dụng bạch kim cho bồi bàn. Cậu ta bỏ đi một lát rồi mang hóa đơn quay lại. Nhận chữ ký đẹp và sắc nét của Louise dưới tờ giấy, cậu ta đưa bản sao cho bà rồi bỏ đi. cẩn thận gấp tờ giấy làm tư dọc theo chiều dài, Louise cất vào ví. Cách làm việc của bà là thế: gấp gọn và lưu trữ, gấp và lưu trữ. Glass khẽ đùa:

- Anh ngạc nhiên vì quỹ chưa làm thẻ đặc biệt dành riêng cho em. Ví như thẻ tín dụng đeo từ đá ở quê hương Siêu Nhân ấy.

Louise lờ đi. Mọi lời nói đùa sâu cay của Glass, bà đều làm lơ.

- Công việc của Quỹ ủy thác đáng được trân trọng. Phải nói thêm rằng quỹ đang giúp giải quyết cuộc xung đột góm ghiếc ở chính quê hương anh đấy.

Glass thâm thán phục cách dùng câu chữ chuẩn xác của vợ để tạo nên sự kỳ thị sâu sắc. Ba năm học cao học ở Anh giữa những nhà thực chứng tôn thờ logic của đại học Oxford đã đào luyện năng khiếu biểu đạt bằng ngôn từ của Louise thành vũ khí sắc bén.

Glass cố che giấu thái độ bất mãn:

- Anh hiểu công việc ở quỹ lắm chứ.

Bà tỏ ý không muốn nghe:

- Phải nói thật là anh hay cay cú và quá ghen tị nên không thừa nhận tầm quan trọng của công việc em và mọi người đang làm. Nhưng tin em đi, em không quan tâm đâu. Đã từ lâu, em không còn để ý đến chuyện anh nghĩ gì hoặc không nghĩ gì. Nhưng em sẽ không để anh tiêm nhiễm kiểu ăn nói chua cay ấy cho con em. Anh thất bại không phải do nó... Đừng trách ai, hãy trách chính mình ấy. Anh mới là người đáng bị mai mỉa.

Nãy nhìn xuống bàn, giờ Louise nhìn thẳng vào chồng. Đôi mắt bà cũng trống rỗng như mặt chiếc đồng hồ đất tiền của David với vô số chuyển động phức tạp rắc rối giấu phía sau nó.

- Anh hiểu chưa?

- Anh ra ngoài hút điếu thuốc.

Mưa đã tạnh. Mặt đường ướt bốc hơi dưới nắng trưa. Glass đi bộ về văn phòng Tiết trời mới chớm xuân còn lạnh giá chui qua lớp áo khoác mỏng làm ông rét co ro. Nhớ đến Dylan Riley, ông hình dung hắt đang ở đâu đó trong khu ngoại ô yên tĩnh, lúi húi bên đồng máy móc. Màn hình vi tính chiếu ánh sáng ma quái lên mặt hắn, in hình ảnh lên tròng đen của đôi mắt đeo tròng kính loang loáng. Mỗi một tuần sau, Glass mới nghe tiếng Dylan. Lần này ông đã biết cú dớp của con vượn cáo ác hiểm và ghê gớm chừng nào.

3. VẾT RĂNG LOÀI DÃ THÚ

Suốt tuần, Glass chỉ đến văn phòng, cô hết sức tập quen với tường kính, sắt thép, không khí tù đọng và trên tất cả là độ cao đáng sợ. Ông cố ngồi cho hết thời gian làm việc; mỗi sáng nhanh nhẹn bước vào lúc chín giờ để rồi năm, sáu tiếng sau, ông sàu thẳm cổ lết ra ngoài. Một ngày nọ, Glass chợt nhớ trong phòng không còn ai khác nên châm thuốc hút. Tự cho phép mình hưởng thụ, ông ngả người, dựa hẳn vào lưng ghế và gác hai chân lên bàn. Chưa bao giờ hút thuốc lén lút lại thơm ngon, phấn kích và khoan khoái đến thế, kể cả lúc mười tuổi khi Glass trộm thuốc lá trong túi áo ông bố.

Nhưng dần dà, ông nhận thấy mình tự chuốc họa vào thân. Trước nhất, cửa sổ phòng đóng kín mít thế này, làm sao khói thuốc thoát ra ngoài được? Trong không khí tù đọng, mùi hôi thuốc lá quanh quẩn cả tuần sẽ tố giác ông. Và hơn thế, ông sẽ phải xử lý tàn và đầu thuốc như thế nào? Loanh quanh mãi, ông tự làm gạt tàn bằng giấy bạc gói kẹo sôcôla ai đó bỏ trong thùng rác. Ông cực kỳ tự hào vì sự tháo vát và sáng tạo kiểu Robinson Crusoe này. Hút xong, ông bắt chước Louise gấp mảnh giấy bạc thật gọn gàng rồi nhét vào túi và ngạc nhiên vì đầu thuốc đã dụi tắt ngấm rồi mà vẫn còn nóng rẫy. Sau đó, với sự thận trọng của kẻ vừa phạm tội tày đình, Glass len lén ra nhà vệ sinh, vào một ngăn và cài then cẩn thận trước khi mở gói giấy bạc trút hết cả tàn lẫn đầu mẩu vào bồn cầu. Nhưng tất nhiên đầu lọc thuốc quá nhẹ, không chịu chìm. Sau mấy lần giặt nước không ăn thua, Glass phải vớt đầu lọc mềm nhũn, sũng nước bọc trong giấy vệ sinh mang ngược lại văn phòng vứt vào sọt rác. Ông buồn nẫu ruột, thậm chí đoán thể nào người quét dọn hay gã trực tầng nhiều chuyện cũng bới ra xem và tố cáo ông.

Glass tần mẩn nghĩ: không biết người nghiện xì ke, nhất là những kẻ bần cùng trót mắc bẫy heroin, cocaine hay meth (thứ mới xuất hiện gần đây), có phải bức bối liên miên hoặc đau đầu nghĩ kế tránh bị khiển trách như ông không? Sau rồi ông cho rằng có, chỉ có điều bọn họ không thấy được mặt hài hước của hoàn cảnh họ đang lâm vào. Chẳng có ai giống ông ngồi đây ngẫm nghĩ về tình huống cười ra nước mắt của mình.

Chiếc máy tính xách tay bóng lộn, màu xám bạc mà nhân viên ông Mulholland trang bị cho Glass hiện nằm trên bàn làm việc trước mặt ông như thách thức ông mở máy. Cho đến giờ, ông không còn để tâm đến thách thức ấy. Thời gian chuẩn bị sẵn sàng trước khi chấp bút đã qua ít nhất là nhiều tuần, nếu không nói là nhiều tháng. Khi không biết làm gì, ông dành nhiều giờ liền đọc lướt quá trình hình thành và hoạt động của OSS (tổ chức tiền thân của CIA), CIA (Cục Tình báo Mỹ) và FBI (Cục Điều tra Liên bang Mỹ), DST (mật vụ Pháp), DGSE (cơ quan tình báo Pháp) và SDECE (tổ chức tiền thân của cơ quan tình báo Pháp). Glass còn xem qua thông tin về KGB (cơ quan tình báo Nga), NKVD (mật vụ Nga) và GRU (tình báo quân sự Nga). Tất nhiên, ông không thể bỏ qua hai cơ quan là MI5 và MI6. Glass cố mãi nhưng vẫn không nhớ hai cơ quan này khác nhau điểm gì. Bù đầu trong mớ chữ viết tắt khó hiểu, Glass cảm giác mình như anh hùng trong chuyện cổ dân gian tìm đường thoát khỏi mê cung đầy kỷ hiệu ma thuật và dấu hiệu báo điềm gở để đến hang ổ của thầy phù thủy đại tài.

Về Bill Lớn Mulholland, đúng là có điểm gì đó diệu kỳ. Ông từng là, hoặc được cho là, loài chim hiếm nhất nhốt chung chuồng với nhiều loại chim quý hiếm: điệp viên có lương tâm. Nhiều quan chức cấp cao trong hệ thống tình báo Phía Tây tin nhiệm tính trung thực của Bill Lớn, đồng thời cũng không ít người nguyên rủa nó. Người ta nói khi còn là giám đốc CIA, chính Allen Dulles cũng nhắc đến Bill

Lớn như “một gã cao đạo đáng ghét”. William Mulholland, có tên đệm là Pius (người ngoan đạo), luôn tin rằng ngành tình báo có bốn phận phải trung thực và công khai với dân chúng trong chừng mực không làm phương hại đến an ninh quốc gia. Ông nói giản dị: “Nếu không, sao ta có thể tự nhận mình là nhà nước dân chủ?” Theo Glass nhớ thì học thuyết này được công nhận trong thập niên 50. Theo Bill Lớn, chính mẹ ông, bà Margaret Mary Mulholland rèn cho ông thói quen tự bắt mình phải trung thực như vậy. John Glass rầu rĩ nghĩ thầm: muốn có một triệu đôla, thế nào cũng phải dành cả một chương trong tiểu sử Bill Lớn để viết về bà Margaret Mary.

Tiếng chuông điện thoại làm ông giật nảy mình. Tuy không nói với ai, nhưng thực tâm Glass ghét điện thoại lắm. Mỗi khi nghe chuông reo, hồn vía ông lên mây cả. Glass nhìn đồng hồ treo trên tường, đối diện bàn làm việc: mười giờ bốn mươi bảy phút sáng. Bên ngoài trời quang đãng nhưng gió thổi mạnh. Từ đầu giờ sáng đến giờ, Glass tránh không nghĩ đến cả tòa nhà đang lắc nhẹ bởi cuồng phong bên ngoài.

- Hây, xin chào.

Dù đợi cuộc gọi này cả tuần, thoát đầu Glass vẫn không nhận ra tiếng người gọi tới. Có tiếng cười khẽ từ đầu dây bên kia:

- Riley đây mà. Ông thuê mật thám mà không nhớ à?

Hóa ra hẳn không còn bắt chước giọng ông như hôm trước. Lần này, Riley dùng giọng kẻ cả, trích thượng như thể hẳn là thám tử Sherlock Holmes không bằng.

Glass âm ừ:

- Tôi đang phân vân không biết cậu đi đâu rồi.

- Tôi cũng thăm thú vài nơi, lùng sục cả trên mạng. Hóa ra tôi “đào bới” được kha khá.

Trong đầu Glass hiện lên hình ảnh con chim nhỏ rụt rè chui dưới bụi rậm mỗ mỗ đồng lá khô mục rữa.

- Thế sao?

Riley trắng trợn nhại lại kiểu nói của Glass:

- Thế đấy.

Cả hai đầu dây đều im lặng. Glass không biết phải nói gì, yêu cầu thông tin ra sao. Một cảm giác bất an hình thành đầu đó trong lồng ngực ông. Glass hình dung rất rõ Riley đang ngả ngón trên ghế lơ đãng gãi đùi quần jean rộng như bao tãi:

- Nghe này. Thứ nhất, tôi biết Bill Lớn sẽ chi tiền để ông viết một cuốn tiểu sử phong phú, hay ho cho ông ta.

Glass nuốt cục nghẹn nơi cổ. Trước nay ông cứ tưởng chỉ có ba người: ông, bố vợ và vợ ông biết chi

tiết này.

Sao gã Vượn Cáo này lần ra nhỉ? Bill Lớn không đời nào ba hoa một chuyện như thế. Hay Louise có nói với ai chẳng? Xét tính cách của bà, chuyện ấy khó lòng xảy ra. Glass thận trọng:

- Tôi chắc cậu kết luận không có căn cứ rồi.

Riley không buồn phân bua, giải thích. Hắn huých toẹt:

- Ta vẫn chưa bàn về thù lao của tôi.

- Thế cậu không nhớ à? Tôi đã yêu cầu cậu làm hợp đồng chính thức mà?

- Khổ nỗi công việc ông giao cho tôi không bình thường.

Glass chờ nhưng gã kia không vội. Rõ ràng, hắn đang rất khoái trá vì chơi được Glass một ván. Glass cố tỏ vẻ thờ ơ:

- Kìa, cậu bảo tình cờ biết tin quan trọng. Sao còn chưa nói đi?

Riley cười hềnh hếch:

- Theo cách hiểu của tôi, hai ta là đối tác cùng thực hiện dự án. Dù ai giới thiệu tôi với ông cũng thế thôi, ta vẫn là đối tác. Đồng ý chưa nào?

- Không. Cậu làm thuê cho tôi. Tôi là ông chủ. Tôi bảo gì cậu làm nấy.

- và theo tôi biết, chúng ta tự tìm đến nhau nên công bằng chỉ có thể có khi tôi là đối tác, hưởng quyền lợi giống như ông.

- Ý cậu là sao?

- Có nghĩa phần tôi là nửa triệu, năm mươi phần trăm thù lao viết cuốn sách chân thực và khách quan này. Ta “cưa đôi”, phải không hả ông bạn John?

Mồ hôi lấm tấm phía trên môi trên của Glass. Thốt nhiên, tâm trí ông u mê, tê dại. Glass nghe tiếng mình méo mó hẳn:

- Nói xem cậu biết những gì?

Glass cảm giác ở đầu dây bên kia, Riley đang vượn vai thích thú, tay gãi liên hồi.

- Chưa. Giờ chưa được.

- Tại sao?

Hắn im lặng ngẫm nghĩ, đoạn bảo:

- Cũng không biết nữa. Chắc do bệnh nghề nghiệp. Tôi biết một bí mật và muốn giữ nó ít lâu để tận hưởng. Giống như thưởng thức rượu vang ngon, người ta chưa nuốt ngay mà giữ trong miệng lâu một chút. Ông bạn già thấy giải thích thế có lọt tai không?

Bên ngoài, một tia sáng chói bất ngờ vụt qua như thể muốn rạch ngang võng mạc của Glass. Hình như ở mấy tòa tháp xung quanh có người mở cửa sổ. Cố nheo mắt nhìn nhưng ông không thấy bất kỳ động tĩnh nào, chẳng hạn một cánh tay giơ lên hay một tấm kính cửa sổ động đậy. Lúng túng, ông không biết phải nói gì. Sao tai họa giáng xuống nhanh và bất ngờ đến thế? Mới đây thôi, Glass chỉ bực mình mỗi việc không biết vút mẩu thuốc lá ở đâu. Vậy mà bây giờ ông đã phải toát mồ hôi lạnh vì bị một gã vô danh tiểu tốt mà ông trót ngu xuẩn giao việc quay lại tổng tiền và đòi những nửa triệu đôla. Đây là mối liên hệ mong manh giữa trạng thái an toàn khi ấy và tình huống nghìn cân treo sợi tóc hiện nay? Glass ôm trán, lắng nghe tiếng mình thở phì phò vào ống nghe.

- Riley, cậu nghe đây...

Glass chỉ nói được có thế. Ông im bật vì đơn giản không biết nói gì thêm.

- Không, chính ông phải căng tai nghe tôi nói đây. (Hắn đột ngột đổi giọng răn dạy và dạy nghiêm). Trước đây, ông là người trung thực. Biết bao người, cũng như tôi, từng tin tưởng và noi gương ông. Giờ ông ngấm lại mình coi. (Hắn khịt mũi ghê tởm). Không tưởng tượng nổi ông bán mình cho lão bố vợ ma quỷ. Cứ đi rêu rao với cả thế giới rằng lão ta vĩ đại, mang lương tâm trong sạch điển hình của thế giới phương Tây trong thời Chiến tranh Lạnh nhưng không được trọng dụng, là người thúc đẩy hòa bình và dân chủ thế giới bằng cách làm cầu nối giữa các nguyên thủ quốc gia. Cứ việc viết cả cuốn kinh thánh, ca ngợi lão như Thượng đế và bán linh hồn lấy một năm đôla bản thảo. Nhưng tôi biết một chuyện nếu nói ra sẽ khiến các người úp mặt xuống bùn! Tôi biết chắc ông phải chi tiền cho tôi, nhất định ông sẽ móc hầu bao để bịt tai che mắt người ngoài, biến bí mật ấy thành chuyện trong nhà đóng cửa bảo nhau. (Glass định nói nhưng lại im). Ông muốn tôi nói ông nghe ư? Thiết tưởng ông phải rõ hơn tôi chứ? Tôi cho là ông dư biết tôi đang nhắc tới chuyện gì. Nó quan trọng đến nỗi sẽ phá tan cuộc hôn nhân đẹp đẽ của ông đấy. Tôi nói đúng chưa nào?

Glass hần hển:

- Xin thề tôi không biết cậu phát hiện được gì.

- Đã thế thì...

Glass tưởng tượng cái đầu dài ngoẵng đang gật gật, cặp môi mỏng mím chặt, túm râu màu vàng nhạt rung rung và cặp mắt lồi quắc lên tức tối:

- Đã thế, cuộc gọi sau dành cho ông sẽ không phải của tôi đâu.

Lập tức, đầu bên kia cúp máy.

Cách nay ba mươi năm, trong ngày đầu Glass gặp Louise tại nhà Huston ở St. Clerans, Connemara, ông đạo diễn có đưa chàng phóng viên trẻ đi dạo sau bữa trưa. Lúc ấy, Bill Lớn và con gái đã đi rồi.

Khi cô gái đi qua Glass để ra cửa, ông còn cảm nhận gió biển Đại Tây Dương mát lạnh thoảng từ mái tóc cô. Bản thân Glass cũng nóng ruột muốn về vì anh sắp đến hạn phải nộp bài nhưng Huston vẫn khẳng khái đòi, theo lời ông là, đi “lang thang” với anh một lúc. Ông ta đi và nửa tiếng sau quay lại. Trong lúc chờ, Glass tranh thủ nghe qua đoạn băng phỏng vấn anh ghi âm được lúc sáng. Huston mặc quần cưỡi ngựa rộng thùng thình bằng vải tuyết, áo khoác cũng bằng vải tuyết phía sau có dây đai, đi vớ len, giày cao cổ và đội mũ lưỡi trai mềm to lùm lùm trông giống đồng phân bò. Hình như ông ta có tình ăn mặc giống gã say rượu, nhân vật chính trong phim Brigadoon. Thấy Glass lén liếc trộm mình, Huston cười ngoác miệng, để lộ hàm răng cái mả:

- Cậu thấy sao? Trông tôi đã giống dân địa phương chưa?

Glass không biết có nên cười hay không.

Họ theo con đường hẹp xuống thung lũng. Khắp sườn đồi cỏ mọc xanh rì có chỗ ngập nắng, chỗ rợp bóng cây. Lũ chim hót ríu rít trên những bụi cây gai, xa xa vẳng tới tiếng nước chảy ở đâu không rõ, chỉ nghe nó róc rách qua đám rễ cây thạch nam. Hoa cây kim tước nở rộ đẹp rực rỡ. Mới quay xong phim *The Man Who Would Be King* (Người Sau Này Trở Thành Hoàng Đế), đạo diễn Huston có vẻ đắm chiêu:

- Có ai ngờ chàng trai quê mãi tận miền Missouri xa xôi sẽ có ngày được sở hữu một khoảnh trên xứ sở tươi đẹp nhất trần đời này? Tôi thích vùng này lắm. Tôi nhập quốc tịch Alien từ năm 1964. Khi nào chết, tôi mong được chôn cất ở đây.

Đen bên cánh cổng gỗ, Huston chống khuỷu tay lên thanh ngang cao nhất và bảo:

- Bấy lâu nay tôi hay để ý cậu. Bởi cậu quá bận rộn đi phỏng vấn này nọ nên không biết trên đời có nhiều người đang quan sát mình. Cậu có tham vọng, tôi tán thành đấy. Cậu có hơi tàn nhẫn một chút, tôi cũng không chê. Không nhẫn tâm, khó lòng công thành danh toại. Nhưng ở cậu có một điểm khiến tôi lo lắng. Ý tôi là, nếu cậu là con ruột của tôi, tôi chắc sẽ mất ăn mất ngủ về điểm này. Nghĩ đến cậu ra đời, dần thân vào thế giới rộng lớn kia, tôi đâm ngại ngại. Hình như cậu kỳ vọng ở con người nhiều quá.

Huston mở then cổng dẫn Glass đi vào con đường nhỏ uốn khúc nơi trồng toàn thông cao vút. Ánh sáng ở đây màu xanh nâu, không khí mát mẻ hơn ngoài đồng trống. Huston bá vai Glass, thân mật bốp nhẹ:

- Hồi trước tôi có quen một gã khá bặm trợn nhưng vui tính, hóm hỉnh. Tôi luôn nhớ hấn đã rỉ tai tôi: “Nếu muốn biết trong phòng ai là đứa khờ nhất thì xin nói thật, là cậu đấy”. (Huston cười khùng khục, nghe như có dòm đặc bám sâu trong phế quản). Tôi nhớ mãi câu nói chí lý ấy: “Nếu không biết trên đời ai khờ nhất, kẻ đó chính là ta”. (Bàn tay hộ pháp của ông lại nắn vai Glass). Này chàng trai, cậu cũng nên nhớ câu ấy.

Giờ ngồi trong văn phòng cao ngất so với mặt đường Bốn mươi tư, Glass nắm ống nghe trong bàn tay run lẩy bẩy và quay số. Một giọng New York chính hiệu vang lên, ngân nga như hát: “Ông cần gì ạ?”

- Alison O’Keeffe có đây không? Bảo có John gọi tới, cô ấy sẽ biết ngay.

Gõ nhịp ngón tay xuống bàn, Glass lắng nghe sự im lặng hoang hoải trong điện thoại. Ông buồn bã nghĩ
thăm: Trên đời này còn gì đau khổ hơn nếu mai này người tình sẽ dứt áo ra đi?

4. ALISON

Mùa đông trước, Glass gặp Alison O’Keeffe ngoài cửa một quán bar tại Village. Cô đúng là hiện thân của ước mơ trong đầu mọi gã đàn ông nghiện thuốc tuổi trung niên. Đúng lúc Glass đứng nép sát cánh cửa rít thuốc liên miên trong lúc tuyết trắng xóa theo gió mạnh đến quần quýt dưới chân, Alison từ trong quán đi ra, nhả mặt nhìn bầu trời xám xịt và châm một điếu Gauloise. Lạy Chúa, thuốc Gauloise kìa! Glass tròn mắt nhìn cô lâu đến nỗi ông ngạc nhiên vì không hiểu sao cô không gọi cảnh sát. Lúc đầu ông tưởng cô là người Pháp nhưng càng nhìn, ông càng hiểu cô là người Alien. Cô người tầm thước, dáng mảnh dẻ, tóc đen nhánh và da trắng khác thường. Nhìn nét mặt, vóc dáng cô, từ “đẹp như tượng” bám riết tâm trí Glass dù cô khác xa một khối đá rắn. Cô như được tạc từ đá cẩm thạch trắng mịn và mềm mại, với những đường nét đáng yêu, xinh xắn. Mắt cô có màu của bầu trời xanh ngắt. Sau này, Glass còn biết thêm rằng bầu trời lồng trong đáy mắt cô càng sâu thẳm hơn những khi sống tình dâm cao ngất. Cô hút thuốc với một chút nôn nóng, một chút dỗi hờn, cũng như mọi cô gái trên đời bị buộc phải ra khỏi cửa vì lý do tương tự. Cánh tay Alison giơ lên, cùi tay chống vào bàn tay bên kia. Mấy ngón tay xoay xoay điếu thuốc như cô giáo trẻ xoay viên phấn trắng trước khi ghi một dãy công thức lên tấm bảng vô hình. Hôm đó, Alison mặc áo len đen cổ cao và quần da đen. Glass cho rằng chiếc quần là một sai lầm thời trang, nhưng sau khi xét nhiều mặt, ông tạm tha thứ cho sai lầm ấy.

Sau này, Glass nhắc đi nhắc lại rằng ông yêu cô trước cả khi họ trò chuyện với nhau lần đầu.

Glass còn nhớ lúc ấy khoảng năm giờ chiều một ngày tháng mười hai u ám, Alison không hề để ý đến ông, thậm chí không biết có ông đứng đó dù trong khu vực dành cho người hút thuốc ngoài sảnh không còn ai khác ngoài họ. Mục đích ông đến quán bar này là để gặp biên tập viên một tạp chí mới nhưng sáng giá. Người này muốn ông viết bài về hiệp ước hòa bình Bắc Alien. Anh chàng biên tập viên vóc người rắn chắc, mặt mũi sáng láng, hay cười chán nản mới tốt nghiệp trường đại học danh tiếng Yale. Sau hai phút nghe anh ta quảng cáo, Glass quyết định không viết. Kiểu thành thực của anh chàng ấy (dù bản thân ông “du” thực tâm chẳng kém anh ta) giờ chỉ làm ông thấy mệt mỏi. Thế nên, dù không có cô gái trắng trẻo xinh đẹp ở bên, ông cũng không vội trở vào quán. Hai người không hẳn thân mật chuyện trò, nhưng chỉ cần một khoảnh khắc đứng gần cô cũng đủ khiến Glass say như điều đồ. Glass tìm cách gây chú ý. Thành phố này có cái lạ là nói một câu thân thiện với người lạ sẽ tạo nên mối hiểm họa to lớn. Có lần trong thang máy, Glass quay sang cô gái đi cùng tấm tắc khen trời đẹp. Lập tức cô ta co rúm người, nép sát vào góc. Nét mặt cực kỳ căng thẳng, cô thông báo trong túi đeo trên vai cô có bình xịt hơi cay! Cô gái mặc quần da bóng loáng hiện đang khó chịu hút thuốc cạnh ông tuy không sẵn sàng nổi đóa nhưng phong thái độc lập, tự tin toát lên từ cô khiến ông ngại ngại. Nhưng giờ đang mùa Giáng sinh. Với Glass, thời gian này trong năm mang đến nhiều cơ hội lạ lùng, hấp dẫn. Thêm vào đó, ông hốt hoảng nghĩ thầm, ngay lúc cô gái kia tắt thuốc, đẩy cửa trở vào quán bar nhộn nhịp, ông sẽ không bao giờ gặp cô nữa. Không thể dừng được, ông đánh bạo gọi chuyện:

- Tôi nghĩ thế này, không biết có đúng không?

Thiếu nữ quay sang ông. Có vẻ ông không gây cho nàng chút ấn tượng nào.

- Xin lỗi, ông nói sao ạ?

- Tôi đoán chắc em là người Alien.

Glass hình dung nụ cười của mình lúc ấy không giống đàn ông đứng đắn.

Alison nheo mắt, nghiêng đầu thâm đánh giá người lạ:

- Sao ông biết?

Glass ngỡ ngàng vì đã đoán trúng. Trong một thoáng, ông như người hụt hơi. Ông cười hào hển:

- Tự nhiên tôi biết, thế thôi. Em mới từ Alien đến hay em là người Mỹ có bà cố từ Alien di cư sang?

Cô gái vẫn nhìn ông dò xét:

- Tôi mới từ Alien đến, chỉ có điều bà tôi là dân New York chính gốc.

Nói đoạn, cô dụi thuốc, đẩy cửa quán bar bước vào trong sau khi “ném” cho Glass nụ cười lạnh lùng, thoáng qua.

Hôm nay đây, giữa tiết trời tháng tư ẩm ướt, ông đến quán bar khác cũng ở Village và mang cảm giác lo lắng có phần giống (tuy lý do khác hẳn) hôm ông lẳng nhẳng bám theo Alison đến quán rượu chui trên đường Houston trong chiều cuối năm tuyết rơi trắng xóa, với quyết tâm rằng ông phải có cô trong đời. Alison đứng chống khuỷu tay lên quầy, tay cầm ly đồ uống màu đỏ sậm:

- Có chuyện gì thế anh? Trông mặt anh tái mét kìa.

Alison là họa sĩ. Dù mặc áo choàng, loại các họa sĩ hay mặc để tránh sơn dính quần áo, và từ xưởng vẽ trên đường Bleecker đến thẳng đây, áo cô vẫn không dính chút màu nào. Cô không giống những nghệ sĩ hoặc cầu thủ, hoặc thích làm dính màu vẽ lên trang phục. Đôi tất cổ cao có sọc ngang đen và xám của cô không hiểu sao khiến Glass nhớ đến nhà thờ Siena.

Nghe ông gọi rượu martini xong, Alison nhướng mày:

- Sao uống thứ ấy sớm thế? Có việc gì à, bị bố vợ gạch tên khỏi di chúc rồi sao?

Với Alison, một quan hệ giữa Glass và Mulholland luôn là tấm vé mời cho những câu chế giễu vui vẻ, tếu táo. Alison có óc hài hước và hay chú tâm đến những sắp đặt trớ trêu trong cuộc sống. Glass không biết Alison nghĩ gì về hôn nhân của ông với Louise bởi cô không bao giờ dả động tới. Điều này làm ông dễ chịu. Sở trường của cô là vẽ tranh trừu tượng khổ lớn bang acrylic tông màu sáng. Glass đánh giá chúng không quá xuất sắc. Alison biết Glass nghĩ gì về tác phẩm của mình nhưng không lấy thế làm phiền. Họa sĩ có cách suy nghĩ như Alison không hiếm.

Ngại ngần nhìn ly đồ uống đỏ như máu trong tay người tình, Glass hỏi cô uống gì. Cô nói đó là thứ rượu có tên Đức Mẹ Đồng Trinh. Glass nhắm nháp ly rượu đắng. Alison im lặng chờ xem chuyện gì khiến ông quá thúc ép, quá bí ẩn khi trao đổi qua điện thoại lúc trước. Kiên nhẫn là một trong những đức tính nổi bật của cô. Có điều lạ là lắm lúc sự kiên nhẫn ấy tạo nên cảm giác ghê ghê, là lạ như the

Alison bình tĩnh chờ cái việc cô đã đoán trước từ lâu.

- Hình như anh vừa chuốc họa vào thân thì phải. - Glass nói.

Alison bật cười:

- Lại nữa.

Glass trầm ngâm uống tiếp. Ông cố nhớ lại khoảnh khắc hình thành quyết định thuê người thu thập thông tin giúp ông viết tiểu sử của William Pius Mulholland. Lúc ấy, có vẻ đó là việc đơn giản, vô hại nhất trên đời.

- Gần đây có ai gọi điện cho em không?

Alison vờ suy nghĩ rất lung:

- Hôm kia, mẹ em vừa gọi điện hỏi em dạo này thế nào, và đã “đá” anh chưa. Mẹ giục em bỏ anh suốt. Ngoài ra, còn một gã buôn tranh trên đường Bảy mươi tư gọi đến. Tuy nhiên gã nghĩ đến chuyện trưng bày tranh của em thì ít, chuyện lên giường với em thì nhiều. Còn nữa, em có gọi thợ đến sửa ống nước bị rỉ...

Glass ngắt lời:

- Anh muốn hỏi người lạ kia. Có ai em không quen gọi đến hỏi han này nọ không?

- Theo anh người ta sẽ hỏi gì?

- Về anh và em.

Alison bật cười to hơn khi nãy:

- Khắp New York có ai biết chuyện chúng mình chứ?

Mỗi lần gặp nhau, vẻ đẹp ấn tượng của Alison hớp hồn ông theo một cách hoàn toàn mới lạ, đồng thời nó cũng khiến ông mềm yếu hẳn. Một mai nếu phải mất cô, làm sao ông chịu đựng nổi đây? Đương nhiên, không sớm thì muộn, phút chia ly rồi cũng đến. Cái chiều mưa tuyệt mịt mù bám theo Alison vào quán ấy, sau một hồi tìm kiếm, ông thấy cô uống rượu mừng Giáng sinh với mấy cô bạn: toàn những cô mạnh bạo và cách họ nhìn ông mới khiếp làm sao! Glass bịa rằng ông muốn phỏng van Alison để viết bài về người Alien ở New York. Alison nghiêm trang ngược nhìn ông, trông giống hệt người cố nhịn để không cười phá lên. Cách cô cầm danh thiếp của ông trông như cô sắp sửa búng nó ra xa. Tuy nhiên, trước sự ngạc nhiên của ông, cô giữ tấm danh thiếp, gọi cho ông vào sáng hôm sau và hẹn gặp nhau ở quảng trường Washington vào giờ trưa. Đúng như Glass đoán, Alison là đồng hương với ông. Họ cùng là người Dublin. Cô có người cha đã về với Chúa, người mẹ đêm ngày chỉ biết lo cho con gái, người anh bạc bẽo làm ngành ngân hàng. Mới đến New York một năm, hiện cô ở căn hộ một phòng lạnh cóng trên đường Bleeker, món quà duy nhất mà người cha giàu nứt đổ đổ vách để lại cho cô theo chúc thư. Cô mới chia tay người yêu vốn là nghệ sĩ điêu khắc người Ý chưa có thể xanh vì

phát hiện anh ta yêu cô chỉ vì tâm hộ chiếu Mỹ cô thừa hưởng từ người cha sinh quán Brooklyn.

Cô bộc bạch tất cả khi họ tản bộ trong công viên nhỏ cây cối trụi lá trong một ngày đông sương giá. Khi ông định nói đôi lời về mình, cô gạt đi:

- Không cần đâu. Em biết ông mà. Em tìm đọc bài của ông từ lâu lắm rồi.

Glass nghe mặt nóng bừng.

Chuyện tình họ kéo dài bốn tháng và đã nhuộm màu buồn bã, chán chường. Glass không hiểu nguyên do vì đâu. Ông yêu cô theo cách riêng và tin cô cũng yêu ông theo cách riêng. Thế nhưng không hiểu sao sợi dây tình yêu giữa họ vẫn mong manh. Thứ họ mong muốn luôn lẫn tránh họ. Có lẽ yêu “theo cách riêng” chưa hẳn hết lòng hết dạ vì nhau nên dường như họ cứ dần xa từng chút. Glass buộc cô phải giữ kín quan hệ giữa họ vì sợ bố vợ và Louise biết. Có lần ông trót dùng từ “trăng hoa” để mô tả những gì có giữa hai người khiến cô không bao giờ quên, không bao giờ tha thứ cho ông. Thực ra, đây không phải lần đầu ông không chung thủy với vợ. Louise cũng không phải mẫu mực của sự trung trinh. Giữa vợ chồng ông có luật bất thành văn và rõ là rất nể mặt nhau nên Glass muốn giữ như thế. Ngoài ra, họ có một số nguyên tắc cần tuân thủ, và đứng đầu danh sách là nguyên tắc mỗi người được tuyệt đối làm theo ý mình. Louise không muốn biết Glass có bao nhiêu người đàn bà bên ngoài, và nhấn mạnh rằng không mối quan hệ ngoài hôn nhân nào được coi là tình yêu, ngoài quan hệ giữa họ.

Alison vui vẻ giục:

- Thôi nào, kể em nghe đi.

Glass cho rang Alison yêu ông vì ông luôn thua thiệt khi đối mặt với khốn khó trong đời. Nó làm ông khó nghĩ, và dù không nói ra, nó làm ông thấy khó chịu bởi ông luôn cho rằng mình khá giỏi giang, hoặc trên mức giỏi giang là khác. Khi nghe ông kể hết về Dylan Riley, cô lắc đầu cười:

- Sao anh gọi hắn là Vượn Cáo? Nhân tiện, loài vượn cáo không thuộc bộ gặm nhấm đâu nhé.

- Sao em biết?

- Hồi bé, em ước sau này thành nhà động vật học mà. Cái tên “vượn cáo” có gốc La tinh là “lemure”, nghĩa là hồn ma hoặc bóng ma.

- Thôi bỏ đi. Hắn ta cao, dáng điệu nhâng nháo với cái cổ cao và gầy nhang, hai mắt đen nhánh giống hệt mắt thẳng con riêng của vợ anh.

Alison lạnh nhạt:

- Anh quên là em chưa có cơ hội biết con ghẻ của anh, nên sẽ không biết dù là mắt hay bộ phận nào khác trên người nó.

Glass không đáp. Sao Alison có thể nghĩ có lúc ông sẽ giới thiệu cô với David Sinclair chứ? Trong quán bar, sát cạnh họ là hai gã môi giới chứng khoán phố Wall, bộ dạng xấu xí đang lớn tiếng bàn bạc

về các mảnh thu lời bất chính. Một trong hai người có dây đeo quần màu đỏ, kiểu lỗi một từ lâu và đầu trông như miếng sườn cừu chặt vuông vức.

- Em này, anh nghĩ hẳn biết chuyện chúng mình. Em chắc hẳn không gọi cho em chứ?

- Nếu hẳn có gọi, anh tưởng em quên được sao?

Glass dăm dăm nhìn ly rượu:

- Biết đâu em không muốn nói vì sợ anh lo.

Alison cười hồ nghi:

- Không đâu. Nếu anh nghĩ thế thì em xin nói rõ, hẳn không gọi và em cũng không sợ anh lo. (Cô uống nốt ly của mình. Gã môi giới chứng khoán đầu vuông đứng cạnh nhìn cô chòng chọc). Thôi, em phải về làm việc đây.

Trên xe taxi phóng như bay về khu thượng Manhattan, trông Glass như đang ngắm phố phường nhưng thực ra ông chẳng nhìn thấy gì. Con đoi nhắc ông nhớ trong quán bar, ông chẳng đưa gì vào bụng ngoài hai ly martini đắng nghét, bữa trưa dạng lỏng nổi tiếng của người New York. Glass định dừng tại quán Ngựa Hoang nhưng lại thôi vì ông không thể chịu được khung cảnh nhộn nhạo và cách viên quản lý nhìn ông.

Tuy chưa bao giờ thú nhận nhưng Glass sợ bố vợ lắm. Ông sợ phong thái lừ đừ, thói quen hay lục đục lúc ba bốn giờ sáng và tính cách gai góc của ông cụ. Nỗi sợ thường trực ấy luôn đeo bám ông như người già sợ chết. Ai cũng biết Bill Lớn coi trọng lời thề đám cưới vô cùng. Sau khi bà Claire, người vợ hai chết thảm vì ngã ngựa, ông đã tìm cách để tòa thánh Vatican bãi bỏ lời thề trong cuộc hôn nhân ngắn ngủi nhưng hạnh phúc của mình. Trong khi đó, ông vẫn coi mình là chồng chính thức của bà Nancy Harrison, người đã bỏ ông hơn hai mươi năm trước. Nếu biết con rể ngoại tình, không ai biết ông sẽ tức giận đến đâu. Với sự đồng tình của người vợ khát khe, Glass đã cố che giấu nhiều tí vết nhơ trong dĩ vãng. Nhưng ông chắc chắn Alison O'Keeffe là chuyện hoàn toàn khác. Vậy ông phải làm gì bây giờ?

Mới bước một chân khỏi khoang thang máy lên tầng ba mươi chín, Glass đã nghe điện thoại reo trong phòng làm việc. Luống cuống tra chìa vào ổ, lật đặt đến bên bàn làm việc, ông nhắc ống nghe lên. Ông tự hỏi tiếng chuông điện thoại có cái gì mà lúc nào nghe cũng cấp bách, khẩn trương thế.

Giọng Louise vang lên:

- Trời ơi! Anh đi đâu về thế?

Glass lăm bắm bịa rằng ông đi ăn trưa. Lập tức, chút rượu mạnh trong bao tử trùng phạt ông bằng cơn trào ngược axit từ bao tử lên cuống họng.

- Có người gọi cho anh, ít nhất là hai lần cơ.

- Ai thế?

- Một ông lạ hoặc tự xưng là đại úy Ambrose.

Glass khó chịu nhàu mày nhìn qua bức tường trong suốt cố nhìn đường phố sâu hun hút phía dưới. Bên quân đội gọi ông làm gì nhỉ? Đen lúc ấy ông mới ngó người: chắc chắn là cảnh sát. cầu Chúa cứu con!

- Ông ta muốn gì chứ?

- Hình như có án mạng.

Tít đằng xa, chiếc trực thăng nhỏ bằng con muỗi chuẩn bị đáp xuống nóc một tòa nhà chọc trời. Dưới bụng nó có dây cáp hay thang dây gì đó rất căng đang lắc lư giống cái vôi. Glass hự hơi:

- Gì cơ?

- Án mạng, có người bị giết. Anh làm gì để cảnh sát đến tìm vậy?

5. NGƯỜI DỄ MÊN

Glass còn không biết gọi nó là gì: sở cảnh sát, đồn công an hay trạm công an khu vực? Nơi này giống hệt người ta mô tả trên phim. Ông được dẫn qua căn phòng rộng có trần thấp tè và ồn ào không thể tả. Chỗ này là bàn giấy kê thành nhiều dãy, chỗ kia được chia thành nhiều ngăn riêng nhỏ bừa bộn giấy tờ. Trong phòng có rất nhiều người mặc áo somi dài tay, vài người mặc sắc phục, vài người mặc thường phục, một tay cầm giấy tờ tay kia là ly giấy đựng đồ uống. Kẻ hối hả, cầm đầu đi vội vã, người đỏ mặt la lối om sòm. Giá được thấy căn phòng này từ trên cao, Glass sẽ tha hồ ngắm người ta đi lại như con thoi hệt như hoạt cảnh trong một phim âm nhạc lừng danh của Busby Berkeley. Ở đây, hể người nào không một mồi thì y rằng đang nổi nóng. Riêng cánh phụ nữ hầu như đều tẩy tóc thành bạch kim, mắt lò dò, di chuyển chậm chạp như thể đêm phải thức trắng. Mà có thể đúng thế thật vì mọi phụ nữ New York có việc làm mà Glass từng biết đều phải nuôi con một mình vì hoặc đã ly hôn, hoặc bị bỏ rơi. Không hiểu sao căn phòng rộng mênh mông này có nét rất giống nhiều cảnh trong các phim hình sự. Phải một đến hai phút sau, Glass mới vỡ lẽ: nó giống hệt một tòa soạn báo.

Khuôn mặt đại úy Ambrose có nhiều nét giống kẻ tử vì đạo trong tranh của đại danh họa El Greco. Cặp mắt nâu u uẩn của ông ấy rất sâu, sống mũi giống lưỡi rìu vừa được mài sắc. Ông cao và hốc hác, có làn da bánh mật nhẵn nhụi hầu như không có lông. Glass đoán ông gốc da đỏ, có thể thuộc bộ tộc Navajo hoặc Hopi. Tuy nhiên, ông nói giọng New York đặc sệt - giọng mũi và kéo dài nguyên âm. Hôm nay, ông ấy mặc bộ vest màu nâu sậm giống màu mắt của mình, áo somi trắng, đeo cà vạt trắng và đi giày đen có đường viền xung quanh. Ông dẫn Glass đến bên bàn làm việc cựa kỳ ngăn nắp, gọn gàng. Ông phân chia giấy tờ thành nhiều chương mục, sau đó xếp thành chồng vuông vức. Còn nữa, bút mực xếp theo kích cỡ và màu sắc, bút chì đều chuốt cẩn thận. Trên tường có hai tấm hình lồng khung cẩn thận: một hình tổng thống Mỹ, hình kia là Giáo hoàng John Paul II.

Viên cảnh sát mào đầu:

- Ông Glass, mời ông ngồi. Cảm ơn ông đã đến.

Một phụ nữ vóc người đậm đà, chân tóc đen lộ ra dưới mái tóc nhuộm vàng như rơm khô không buồn gõ cửa tự động bước vào, đặt một thếp giấy lên bàn:

- Chị Rhoda này, cho hai gã đàn ông đang khát khô cổ một ly cà phê, được không?

Chị ta liếc xéo Ambrose:

- Máy pha cà phê hỏng. Walensky lại giận quá mất khôn, đắm bể nó giống lần trước nữa rồi.

Rhoda quay quả đi ra. Tấm kính cửa rung bần bật phía sau chị.

- Sao anh biết số điện thoại của tôi?

Ambrose với lấy mấy tờ giấy Rhoda vừa mang vào, gõ gõ lên thành bàn:

- Chúng tôi có rà soát danh sách các cuộc gọi của Riley. Lần cuối ông nói chuyện với hấn là khi nào?

- Sáng nay. Lúc mười giờ bốn bảy.

Ambrose nhướn mày vẻ ngạc nhiên. Glass giải thích ngay:

- Lúc ấy, tôi tình cờ nhìn đồng hồ.

- Ra vậy. Nếu mọi nhân chứng đều nhớ chính xác được như thế thì tốt quá.

Nghe từ “nhân chứng”, Glass thấy như có luồng điện chạy dọc sống lưng mình. Ông cảm tưởng sáu tháng đau đầu liên miên, xây xẩm mặt mày sống giữa một New York ồn ào đình tai nhức óc đã dẫn ông đến kết cục này đây. Ông chịu đựng tất cả chỉ để hôm nay ngồi trong đồn cảnh sát, miệng đắng nghét, bụng buồn nôn, sống lưng lạnh buốt và máu đang dần đông lại trong huyết quản. Chuyện xảy đến vừa bình thường lại vừa quái dị, vừa không thể tránh khỏi lại vừa gợi cảm giác bấp bênh, mờ hồ hết như trong một giấc mơ vậy. Glass lắp bắp:

- Đầu đuôi chuyện thế nào? Sao anh lại...

Hay bàn tay đan vào nhau đặt trên bàn, Ambrose hơi nhòai người tới trước. Trông ông ấy càng giống hình trong tranh thánh:

- Người yêu của nạn nhân gọi cho chúng tôi. Vừa đi xa về, cô ta phát hiện thi thể Riley còn ấm và gọi đến đây.

Glass không tưởng tượng nổi Dylan Riley có người yêu. Loại người nào yêu nổi hấn chứ? Ambrose nói tiếp:

- Thường thì vào thời điểm đó, chúng tôi biết được rất nhiều điều qua nhân chứng. Cô ta không phải hung thủ. Chúng tôi đã kiểm tra: lúc xảy ra án mạng, cô ta đang ở Pennsylvania. Cô còn nói hung thủ có trộm đồ. Hình như hấn mang đi ba chiếc máy tính.

- Nếu vậy một người không làm nổi.

- Sao ông nghĩ thế?

- Mang xách nhiều thế cần hai người trở lên.

Viên cảnh sát nhìn ông thương hại:

- Máy tính thời nay nhẹ lắm thừa ông. Vì thế người ta “xách tay” được.

Ambrose chụm tay trên bàn, đẩy ghế có bánh xe ra sau và đứng dậy. Phải nói trên đời ít người cao bằng ông:

- Ông Glass này, chắc tôi phải có chút cà phê vào người mới xong. Ông có muốn uống gì không? Chỉ

cần sang quán bên kia đường thôi, tiện lắm.

Hai người họ đi trong không gian tràn ngập nắng nhưng lạnh buốt, len qua đám đông của giờ cao điểm lúc cuối chiều. Viên đại úy lưng hơi gù, dáng đi nhún nhảy, hai cánh tay khuynh khuynh và đầu hơi nghiêng sang một bên, có lẽ giống tổ tiên người da đỏ xưa nhón nhác nghe tiếng vó ngựa da trắng tiến đến gần. Trót vào sâu trong quán, Glass mới nhớ cơn thèm thuốc. Lúc này muốn ông bình tĩnh chỉ có khói thuốc, tuy nhiên tác dụng không được là bao.

Quán đông nghịt. Trong lúc chờ bàn trống, Ambrose vừa xóc mấy đồng xu trong túi quần vừa từ tốn thuật lại hoàn cảnh lúc Riley bị giết. Mấy khách hàng cũng đợi bàn đứng gần nghe thấy hết nhưng chẳng ai chú ý. Rõ ràng, khu dân cư quanh đồn cảnh sát không coi án mạng là chuyện lạ. Ambrose kể:

- Tên sát nhân có vẻ khá thành thạo. Một viên đạn cỡ nhỏ xuyên qua mắt trái. Theo phỏng đoán của chúng tôi, hình như hắn dùng súng ngắn hiệu Beretta. Sau đó, hắn xóa dấu vết, lôi nạn nhân lên giường chuẩn bị sẵn sàng để nhân viên nhà xác tiện xử lý. Tuy nhiên, Riley bị bắn gục bên bàn làm việc.

- Sao anh biết?

Một lần nữa, viên đại úy lại nhìn ông thương hại:

- Có vết máu trên ghế. Đúng theo sách sinh học phổ thông: “Tử thần luôn để lại dấu vết”.

Cô hầu bàn mặc tạp dề bằng vải bông kẻ, nhai kẹo cao su trèo treo đưa họ đến một bàn trong góc phòng. Nếu lỡ chạm tay vào, họ sẽ thấy mặt bàn dính dính. Cơn thèm thuốc của Glass dâng cao.

- Ông Glass người Alien phải không ạ? Ông đến New York bao lâu rồi?

- Từ tháng mười một năm ngoái.

Cô phục bàn khi nãy mang cà phê đến.

- Ông có muốn định cư lâu dài không?

- Chắc phải vậy thôi. Vợ tôi người Mỹ mà.

Viên đại úy gật gù. Glass hiểu Ambrose không chỉ biết mỗi chuyện vợ ông là người Mỹ.

- Bố vợ tôi ủy thác cho tôi viết tiểu sử của ông cụ. (Nghe chẳng ấn tượng gì cả). Ông ấy là William Mulholland.

Ambrose lại gật đầu, chăm chú nhìn xuống bàn tay đang bỏ đường vào tách cà phê. Glass trầm ngâm cố tìm cách thanh minh việc mình không làm với một người thẩm vấn đã thông tỏ mọi việc nhưng vẫn đăm chiêu và không hề biểu lộ cảm xúc nào.

Viên cảnh sát bắt ngờ bộc bạch:

- Hồi trước, tôi ước thành thầy tu dòng Tên và đã đi tu.

Glass sống người. Ông tuyệt vọng như con cá vàng trong bát nước đục ngầu. Ambrose định dùng tuyệt chiêu thâm vắn gì đây?

- Tôi ở nhà thờ Thánh Peter ở New Jersey. Ông biết New Jersey chứ? Chắc không đâu. Hồi nhỏ ông có học trường dòng không?

- Ở Alien, tôi học đại học trong giáo khu. Tình cờ chỗ tôi cũng mang tên Thánh Peter. Tuy nhiên sau đó người ta không tín nhiệm trường nữa.

- Vì giáo sĩ đồng tính lạm dụng tình dục trẻ em chứ gì? Tôi biết. Chỗ tôi cũng vậy. Nhưng hồi ấy chẳng ai quan tâm cả. Bọn trẻ, tức là tụi tôi hồi đó, không dám nói. Và lại có nói cũng chẳng ai nghe. (Ambrose buồn bã lắc đầu). Nghĩ mà sợ.

- Thực ra ngày ấy chưa thể gọi là xa.

- Đúng vậy.

Ambrose chậm chạp khuấy tách cà phê. Trông ông ấy giống hệt một nhân vật trong chuyện *Alice in Wonderland* (Alice ở xứ sở thần tiên), tuy nhiên Glass không nhớ nhân vật nào? Con lười chẳng? Hay con sâu bướm? Thế rồi cuối cùng, thắc mắc chính cũng được đem ra bàn:

- Ông Glass, xin ông cho biết mối quan hệ của ông với Dylan Riley.

Glass hồi hộp:

- Quan hệ gì cơ?

- Thì ông là thế nào với hấn, hấn là thế nào với ông. (Ambrose cau mày nhìn tách cà phê, như thể câu trả lời sắp từ dưới lớp bột trời lên). Hấn gọi điện cho ông làm gì thế?

- Tôi đã nói rồi. Tôi đang viết tiểu sử ông Mulholland.

- À, viết tiểu sử, phải rồi.

- Dylan Riley có thể được coi là... Nhà nghiên cứu. Tôi thuê anh ta, hay nói đúng hơn là định thuê anh ta làm cho tôi, giúp tôi trong việc viết sách này.

Viên cảnh sát lặp lại:

- Phải, tôi cũng nghĩ thế.

Sau đó là quãng im lặng dài.

John Glass nhiều lần khiếp sợ. Có lần trên máy bay hướng tới Lebanon, ông lơ lửng giữa trời, ngay

phía dưới tên lửa của Israel. Ông tưởng thân xác mình sắp tan thành triệu mảnh. Lúc ấy, nỗi sợ khiến ông hèn kém đi, đến độ ông không bao giờ quên và tự tha thứ cho mình. Nói đúng ra, ngay lúc này ông không thấy sợ. Tuy miệng cũng khô đắng, nhưng trong sâu thẳm tâm hồn ông là nỗi phấn kích, không phải lo lắng. Thật lạ là ông đang hồi hộp và thích thú vì được trà trộn vào số nghi can của một vụ giết người, vì được ngồi đây nghe viên cảnh sát đặc biệt này đặt câu hỏi với mình, và vì sau bao tháng dài ông có thể nói rằng đã chính thức đến với New York, một thành phố náo động, đầy bạo lực và án mạng. Ông nhớ lại câu đại thi hào Emerson từng nói về cái chết và suy nghĩ của con người về nó: “*Ít nhất đó cũng là một hiện thực không lẫn tránh chúng ta*”.

Glass nhấp ngụm cà phê đắng nghét:

- Cái tên Dylan Riley này, hắn sống ở đâu thế?

- Ở gần sông SoHo. Hắn có kho chứa hàng ở Vandam tích trữ đủ loại thiết bị theo dõi. Ông còn nhớ nhân vật Gene Hackman trong phim *The Conversation* (Cuộc Đàm Thoại) không? Tôi ngờ rằng tay này nghiện phim loại ấy.

- Nghe nói hắn rất giỏi nghề.

- Thật ư? Ông nghe ai nói?

Lập tức Glass co lại, như sờ phải con ốc sên:

- Vài người. Toàn nhà báo cả. Nhờ thế tôi mới biết tên hắn.

Viên đại úy rút chiếc bật lửa làm bằng hợp kim măn mê trong tay. A, tay này cũng nghiện thuốc. Thốt nhiên, ông nhận thấy tâm hồn ấm áp tình bằng hữu dành cho anh chàng ốm o, người cao lòng không và nét mặt trông giống một vị thánh đang ngồi trước mặt. Thấy Glass dán mắt vào chiếc bật lửa, Ambrose cười:

- Tôi bỏ thuốc sáu tháng rồi. Cũng bằng thời gian ông đến với thành phố kỳ diệu này.

Ông ấy nhích người, ngồi nghiêng sang một bên cho cặp chân được thoải mái hơn một chút. Máy pha cà phê bằng hơi sau quay bar kêu phì phì như nồi hơi trong nhà máy khiến ông phải cao giọng cho Glass nghe thấy:

- Phải có lý do cụ thể, hung thủ mới giết Dylan Riley. Khổ nỗi tôi không biết lý do ấy là gì. Ông bảo nạn nhân là nhà nghiên cứu nhưng những gì chúng tôi tìm thấy trong kho nhà hắn cho thấy việc của hắn không phải chỉ là nghiên cứu đơn thuần, hoặc có thể hắn đang khao khát vượt qua khuôn khổ của nghề “nghiên cứu”. (Ambrose cầm tách cà phê cạn tới đáy tiếc nuối ngẫm nghĩ như thể từ nay ông ta không bao giờ được uống cà phê nữa). Hắn biết rất nhiều bí mật, toàn thứ vì chúng hắn có thể mất mạng bất cứ lúc nào.

Lại im lặng thật lâu. Viên đại úy nhìn xuống, trông như thể đang ngẫm nghĩ về những tai ương loài người đang phải đối mặt.

Glass cân nhắc từng từ:

- Đại úy này, chắc tôi không giúp anh được đâu. Dù xét theo khía cạnh hoặc tầm mức nào, tôi đều không quen biết Dylan Riley.

Hai mí mắt màu ô liu lật lên. Cặp mắt nâu sáng và uơn uớt chiếu thẳng vào Glass:

- Nhưng ông có gặp hấn.

Đó không phải câu hỏi.

- Đúng rồi. Tôi... à, hấn có đến văn phòng tôi cùng bàn xem liệu hấn có cùng tôi viết sách được không. Chúng tôi chưa thỏa thuận gì hết.

Viên đại úy vẫn nhìn ông chăm chăm:

- Giả sử có “thỏa thuận”, ông muốn hấn tìm thông tin loại nào?

Mọi đầu dây thần kinh của Glass kêu gào đòi thuốc lá:

- Chỉ... thông tin chung chung, chẳng hạn thời gian, địa điểm và những người từng gặp gỡ Mulholland. Đại khái thế.

Viên đại úy mở nắp bật lửa nhưng lửa không cháy. Ngửi mùi gas thoát ra từ lỗ nhỏ như đầu kim khiến cơn thèm thuốc của Glass lên đến cực điểm. Viên đại úy thong thả nói:

- Ngài Mulholland là nhân vật xuất chúng, vì thế cuộc đời ông ấy hứa hẹn nhiều điểm hấp dẫn. Biết đâu quá khứ của ông ấy có nhiều thứ không thể phô bày trên giấy trắng mực đen.

- Nhân vô thập toàn mà. Cuộc đời ai chẳng có vài góc tối!

Viên đại úy bật cười phản đối:

- Ý tôi không phải như vậy. Tôi chỉ định nói rằng ngài Mulholland nắm giữ nhiều bí mật không ai được phép phô bày! Tôi đang nhắc tới thời gian trước khi tập đoàn viễn thông Mulholland Cable ra đời.

- Vậy tôi nhiều chuyện, làm mất thời gian của ông rồi.

Có vẻ câu nói ấy không cần bình luận thêm. Một lần nữa, sự im lặng khó chịu, bức bối lại bao trùm cả hai. Glass thầm đếm xem tính đến giờ, ông đã nói dối Ambrose bao nhiêu lần. Có lẽ không nên gọi đó là dối trá theo nghĩa bất di bất dịch, đúng như tu sĩ dòng Tên của nhà thờ thánh Peter tại thành phố New Jersey bắt các nam sinh phải tuân thủ. Chẳng qua chỉ là vài lần nhấn mạnh tới những từ không đúng hoặc lẩn tránh nói sự thật. Người ta gọi đó là gì nhỉ? Lỗi bỏ sót thông tin, thế thôi. Nhưng sao tự nhiên ông đi luận tội chính mình thế? Đến đây, ông phải nghĩ lại. Ông có tội gì chứ? Ông không bắn chết Riley. Ông chỉ muốn giấu khả năng rất có thể không bao giờ có, rằng gã Vượn Cáo đánh hơi thấy mối quan hệ ngoài hôn nhân giữa ông và Alison O’Keeffe, sau đó tống tiền ông bằng cách dọa sẽ mách

chuyện ấy với vợ và bố vợ ông. Bất kỳ đức ông chồng nào, dù bị vợ ghẻ lạnh đến mấy, đều muốn che giấu chuyện ngoại tình, cố bảo toàn tình trạng “ông ăn chả, bà ăn nem” từ lâu đẹp lòng cả hai bên. Đó là chưa kể một triệu đôla tiền thù lao...

- Tôi từng đọc bài ông viết về anh em nhà Menendez.

Glass sững sờ nhìn Ambrose so đôi vai xương xẩu vờ ngượng ngùng:

- Mọi chi tiết đều được phơi bày ra ánh sáng. Tôi nín thở đọc từ đầu đến cuối. Bài hay thật. Anh là Lyle, còn em là Erik. Hai anh chàng dễ mến. Ông từng gặp mặt họ chưa?

- Rồi.

- Họ thế nào?

- Thì dễ mến đó.

Ambrose chép miệng, gạt chiếc tách sang bên rồi đứng dậy. Họ theo nhau ra cửa. Thấy Glass định rút ví, Ambrose nghiêm trang ngăn lại:

- Quán này không tính tiền khách từ bên đồn sang. Hối lộ mà. Cảnh sát New York mà, ông không biết ư? (Ambrose toét miệng cười). Đùa đấy. Tôi bảo chủ quán ghi sổ, cuối tháng trả một lần cho tiện.

Ra đến đường, Glass châm thuốc hút. Ambrose đút tay vào túi quần lắc đầu:

- Bỏ thuốc đi ông ạ. Tin tôi đi, ông sẽ thấy khác. Thậm chí người ta còn bảo “có bị đuối việc cũng nhàn tẩm thân” mà.

Lúc chờ đèn chuyển xanh để sang đường, Ambrose hỏi:

- Ngài Mulholland có biết chuyện ông và Dylan Riley không?

- Đã có gì nhiều nhận đâu mà kể.

Đèn cửa đồn rồi nhưng Glass không biết mình đã được đi chưa. Trước nay ông thấy mỗi Ambrose là cảnh sát tốt, còn cảnh sát tồi nhan nhản, có thể gặp bất cứ lúc nào. Viên đại úy dừng chân, quay sang ông:

- Chắc ông Glass chưa biết chuyện này. Ông là người cuối cùng nói chuyện với Dylan Riley qua điện thoại trước khi hắn bị giết. Thế có nghĩa ông đứng chót danh sách người nói chuyện với Riley lúc hắn còn sống.

- Áp chót chứ?

Ambrose lại toét miệng cười:

- À vâng, phải rồi.

6. CÙNG GÓP TAY

Có thể nói John Glass không thích căn hộ cao cấp rộng mênh mông hiện hai vợ chồng ông đang sống, hay đúng hơn là căn hộ vợ ông đang sống vì ông chỉ gặp bà vào buổi tối, ngủ qua đêm và đến sáng hôm sau lại đi. Ít nhất thì cũng mình ông nghĩ thế. Với người ngoài, vợ chồng Glass là khuôn mẫu điển hình của cặp vợ chồng ở khu thượng Manhattan, nhờ bà Glass giàu có và thời thượng luôn để ý hoàn thiện đến từng chi tiết nhỏ. Louise làm mọi cách để đảm bảo người ngoài giữ nguyên ấn tượng ấy. Đặc biệt, bà cẩn thận giữ gìn vỏ ngoài của cuộc hôn nhân vì sợ cha, sợ những gì ông sẽ làm nếu con gái để người ta đồn đại không hay về gia đình mình. Ai cũng biết William Mulholland kịch liệt phản đối chuyện ly hôn. Người ta từng nghe ông quy cho con gái mình tội lấy hai chồng với thái độ không phải nửa đùa nửa thật. Dù không ưa gì chàng rể Rubin Sinclair, người chồng đầu tiên của Louise, nhưng Mulholland tỏ ra rất đáng sợ khi nghe Louise tuyên bố hôn nhân của mình không thể cứu vãn và cô định nộp đơn ly dị. Sau này, khi mới yêu Glass, Louise run sợ kể chuyện ấy trên bàn tiệc có champagne và ánh nến lung linh. Không hiểu sao lúc nghe tin ông Mulholland không đôi co với con gái, cũng không la lối hay đe dọa gì. Tuy nhiên, dưới vẻ lạnh lùng của ông là cả một hỏa diệm sơn. Ông cụ gằn giọng bảo:

- Con đã thề rồi cơ mà. Vậy mà giờ con dám phá bỏ lời thề nguyên ấy.

Sau khi thủ tục ly dị hoàn tất mà không gặp trở ngại gì, Louise mang cậu con trai lên mười “chạy” đến Alien, đến dinh thự xây theo lối kiến trúc Georgia tại Connemara để chữa trị vết thương lòng và nghĩ cách làm lại cuộc đời. Tại Alien, bà gặp John Glass lần đầu (Louise đã quên buổi chiều lộng gió giáp mặt chàng phóng viên trẻ tại nhà đạo diễn Huston năm nào). Louise mến Glass vì thấy ông hay trầm tư, không vồ vập, và bà coi đó là thứ dầu gió xoa dịu nỗi đau tinh thần cho mình. Bà thấy John Glass có tất cả những gì Rubin Sinclair không có. Về phần mình, Glass biết nữ thần Định Mệnh tính khí thất thường, dù thế, ông quyết không chậm trễ, nhanh tay nắm lấy nàng tiên xinh đẹp lần thứ hai lạc đến quỹ đạo của mình. Louise vừa ly dị được ba tháng, ông đã cầu hôn ngay. Lúc ấy, bà cười như mếu:

- Trời ơi! Cha em sẽ nói sao đây?

Lần này, không ngờ phản ứng của Bill Lớn rất ôn hòa. Có vẻ ông mến John Glass, vẫn giao du với giới tình báo, ông nhờ bạn bè kiểm tra nhân thân chàng rể tương lai và hài lòng với kết quả: “Con đừng ngại, bệnh nghề nghiệp cũ tái phát ấy mà”. Glass chưa từng lấy vợ và như vậy chưa ly dị lần nào. Ông hài lòng với đạo đức nghề nghiệp của Glass, có vẻ chàng rể tương lai chân thực và lương thiện, đồng thời chắc không phải tay “đào mỏ”. Bill Lớn đau khổ cười nhả nhó dặn con gái và chàng rể tương lai:

- Cha chỉ yêu cầu một điều. Các con hãy chờ sau vụ ly dị của Louise ít nhất một năm. Cố vá víu vài mảnh thể diện gia đình còn sót lại, con ạ.

Louise đã ôm hôn cha, cách thể hiện tình cảm hiếm có giữa Bill Lớn và con gái.

Sau buổi thăm vấn với Ambrose, Glass về nhà. Lúc vào sảnh, ông chạnh nhớ chuyện xưa như trái đất ấy. Glass bức mình vì không nhớ mình nghĩ gì lúc chứng kiến phút thân mật khác thường và sự hòa

thuận giữa hai cha con nhà tài phiệt. Nhưng có lẽ ông chẳng nghĩ gì cả. Mọi ký ức về giai đoạn đó đều mờ ảo vì ông quá hạnh phúc. Giờ ngẫm lại, Glass cảm tưởng quá khứ của ông nằm phía sau tấm kính mờ hơi nước do người đứng gần vừa phì cười nhạo báng.

Lincoln, ông già gác cổng, chạm tay lên vành mũ, đoạn ngẩng trời thùng thảng nói:

- Trời sắp ảm lên rồi ông ạ. Lúc ấy, ời người lại mong trời mát lạnh như bây giờ.

Chẳng biết ông cụ định triết lý gì đây.

Glass vào khoang thang máy nhỏ. Dù đây là sản phẩm của một hãng danh tiếng, Glass cũng chưa bao giờ thấy thoải mái khi bị giam trong cỗ máy kỳ cục kêu vi vút này, vì ông thấy mình như bị giam hãm trong lúc buộc phải tham gia một kiểu chuyển động nguy hiểm. Nói chung, nó là biểu tượng hoàn hảo cho cuộc sống của ông hiện nay, một biểu tượng ông chỉ muốn gạt đi và biện minh rằng mình là người tự do, dù hoàn cảnh trước mắt có éo le đến mấy.

Cửa thang máy trực diện với lối đi riêng dẫn đến căn hộ của vợ chồng Glass. Lần đầu đặt chân đến đây, Glass choáng ngợp, sợ hãi đến độ không dám kể với ai. Nhưng hồi này, mỗi khi đi đâu về, ông đã gọi lớn từ cửa:

- Mọi người ơi!

Glass không nhớ lý do lần đầu thông báo mình đã về đến nhà, chỉ biết nó đã thành thói quen. Đâu đó sâu trong căn hộ rộng thênh thang vắng tới tiếng Louise nói chuyện điện thoại. Glass tìm thấy vợ trong thư viện. Bà ngồi sau bàn làm việc, một chiếc bàn cổ nhiều ngăn kéo có từ thế kỷ mười tám. Mặt bàn có chồng thiệp trang nhã, xấp phong bì và cây viết máy của bà. Louise mặc áo kimono lụa xám, quà tặng của một nhân vật có máu mặt tại Nhật bản nhằm kỷ niệm chuyến công du của bà đến Tokyo trong vai trò đại sứ văn hóa của Liên Hiệp Quốc. Louise chỉ liếc nhanh Glass, cười lơ đãng:

- Anh mới về.

Rồi tiếp tục chăm chú với phong bì và bưu thiếp.

Đứng sau vợ, Glass đón mùi nước hoa từ Louise thoảng tới. Nước hoa hiệu gì nhỉ? Phải rồi, Civet! Cùng một loại nước hoa nhưng khi kết hợp với mùi cơ thể từng người sẽ tạo hương thơm khác biệt. Ít nhất, Glass cũng nghe nói thế. Ông mất tập trung lạ thường, người ở đây mà đầu óc tận đâu đâu. Chắc có lẽ đó là hậu quả sau khi ông vắt kiệt lượng adrenaline trong người ở lần giáp mặt đầy căng thẳng với đại úy Ambrose.

- Cái gì vậy em?

- Thiệp mời cho thứ ba?

- Thứ ba sao?

- Tiệc của Antonini.

- À phải, tay họa sĩ.

Louise nhại giọng thờ ơ của chồng:

- Ủ, tay họa sĩ.

- Anh thấy hẳn phải lòng em rồi đấy.

Louise chỉ ngẩng đầu, nhưng không quay lại:

- Thật à?

- Còn hơn thế ấy chứ. Thấy em, hẳn cứ đàn mắt ra.

- Đừng ăn nói thô thiển thế.

- Anh là vậy. Khó thay đổi lắm.

Glass thầm khen nét chữ của vợ: tự tin, nhanh nhẹn, rắn rỏi. Riêng ông đã không dùng bút máy từ hồi học tiểu học.

Cô ấy quên hay sao mà không thấy hỏi về đại úy Ambrose nhỉ?

Đen bên chiếc sofa trắng thấp lọt thỏm giữa ba bức tường có kệ sách cao đến trần nhà, Glass chợt nhớ ông chưa từng lấy cuốn nào từ kệ xuống kể từ khi... từ khi nào chẳng nhớ nổi. Ba mặt kệ sừng sững đứng đó với vô số sách quý được sắp xếp, phân loại cẩn thận loại như ba tấm bia lớn khắc lời quả trách. Cuốn sách ông đang viết dở dang không biết bao giờ mới hoàn tất. Ông chán nản vì trong đó toàn lời sáo rỗng.

Louise nói, vẫn không quay lại:

- À này, anh đến chỗ cảnh sát chưa?

- Rồi.

- Thực ra là chuyện gì thế? Có người bị giết thật à?

- Ủ.

Đen đây, Louise quay lại, gác khuỷu tay lên lưng ghế thoáng mỉm cười như thắc mắc. Đoạn bà nhẹ nhàng hỏi, giống kiểu hỏi cho có chuyện:

- Có phải người quen không anh?

Glass tựa đầu lên lưng ghế êm ngắm góc trần nhà này sang góc trần nhà khác.

- Không.

Thấy ông không nói gì thêm, Louise lúc lắc đầu như thể hết kiên nhẫn nổi và nói bằng giọng quyền uy như nữ hoàng Victoria:

- Vậy là ai?

Glass cúi xuống nhìn xoáy Louise. Mắt vợ ông sáng rực. Son bóng trên môi bà bắt ánh đèn chùm sáng lấp lánh. Sao Louise kích động thế nhỉ? Glass đoán vì tình cảm thầm kín vợ dành riêng cho Antonini. Ông chán nản quay lại trần nhà.

- Dylan Riley, trẻ, thạo công nghệ thông tin, bị nghi theo dõi, do thám người khác và chuyên thu thập thông tin.

- Thế cảnh sát gọi anh lên làm gì?

- Riley có gọi điện cho anh.

- Vậy sao?

- Ủ. Hắn gọi cho anh lúc sáng thì chiều bị giết. Hung thủ bắn xuyên qua mắt hắn.

Giọng Louise nghe giống bức tức, không giống ngạc nhiên:

- Trời ơi. Nhưng sao gã gọi cho anh? Cái gã... anh vừa nói gã tên gì nhỉ?

- Riley. Dylan Riley. Đọc lên nghe là lạ, nhỉ? Bình thường người ta đâu có đặt tên như vậy?

Cầm tờ The New Yorker trên bàn thấp, Glass chỉ thấy vài thứ: tranh biếm họa, cảnh công viên trung tâm, lộc non trên cành xuân và hình con chó bé xiu.

Louise giục:

- Sao? Anh có định giải thích không đây? Toàn bộ chuyện này là thế nào?

- Có gì cần giải thích đâu. Tưởng Riley có khả năng cung cấp thông tin cho cuốn sách nên anh mới liên hệ với hắn. Hắn gọi lại cho anh. Hóa ra số của anh là số cuối cùng Riley gọi trước khi bị giết. Vì thế, cảnh sát mới gọi anh lên hỏi cho ra lẽ.

Louise vẫn ngồi quay ra sau nhìn Glass. Cánh tay bà vẫn tì lên lưng ghế, ngón tay kẹp chặt cây viết máy. Glass nhắc:

- Coi chừng đầu bút khô mất. Anh còn nhớ phải rửa đầu bút bị khô bằng nước sạch, sau đó nhúng lại vào hũ mực mới viết được.

- Hũ mực ư? Sao nghe giống trong chuyện của Dickens thế không biết.

- Anh cổ lỗ sĩ mà. Thế nên em mới lấy anh.

Clara, bà giúp việc vóc người nhỏ bé vào báo bữa tối đã xong. Glass chú ý đến màu da đen sẫm lạ lùng của bà. Mỗi lần thấy Clara, Glass nghĩ vẫn vợ, không biết chạm tay vào làn da giống satin đen kia sẽ cho cảm giác thế nào. Theo yêu cầu của Louise, bà mặc quần áo may sẵn màu trắng, đi giày đế cao su cũng màu trắng trông giống y tá trong bệnh viện. Chờ bà Clara lui ra, Louise bảo nhỏ chồng:

- Anh nhớ phải khen chị ấy. Mới học làm trứng rán phòng, chị ấy mừng lắm.

Louise đang dạy người làm nấu nướng. May mà Clara sáng dạ bởi nếu không thì giờ chị ta đã không còn ở đây. Louise không thích thất bại.

Đèn điện trong phòng ăn chỉ ở mức tối mờ. Ánh nền trên bàn phản chiếu đồ dùng bằng bạc và pha lê sáng lấp lánh. Glass phải công nhận lúc này mình thô thiển thật nếu so với cách Louise chuẩn bị cho nơi này: bàn ăn trang nhã, ánh sáng dịu dịu, rượu ngon, thức ăn chế biến cầu kỳ, đồ nội thất đơn giản mà trang nhã, búp bê của nhà điêu khắc Thụy Sĩ Giacometti, tranh của Balthus, sách quý bọc bì da, người hầu gái mặc đồ trắng tinh tươm và nhạc của Glenn Gould êm dịu văng vẳng làm nền cho bữa tối thịnh soạn. Louise đã dày công tạo dựng cuộc sống giàu sang, tĩnh lặng, lịch lãm cho cả hai. Phải, ông không phù hợp với nơi này dù đã cố hết sức. Glass bụng bảo dạ, thậm chí sao Louise chịu đựng ông lâu như vậy và đến giờ vẫn tiếp tục chịu đựng. Phải chăng bà sợ ly hôn lần nữa sẽ làm cha nổi giận? Chắc chắn thế rồi. Nếu muốn, Bill Lớn hoàn toàn có khả năng tước quyền thừa kế của con gái. Nếu bảy triệu mỹ kim vượt khỏi tay, bà và cậu con trai David Sinclair sẽ thiệt thòi. Đó là chưa kể đến dinh thự ở Hamptons, villa trên nóc tòa nhà toàn căn hộ cao cấp ở Georges V tại Paris, tài khoản tại ngân hàng lớn ở Luân Đôn và quan trọng nhất là quyền kiểm soát Quỹ ủy thác Mulholland. Đó là niềm tự hào lớn nhất, là tương lai của Louise.

Món trứng rán phòng ăn kèm rau bina của Clara tuyệt ngon. Glass không quên vợ dặn nên tấm tắc khen khiến bà Clara ngượng ngập, luống cuống lui về bếp. Đặt đĩa xuống bàn, Louise nghiêm trang nhìn ông:

- Đôi lúc anh có duyên ghê.

- Chỉ “đôi lúc” thôi sao?

- Phải. Tuy ít ỏi nhưng dù sao cũng cảm ơn anh.

- Không dám.

Vẫn nhìn ông, Louise vừa cau mày vừa mỉm cười:

- Đúng là anh đang mưu toan chuyện gì rồi. Nhìn mắt anh em biết ngay.

- Theo em thì chuyện gì?

Ánh nền chiếu bóng khuôn mặt nhìn nghiêng của Louise lên cửa sổ gần chỗ bà ngồi. Bên ngoài trời tối hẳn. Bóng to lù lù của những cây cổ thụ ngoài công viên tắm mình trong ánh sáng bàng bạc, ma quái.

- Làm sao em biết được. Chuyện anh làm có liên quan đến nạn nhân của vụ sát hại không?

- Cái gì? Em nghi anh giết hắn ư?

- Tất nhiên là không rồi. Sau anh phải giết hắn chứ?

Sự im lặng căng thẳng bất ngờ ụp xuống họ, như thể cả hai đều hải hùng viễn cảnh sắp đến. Họ lặng lẽ dùng bữa. Glass rót rượu. Mãi sau, ông bảo:

- Chắc anh không viết nổi quá.

Louise chăm chú nhìn đĩa trước mặt:

- Ôi, sao vậy?

- Anh chợt nhớ mình là nhà báo, không phải tay chuyên viết tiểu sử.

- Khỏi nhà báo vẫn viết tiểu sử đó thôi.

- Nhưng họ không viết tiểu sử cho bố vợ.

- Cha Billuns hứa không can thiệp vào chuyện viết lách của anh mà.

Billuns là tên thân mật mà người trong nhà hay gọi Bill Lớn. Nó khiến Glass sồn gai ốc, nhất là khi được thốt ra từ chính miệng vợ ông. Vừa ngấm ngọn cây bên ngoài, Glass vừa nhấm nháp chút rượu cay. Đêm tháng tư cô tịch quá.

- Theo em, sao cha muốn anh viết sách này? Sao cha chọn anh nhỉ?

- Chính cha bảo vì tin tưởng anh mà.

- Liệu “tin tưởng” có thể hiểu là ông cụ cho rằng ông có quyền với anh thông qua em?

Louise cười, hai khóe môi hơi trễ:

- “Cho rằng” ư? Chẳng lẽ bố vợ không có chút quyền gì với con rể?

Dưới ánh nến nhấp nhোang, Glass quan sát kỹ Louise. Ông không hiểu vì sao tối nay vợ dịu dàng với mình đến thế. Louise tỏ ra yếu mềm đến mức gần như giả dối. Cung cách ấy nhắc ông nhớ tuần trăng mật năm xưa, sau trận “mây mưa” suốt buổi sáng, Louise mỉm cười ngồi đối diện ông bên chiếc bàn nhỏ kê ngoài ban công căn phòng của khách sạn Eden Roc ở Cap d’Antibes, cũng kiểu cười nũng nịu, vui vẻ như hôm nay. Bà tháo giày, ôm cổ chân ông bằng hai bàn chân mát lạnh. Giờ đây, những lúc tắm mình trong ánh nến leo lét như lúc này, Glass biết nỗi buồn man mác thuở còn yêu say đắm đã biến thành nỗi phiền muộn. Glass hắng giọng:

- Kể anh nghe về Charles Varriker đi nào.

Ánh mắt Louise thoáng biến đổi, như thể bà vừa thấy ánh chớp lờ ở rất xa:

- Charles ư? Sao tự nhiên anh lại hỏi?

- Cũng chẳng biết nữa. Anh ta có quan hệ mật thiết... với bố em.

Thái độ Louise thay đổi hoàn toàn: bà khó chịu, gần như tức tối:

- Charles chết hơn hai mươi năm rồi, anh còn hỏi làm gì?

- Quan hệ giữa hai người thân hay sơ? Em biết những gì về Charles?

Louise bỏ dao nĩa xuống. Bà vẫn cúi nhưng hơi nghiêng đầu, dấu hiệu cho thấy hoặc bà đang suy tính, hoặc đang bực bội. Bà nói khẽ bằng giọng run rẩy hiếm gặp:

- Nếu để anh viết sách, em sẽ phải chịu mãi cảnh này sao? Cứ tối tối, anh lại thẩm vấn em bên bàn ăn chứ gì? Ngày nào em cũng đào bới quá khứ để cung cấp thông tin cho anh? Giờ Riley chết rồi, anh quay sang vặn vẹo em phải không?

Không thèm nhìn ông, bà đứng bật dậy, giắt lên chiếc khăn ăn vừa rơi xuống.

- Quỷ sứ!

Louise bực bội, gằn giọng đá văng chiếc khăn vào góc tối và bỏ đi. Vạt áo kimono sột soạt theo từng bước chân bà. Glass định gọi với theo nhưng lại thôi. Bầu không khí im lặng như khẽ run rẩy.

Dylan Riley phát hiện được những gì? Tại sao hắn bị giết? Phát hiện của hắn có liên quan đến án mạng, đúng như Glass nghĩ không? Ông lại nhìn cửa sổ nhưng giờ chỉ thấy mỗi bóng mình in trên đó.

7. GÃ CLEAVER

Choàng tỉnh dậy sau chuỗi giấc mơ não loạn và sống động ngoài đời thật, John Glass thấy trời vẫn còn sớm. Tuy nhiên, ngay khi mở mắt mọi hình ảnh trong mơ đều tan biến. Ông không còn nhớ chút gì. Nằm trong phòng tối mờ mờ, chân tay ông tê dại vì nỗi sợ hãi còn rơi rớt lại. Vụ sát hại Dylan Riley như vãi liệm đen chụp lấy toàn thân ông. Hôm qua, sao ông có thể thờ ơ, bình thản đến thế khi nghe tin hẳn bị giết và đại úy Ambrose triệu ông lên đồn cảnh sát? Đây không phải lần đầu ông thần phục “biệt tài” của cơ thể người - biết cách ly và tự bảo vệ trước những cú sốc ghê gớm của cuộc đời. Nhắm chặt mắt, Glass vui mình trong chần ảm đậm êm ả mùi hôi quen thuộc của cơ thể ông. Chỉ lát nữa thôi, khi mặt trời lên bắt đầu một ngày mới, mọi chuyện sẽ không còn như cũ. Tuy nhiên lúc này ông chỉ mong có cơ thể nồng ả cạnh bên để ông bám vào đó, tạm quên mọi sự đời. Chết rồi, cách nay khá lâu, Louise đã đuổi khéo Glass, không cho ông ngủ chung với bà trong phòng ngủ lớn. Thay vào đó, ông phải ngủ trong căn phòng nhỏ xíu cạnh thư viện. Glass cũng thích thế vì nói chung nếu chỉ để ngủ cho hết đêm, ông thích ngủ một mình. Vả lại, cũng khá lâu rồi hoạt động trên giường của ông và Louise không còn gì hơn ngoài chuyện ngủ.

Glass cố ngủ lại nhưng không được. Não bộ ông hoạt động như xe trên đường đua. Tâm trí ông thụ động đón nhận dòng thác ký ức trộn lẫn những tiên đoán về chuyện chẳng lành, những tính toán và phỏng đoán đi kèm tàn dư còn sót lại của những giấc mơ đêm qua. Ông trở mình nằm ngửa, mắt chong chong ngó trần nhà. Hồi này, mỗi lúc đêm khuya hay sáng sớm, Glass hay tự hỏi phải chăng ông đã sai lầm khi rời bỏ Alien đến định cư tại Mỹ. Không, đó không hẳn là sai lầm nhưng cái giá ông phải trả cho quyết định của mình là không nhỏ. Hồi còn ở Alien, cùng chung sống trong dinh thự xây bằng đá xám của ông Mulholland gần núi Ardagh, vợ chồng ông hạnh phúc và hiểu nhau hơn bây giờ nhiều. Bên cạnh đó, họ dành phần lớn thời gian thăm thú nhiều nơi; ông đi thực tế ở nước ngoài lấy tư liệu viết báo còn Louise phát triển hoạt động từ thiện khắp năm châu lục. Glass biết thừa mình sai nhưng không hiểu sao trong thâm tâm, ông coi thường sự nghiệp của vợ (nếu có thể gọi đó là sự nghiệp) và chức vụ đại sứ thiện tâm của bà.

Giá có con, họ sẽ hạnh phúc hơn.

Ông bực bội trở mình, rên rĩ. Cái gối nóng sục. Áo ngủ ướt mồ hôi thít chặt ông chẳng khác gì chiếc áo bó dành cho bệnh nhân tâm thần. Tiếng động trong nhà bếp vẳng tới mách rằng bà Clara đã dậy, đang chuẩn bị phục vụ những nhu cầu đầu ngày mới của bà chủ. Louise quen dậy sớm. Glass không thoải mái khi có người ăn kẻ ở trong nhà. Cha Glass chết sớm nên mẹ ông phải đi làm quản gia cho một luật sư giàu có ở Dublin kiếm tiền nuôi cậu con trai duy nhất ăn học. Glass thờ dài khi nhớ hồi tối, ông tự nhận mình thô thiển. Mà thôi, đến giờ phải dậy rồi.

Vụ án Dylan Riley không xuất hiện trên tờ Times, Glass cũng không tìm thấy bất cứ phương tiện truyền thông nào nhắc đến nó. Louise không đặt mua hai tờ Post và Daily News nên Glass phải ra ngoài mua. Mang vào nơi gọi là phòng làm việc riêng dù chưa bao giờ làm việc trong đó, Glass an tọa trên ghế dài bọc nhung mà Louise mua cho ông như một món quà tân gia khi họ mới chuyển về đây sáu tháng trước. Tờ Post chỉ dành hai đoạn ngắn cho vụ án mạng, nhưng trên trang năm tờ News đăng câu chuyện dài hơn với dòng tít: *Vụ Sát Hại Thiên Tài Máy Tính Đây Bí Ẩn*. Báo trích dẫn lời đại úy Ambrose

của sở cảnh sát New York nói rằng ông và đồng đội đang khẩn trương truy tìm thủ phạm dựa trên một số đầu mối khá rõ ràng. Báo cho đăng hình Terri Taylor, người yêu Dylan Riley đang rời hiện trường vụ án cùng một nữ cảnh sát. Cô ta tóc dài, mặc đồ jean và quay mặt tránh ống kính của phóng viên.

Glass bật chiếc tivi nhỏ xíu đặt ngay góc bàn làm việc. Mẫu tin nhỏ trên kênh Fox 5 News chỉ đưa tin, không bình luận gì. Kênh New York 1 của phóng viên đến hiện trường ghi lại đoạn băng ngắn có Terri Taylor đứng bên lề đường phía ngoài nhà kho. Cô gái xanh xao, trông biết ngay không phải con nhà gia giáo. Khuôn mặt Terri nhợt, cặp mắt thần thờ. Có vẻ cái chết của người yêu không đến nỗi làm cô ta đau khổ vật vã; thực ra, vẻ mặt ấy là của một người khó chịu và hoang mang, như thể cô đang ngạc nhiên tự hỏi sao mình lại dính vào chuyện lộn xộn này. Nhóm quay phim cố kéo đại úy Ambrose ra một góc để phỏng vấn. Trên tivi, trông ông càng giống vị thánh chịu nạn trong bộ vest nâu và đôi giày đen to tướng. Lần này, đại úy cũng nhắc đến những “đầu mối rõ ràng” rồi nhanh chóng tránh xa ống kính với dáng người lom khom như quân trình sát da đỏ xưa. Cũng như các bản tin về án mạng khác, người làm tin này cho khán giả cảm giác không hẳn họ thờ ơ mà chỉ quan tâm nửa vời pha chút nôn nóng, như thể ai cũng thấy không nên phí thời gian cho nó trong lúc còn nhiều tin quan trọng hơn đang chờ lên sóng. Glass biết thế có nghĩa không ai kỳ vọng cảnh sát phá vụ án này. Theo tờ Daily News, Dylan Riley tứ cố vô thân, thế nên sẽ chẳng ai thúc ép cảnh sát hành động khẩn trương để mau chóng bắt hung thủ đèn tội. Glass có thể thấy rõ ngay cả Terri Taylor cũng nhanh chóng rời hiện trường nhanh nhất có thể trên đôi chân gầy khẳng khiu.

Glass vào bếp định pha tách cà phê, nướng miếng bánh mì lát dẹt. Nhưng Clara ở đó và tất nhiên bà nhất định đòi làm cho ông. Đứng dựa tủ lạnh, Glass vờ đọc trang thể thao trên tờ Daily News. Louise đã dùng điểm tâm và đi từ nãy. Bà đến trụ sở Liên Hiệp Quốc gặp một nhân vật thuộc tổ chức UNESCO. Glass vẫn mơ đoán không biết có bao giờ Louise gặp gỡ với thường dân hay không. Glass kín đáo quan sát Clara lảng vảng trong căn bếp không có cửa sổ. Ông chẳng biết tí tẹo gì về bà. Quê bà ở vùng Caribe, hình như Puerto Rico hay Cộng hòa Dominic thì phải. Ông nghe Louise nói Clara cũng có bạn tình nhưng cho đến lúc này ông chưa bao giờ thấy mặt. Glass tự hỏi không biết tối tối, khi xong việc bếp núc, Clara thường làm gì? Chắc xem tivi. Không biết bà có đọc sách báo gì không; nếu có, bà sẽ thích thể loại nào? Glass chịu, không tài nào đoán ra. Bất chợt, Glass ngạc nhiên vì trên cương vị nhà báo, ông hiểu rất ít về con người, về tư tưởng và cảm xúc của họ. Dylan Riley là ví dụ điển hình: ông biết gì về hắn, ngoài việc thấy hắn giống loài vượn cáo “kém tắm”? Chắc vì vốn kiến thức cơ bản về con người quá hạn hẹp nên ông bỏ nghề báo. Ông chỉ quan tâm đến sự kiện, không phải người tham gia hoặc tạo nên chúng.

Clara đưa cà phê cho ông.

- Đặc lắm, thưa ông. Đúng như ông thích ạ.

Bà cười để lộ hàm răng trắng bóng. Bánh mì nướng hơi xém, vàng ruộm và giòn tan.

Bên ngoài, không khí trong lành và gió thổi mạnh. Nắng sớm có màu vàng giống trái chanh. Glass đón taxi đến đường Bốn mươi tư để xem có thư từ gì chẳng. Như mọi khi, thùng thư trống trơn. Gác chân lên bàn, Glass chấp tay kê dưới gáy nhìn trời, hay nói đúng hơn là mảnh trời giữa hai dãy nhà cao vút. Glass cho rằng ông đang nhìn thấy gió tạo thành đường kẻ sọc mờ như sọc dài của bầu trời xanh bị tẩy trắng. Giá ông biết được thông tin chính xác và chắc chắn về vụ sát hại Dylan Riley, chẳng hạn hắn bị

giết do hung thủ căm giận, uất ức hoặc thậm chí chỉ vì tò mò. Thế nhưng, đầu óc ông chỉ quanh quẩn với suy nghĩ rằng Riley đã chết và liệu người ta tìm được hung thủ có phương hại gì đến ông chẳng?

Glass sực nhớ một chuyện, bèn lục ví tìm danh thiếp của đại úy Ambrose và quay số.

Nghe Glass xưng danh, viên đại úy không hề tỏ vẻ ngạc nhiên. Phải chăng ông ta cũng đang ngắm bầu trời xanh ngắt?

- Dylan Riley còn gọi cho ai nữa? Ý tôi là trước lúc hắn gọi cho tôi ấy?

Có tiếng thở trong máy, nghe như tiếng cười khẽ:

- Nhiều lắm ông ạ. Ông có tên cụ thể không?

- Thế ông đã kiểm tra mọi số trên điện thoại của hắn chưa? Để tìm danh tánh chủ nhân những số ấy?

- Có chứ. Đó là người yêu hắn, nha sĩ riêng và mẹ hắn ở quận Cam, tận Florida. Và ông nữa.

- Không có ai là người nhà của tôi ư? Bố vợ tôi chẳng hạn?

- Ngài Mulholland ư? Không. Theo ông, Riley sẽ gọi cho ngài Mulholland để thu thập thông tin theo lệnh của ông ư?

- Tôi đã dặn hắn không được gọi.

- Tôi nhớ lúc trước ông bảo ngài Mulholland không biết ông thuê người kiểm tra lí lịch ông ấy.

Glass nhắm mắt một thoáng và tì trán lên đầu ngón tay:

- Tôi đã nói tôi chưa quyết định có nên thuê Riley hay không.

- À phải, tôi nhớ rồi.

Im lặng nặng nề. Tại Glass ong ong.

- Trước khi chết, hắn gọi cho ông những hai lần. Chính vì thế tôi mới mạo muội mời ông lên đồn trao đổi. Chỉ mình ông được miễn giải thích, không như người yêu, mẹ hay nha sĩ của hắn. (Lại im lặng). Ông gọi cho tôi chắc có chuyện muốn nói? Về ngài Mulholland chẳng hạn?

Glass thở hắt ra:

- Không. Chỉ là tò mò thôi mà.

- Và lo lắng nữa, nhỉ?

- Lo ư?

- Ông ngại Riley mách với bố vợ chuyện ông thuê, hoặc nghĩ đến chuyện thuê hẳn rình mò ông cụ.

Glass cố giữ giọng đều đều:

- Không, tôi không ngại điếm ấy. (Glass đoán đầu dây bên kia, viên đại úy đang suy nghĩ rất lung). Ngài Mulholland và tôi hiểu tính nhau. Ông ấy tin tưởng tôi.

Trong ống nghe lại có tiếng thở chứng tỏ Ambrose đang nhin cười:

- Nhưng ông không báo với bố vợ chuyện thuê Riley.

Glass vẫn kiên trì giữ giọng đều đều:

- Nếu tôi và Riley đi đến thỏa thuận, tôi sẽ báo ngay. Chỉ hiềm nỗi hẳn chết trước mặt rồi.

- Phải, chắc thế rồi.

Sau khi cúp máy, Glass ngồi nhip ngón tay trên mặt bàn, mắt trân trân nhìn phía trước cố tập trung suy nghĩ nhưng không được. Sau một đêm mộng mị, tâm trí ông như có làn sương mù che phủ mãi không chịu tan. Ông lại với điện thoại rủ Alison O'Keeffe dùng bữa trưa sớm. Đúng như Glass dự đoán, dù đang bận làm việc nhưng nghe ông nài nỉ, cuối cùng cô nhượng bộ. Glass gọi điện đặt bàn tại Pisces, nhà hàng hải sản gần quảng trường Thống nhất, chốn ưa thích của họ từ ngày đầu gắn bó. Giống nhà hàng Mario's, nơi này ngày càng đông người ái mộ. Glass chỉ lo có ngày Louise cùng một vị tai to mặt lớn nào đến cửa sẽ thấy ông và Alison nép sát nhau bên bàn ăn ấm cúng trong góc phòng. Ông sẽ không biết ăn làm sao, nói làm sao cho phải.

Suốt từ hôm qua đến giờ, Glass chưa có dịp trao đổi với Alison. Glass không thích cô phải dây dưa đến vụ ám sát Dylan Riley và hối tiếc vì trót nói với cô ngay từ đầu. Cho đến giờ, ông vẫn không chắc Riley có khả năng lần ra chuyện của họ. Có lẽ ông quá ngây thơ nên tin rằng New York quá lớn, người New York không quan tâm đến nhau nên ông cứ thoải mái cặp kè với Alison mà không ai hay biết.

Vào nhà hàng, Glass chọn chỗ sát tường, mặt trông ra cửa, bụng thăm khó chịu vì thấy mình hốt hoảng hơn ngày thường. Cứ cho Louise bắt gặp ông ngồi cạnh Alison thì đã sao nào? Họ đâu còn trẻ mỗ gì nữa, người này quá rành cuộc sống của người kia rồi. Nếu có xuất hiện ở cửa kia, Louise vẫn sẽ xử trí mau lẹ như bình thường. Thoáng nhìn chồng âu yếm ngồi sát bên tình nhân, bà sẽ yêu cầu đổi một bàn càng xa chỗ họ càng tốt.

Muốn giữ thể diện cho Glass, Alison đã thay áo khoác che vết bẩn bằng váy rời và sơmi lụa xanh da trời. Lúc họ hôn nhau, Glass thoáng thấy mùi thuốc vẽ bị mùi nước hoa át đi. Mùi ấy luôn nhắc ông nhớ những món đồ chơi Giáng sinh còn mới nguyên. Glass chờ Alison nhắc đến Riley nhưng cô không dă động gì đến hẳn. Có lẽ cô không xem tin thời sự có nói về vụ án mạng ấy. Chải hết tóc ra sau gáy, Alison cột chặt bằng sợi dây thun. Chạm tay ông, cô hỏi họ định ăn mừng chuyện gì.

- Chẳng có gì mới. Ăn mừng chuyện hai chúng mình thôi.

Alison e lệ nhìn xuống và bẽn lễn gật đầu. Cô biết tính Glass hay ngẫu hứng.

Họ dùng món cá vượt biên Chilê và rau trộn. Glass gọi một chai rượu Tocai của xứ Friuli dù Alison bảo chiều cô bạn làm nên chỉ uống nước thường. Glass tợp hai hơi, ly đã cạn tới đáy và nhanh tay nắm cổ chai trước khi gã hầu bàn đáng ghét kịp giằng nó khỏi tay ông. Alison nhú mào:

- Anh buồn chuyện gì mà uống dữ vậy? Chỉ nháy mắt anh sẽ xin không biết trời đất gì cho xem. Em phải dìu anh về với vợ thì chán lắm đấy.

Alison chỉ lí: hơi men đã xộc thẳng lên đầu Glass. Ông ngược nhìn người yêu. So với đám đông sau lưng làm nền, người yêu ông nổi bật hẳn lên. Một cô gái nồng nàn, sống động mặc áo xanh da trời đang ngồi trước mặt ông đây. Giờ ông mới nhìn kỹ đôi vành tai trắng trẻo, xinh xắn, có vòng xoắn ngộ nghĩnh ở hai bên khuôn mặt đẹp như tượng của Alison. Ông chỉ chực với tay qua bàn, chạm vào cô. Ông thích ôm đầu người yêu như nâng niu trái trứng tròn trịa và cúi xuống hôn cô, nói ông yêu cô biết nhường nào. Hai mắt ông cay sè, cổ nghẹn đắng. Ông vừa hạnh phúc, vừa thấy mình kỳ cục quá thể. Giờ ngồi đây, giữa tiếng cười nói xôn xao của một trưa mùa xuân đẹp trời, bên cô gái của mình, ông thấy yêu đời hơn, ham sống hơn.

- À này, anh có quen ai tên Cleaver không?

Glass chớp mắt lia lịa:

- Gì cơ? Không, anh không quen.

Alison vừa cau mày vừa cười theo thói quen khiến sống mũi cô hơi chun lại:

- Cleaver. Wilson Cleaver, tên gì nghe lạ thể.

Thình lình, Glass như nghệt thờ:

- Là ai thế?

- Em không biết.

- Em nói không biết là sao?

- Hình như là phóng viên thì phải. Phóng viên, nhà báo gì gì đó. Hôm qua, em vừa nghe điện của anh thì anh ta gọi đến, bảo muốn gặp anh. Em thấy lạ quá.

Glass chết sững, nhìn cô đăm đăm. Cảm giác phồn phơ nhất thời bởi hơi men tan biến hoàn toàn:

- Sao gã có số của em?

- Theo em đoán gã quen anh chàng anh kể với em hôm trước. Tên anh ta là gì nhỉ? Dylan phải không? Dylan... Gì nữa kìa.

- Riley.

- Chính xác. Dylan Riley. Anh nói hửn giống con gì nhĩ?

- Con vượn cáo.

8. BÀI NHÓT CƯỜI

Họ chọn điểm hẹn là nhà thuyền trong công viên. Lúc nói chuyện điện thoại, Glass lắng nghe giọng Wilson Cleaver cực kỳ chăm chú nhưng không đoán được gì nhiều. Qua kiểu nói kéo dài và nhấn mạnh vài âm gió, Glass đoán Cleaver người da đen; kiểu ăn nói hóm hỉnh, vui tươi cho thấy gã rất tự tin. Nếu là bạn Riley, rõ ràng Cleaver không hề tiếc thương gì hấn. Cleaver kể cả, cười cười nói nói:

- Ông gọi lại là khôn ngoan đấy. Tất nhiên tôi biết tài của ông. Tôi cũng là người hâm mộ ngòi bút John Glass nhiều năm rồi. (Cleaver tỏ ra rất biết việc. Gã không hề nhắc đến Riley hay chuyện hấn về châu trời). Vậy trưa ta gặp nhau ở nhà thuyền nhé, ông Glass. Tôi nóng lòng mong được gặp ông đấy.

Đúng mười hai giờ, Glass đã thấy gã rảo bước đi tới. Khi cách ông cả năm bước chân, gã đã chìa tay ra:

- Ông Glass phải không ạ?

- Chào Cleaver. Hân hạnh.

Cleaver trẻ tuổi, cao lớn, mặt lưỡi cày và có kiểu cười ngoác miệng, khoe hết cả hai hàm răng. Gã tía râu đen thành hai đường mảnh chạy qua tai, xuống hàm rồi gặp nhau dưới cái cằm chẻ. Gã mặc áo gió cài nút kín mít và đeo nơ đỏ có chấm bi. Glass để ý thấy đôi giày bằng da sơn của gã dài quá khổ, chiều ngang hẹp bó chặt lấy chân. Hay bên dây giày cứng và thắt nút thành hình số tám. Trông gã hao hao giống diễn viên chuyên nghiệp cách nay mấy mươi năm, chẳng hạn diễn viên tấu hài những năm sáu mươi hoặc ca sĩ nhạc jazz một tay cầm kèn đồng, tay kia cầm điều cần sa. Tay chân Cleaver không lúc nào yên. Gã hết kéo tay áo, chùng đầu gối lại chỉnh nơ như thể trong người gã là cả cỗ máy phức tạp hoạt động trơn tru. Bắt tay Glass xong, Cleaver bắt giác vuốt đường râu nhỏ xíu bằng đầu ngón trỏ và ngón cái, đoạn bảo:

- Ta đi bộ chút nhé.

Trời cao xanh ngắt bao bọc đất đai, không gian xanh tươi đón chúa xuân về. Cây lá rung rinh trong gió mạnh luồn qua tán cây mang lộc biếc. Mặt nước hồ trong vắt phản chiếu ánh nắng trông như lưỡi dao sáng loáng. Glass mê mẩn công viên rộng lớn, hào phóng và chứa đựng nhiều bất ngờ này. Như mọi khi, người chạy bộ rất đông, còn có các bà mẹ đưa con ra ngoài hưởng chút không khí trong lành, hoặc có thể họ chỉ là cô trông trẻ, lại thêm nhóm người lang thang hoặc mắc bệnh tâm thần hoàn chỉnh thêm bức tranh nhộn nhịp.

- Sách ông viết đến đâu rồi?

- Sách nào?

Cleaver cười khùng khục, nói oang oang:

- Ông giữ kẽ quá đấy.

Glass lạnh lùng:

- Sao cậu biết tôi? Do đâu cậu có số điện thoại của Alison O’Keeffe?

- Tôi tưởng đó là số của ông. Dylan lắm cảm tưởng mình ngăn nắp lắm, hóa ra hắn cũng lảm lẩn vài thứ.

- Vậy ra cậu quen Dylan Riley?

- Phải, tôi biết gã tin tặc vẫn số ấy.

- Cleaver này, công việc của cậu là gì?

- Cũng giống ông thôi.

- Cậu là nhà báo à?

- Vâng, làm công ăn lương và rất lương thiện.

Ngay lúc mới gặp, Glass đã nhận ra Cleaver cổ tình bất chước giọng người miền trung tây nước Mỹ. Gã đang chọc ghẹo ông.

- Chắc cậu cũng biết Riley chết rồi.

Cleaver co ngón trỏ và ngón cái thành hình khẩu súng gi vào một bên mắt:

- Không bất ngờ lắm. Riley đã nghe nói đến kết cục nhưng vẫn dấn thân vào. Tôi từng bảo hắn, “Đi đêm lắm cũng có ngày gặp ma. Cậu không cần thận ăn đòn như bõn”. Nhưng hắn có nghe không? Rõ ràng là không.

Họ đã thấy đài phun nước Bethesda có tượng thiên thần đang rải bước sơn nhũ vàng. Hai bé trai vật nhau bên tường thấp vây quanh đài phun, đứa này cố dìm đầu đứa kia xuống nước. Gần đó, một cô gái trẻ gốc Đông Âu mặt mũi bơ phờ mệi đứng canh chừng.

Cleaver nói thản nhiên như thể tiếp tục câu chuyện đang dở dang:

- Chẳng là tôi có viết bài về bố vợ ông cho tờ Slash... (Gã chột dừng lại). Ông biết tạp chí Slash không? Không à? Nó được đấy, nhỏ thôi nhưng chỉ cần nghe tên chắc ông cũng biết nội dung của nó rất sắc sảo. Mà thôi, chỉ biết rằng tôi đã bị người ta dẫn dắt.

- Cậu nói rõ hơn được không?

- Chẳng hạn có những người, những tổ chức hay đao to búa lớn bỗng dưng im ắng. Nhiều ủy ban, hội đồng bị hủy không rõ lý do. Những cú điện thoại lúc nửa đêm nhưng không nghe tiếng nói, chỉ có tiếng

thở nặng nhọc. Không nói chắc ông cũng hiểu lúc ấy tôi chẳng làm ăn gì được.

- Thế cậu cho rằng ngài Mulholland đứng sau những chuyện ấy à?

- Chắc chắn rồi. Ông còn chưa tin sao?

- Tôi không tin.

Cleaver lấy làm lạ. Gã cười hô hô:

- Nói thật nhé, tôi còn định viết một cuốn sách nói về ông ta. Thật ngẫu nhiên vì ta cùng chung chí hướng. Có điều sách tôi viết chắc chắn khác sách ông viết.

- Cậu cũng định viết tiểu sử ngài Mulholland ư?

- Không hẳn. Sách tôi giống với vạch trần sự thật hơn. Tôi chú ý đến ông ta từ rất lâu rồi. Đặc biệt là vụ Charles Varriker chết cách nay mấy chục năm. Dylan Riley giúp tôi đắc lực. Tôi thuê hẳn cung cấp tin trước cả ông nữa kìa. (Glass vỡ lẽ tại sao Riley có sẵn mọi thông tin về Bill Lớn). Phải, hẳn làm cho tôi ít lâu. Sau đó, tôi bỏ cuộc vì không chịu nổi áp lực từ những kẻ ném đá giấu tay. Giờ Riley đã chết. Chắc ông bảo là trùng hợp ngẫu nhiên chứ gì?

Họ qua cầu Bow sang khu vực Ramble.

- Charles Varriker có gì khiến cậu quan tâm thế?

- À, ông ta là nhân vật chính trong huyền thoại phục hồi khả năng tài chính của tập đoàn viễn thông Mulholland Cable hồi thập niên tám mươi đen tối. Bill Lớn đưa át chủ bài Varriker vào nhằm cứu doanh nghiệp khi thần chết mang áo đen in chữ Phá Sản vẫy tay mời gọi. Theo tôi, Varriker biết quá nhiều nên đương nhiên lãnh “kẹo đồng”.

- Theo cậu, ông ta chết không phải do tự sát ư?

- Thế ông nghĩ sao mà hỏi vậy?

Ra đến giữa cầu, Cleaver nhìn dọc hai bờ nước:

- Nơi đẹp nhất Manhattan là đây. Ông có biết công ty xây chiếc cầu này cũng xây tòa nhà mái vòm Capitol, hiện là trụ sở Quốc hội Mỹ ở Washington, D.C.? Ông thấy chưa, tôi không bỏ sót thông tin đâu. Những chi tiết tưởng chừng vô dụng sẽ có lúc hữu dụng không ngờ. Chẳng hạn tôi biết một ngày trước khi chết, ngày 17 tháng 5 năm 1984, Charles Varriker đã mua vé hạng nhất khứ hồi đi Paris. Có ai định tự tử lại làm thế bao giờ. Ông Glass thấy sao?

Họ đi tiếp. Một cơn cuồng phong bất ngờ nổi lên khiến rặng cây ven bờ phía trước ngã rạp, lao xao. Một đám mây trên những tháp nhọn dọc đại lộ số Năm cứ lớn dần lên.

- Sao mục tiêu phải là Bill Mulholland?

- Ý ông là sao?

- Sao ngay từ đầu cậu đã chú ý đến bố vợ tôi? Cậu gặp ông ấy chưa?

- Tôi chưa từng có vinh hạnh ấy.

- Biết đâu sau này cậu sẽ thấy ngài Mulholland không như cậu nghĩ.

- Vậy tôi phải hiểu thế nào đây?

Họ theo hướng nam tản bộ dưới hàng cây xao động. Nắng chiều nhạt dần, trời bắt đầu se lạnh.

- Chẳng lẽ cậu nghi ngài Mulholland nhúng tay vào vụ ám sát Dylan Riley?

Cleaver giả vờ kinh ngạc, tay xua xua:

- Trời đất, cái ông Glass này, (gã trơ tráo cường điệu) sao ănnói bậy bạ thế? Ông làm như tôi hay nghĩ xấu về người khác lắm đấy!

- Nhưng cậu có nghi không?

Cleaver nheo mắt nhìn bầu trời đầy mây:

- Để xem nào. Tôi viết vài ý kiến không mấy nồng hậu về ngài Mulholland, đặc biệt về quỹ ủy thác Mulholland đang được người đời khen nức nở, lập tức chông gai nổi lên trên con đường công danh của tôi. Sau đó đến ông nhờ gã đồng nghiệp Dylan Riley xấu số của tôi dò la, bới móc chuyện đời tư hay ho, xán lạn của bố vợ ông. Khi ông chưa kịp “vạch áo cho người xem lưng”, Riley đã bị bắn thủng mắt. Nếu ông bảo tôi nghi ngờ, tôi không dám chối.

Thốt nhiên, Glass lạnh thấu xương. Ông cài kín nút áo khoác, rút sâu tay vào túi. Bên cạnh ông, Cleaver hát ư ử, thỉnh thoảng tắc lưỡi đệm vài nhịp.

- Hôm bị giết, Dylan Riley gọi điện cho tôi. Tôi không biết hắn khám phá được gì. Hắn nhất định không chịu nói và định dùng tin ấy tống tiền tôi.

Cleaver ngửa cổ kêu lên vui vẻ:

- Riley thiệt tình! Tôi biết hắn khó chịu lắm. Thế hắn muốn gì ở ông?

- Nửa triệu mỹ kim.

- Quý thần ơi! Chả trách hắn táo tợn thế! Nửa triệu cơ à? Chắc thứ hắn biết phải quan trọng lắm. Ông có đoán được gì từ lời hắn nói không?

- Không. (Glass thoáng im lặng trước khi nói tiếp). Tôi tưởng cậu biết.

Cleaver tròn tròn mắt. Có vẻ lần này gã ngạc nhiên thật:

- Làm sao tôi biết được. Tôi không chơi thân với Riley đến mức ấy đâu. Gì chứ chuyện thông tin, Riley kín đáo lắm.

Lúc họ trở lại cầu, vài hạt mưa rơi lộp độp. Glass dè dặt:

- Tôi không biết Riley đào xới được gì, nhưng có thể nó không liên quan đến ngài Mulholland.

- Không ư?

- Không. Thông tin về tôi đấy.

Cleaver lại vuốt râu, hai khóe môi trề xuống:

- Là người, ai chẳng có bí mật này nọ. Phải công nhận Riley giỏi vạch vôi bí mật của người khác. Lúc nghe hấn dọa, ông bảo gì hấn thế?

- Tôi chẳng nói gì. Tôi không có nửa triệu đôla. Nếu có, tôi cũng không cho hấn.

- Nhưng ông cũng lo chứ.

- Nếu bị Dylan Riley nắm thóp, cậu có lo không?

Cleaver tặc lưỡi:

- Ông nói phải. Anh bạn chết yếu của hai ta khá cương quyết và tàn nhẫn. Nhưng không giỏi tổng tiền, nhỉ?

Họ trở lại chỗ đài phun nước và đi ngang qua công viên. Giờ mây đen đã che kín trời. Con mưa sầm sập đến.

Glass và Cleaver rảo bước nhanh hơn.

- Ông Glass chắc thích thời tiết ở đây nhỉ? Hơi giống ở đảo Emerald phải không nào?

Đến quán rượu nhỏ Tavem giữa thảm cỏ xanh, Cleaver bảo:

- Tôi nghe nói một ly rượu loại thường nhất ở đây cũng có giá từ ba mươi đến bốn mươi đôla. Ông muốn thử không?

Dẫn nhau lên lầu, họ ngồi bên bàn thấp. Cô hầu bàn tóc vàng hoe đến bên cất giọng du dương hỏi họ dùng gì. Nghe Cleaver gọi rượu trắng, Glass yêu cầu giống hệt.

Cleaver nhìn quanh căn phòng xây bằng gỗ súc sẫm màu:

- Ông có biết lúc trước chỗ này là gì không? Bãi chôn thả cừu đấy. Tôi không đùa đâu mà. Giữa thập niên ba mươi, cừu vẫn còn chạy rong ở đây. Chỗ này là nhà của mấy cục banh lông biết chạy kêu be be

ấy. Mãi sau đó, “cụ khột” Moses, tức là chủ thầu tài ba Robert Moses, mới lừa chúng đi chuẩn bị làm công viên. Thử tưởng tượng xem, có thời giữa thành phố này là bãi thả cừ. (Rượu vừa mang đến, Cleaver nâng ly), uống vì người đã khuất.

Họ nhấp môi sau câu chúc tụng không rõ nghĩa ấy. Cleaver dựa hẳn vào lưng ghế, buồn bã nhìn Glass. Gã cười mỉa, chế nhạo Glass:

- Riley cực kỳ thất vọng về ông đấy. Hẳn nghĩ ông bán rẻ linh hồn, tô vẽ cho những cuộc phiêu lưu của bố vợ.

- Riley cũng bảo tôi thế. Hẳn chẳng biết gì về tôi hết.

- Biết chứ! Ông bạn ơi, Riley biết đủ thứ về ông. Hẳn ráo riết tìm hiểu mà.

- Cây ngay không sợ chết đứng. Chắc cậu hiểu câu đó hơn tôi.

Tiếng mưa rì rào từ ngoài vắng tới. Glass hình dung bầy cừ ung dung gặm cỏ cách nay gần một thế kỷ. Chắc nó giống một cảnh trong phim của Winslow Homer. Chắc hẳn Cleaver bịa chuyện bầy cừ trong công viên trung tâm. Glass không biết Cleaver là người thế nào nếu chỉ nhìn kiểu cười toe toét, kiểu để râu và kiểu áo hai màu trắng đen như của người hát rong. Càng lúc ông càng ngại rằng nếu cứ ngồi nói tào lao thế này, ông sẽ càng rối trí và Cleaver chẳng bao giờ đi vào vấn đề chính. Ông nóng lòng muốn biết gã dự định tiết lộ điều gì.

- Lúc trước cậu viết gì về ngài Mulholland thế?

- Trên tờ Slash ư? À, chẳng có gì ghê gớm. Vài chi tiết về thời hoạt động tình báo gan dạ, về nhiều triệu đôla chảy vào túi Mulholland, về cách kiếm và tiêu tiền của Mulholland... đại loại thế.

- Cậu viết gì về Quỹ Mulholland?

Cleaver ngần ngừ, gõ gõ móng tay vào răng cửa:

- Ông Glass này, tôi biết ông đặc biệt quan tâm đến mảng này. Ông nóng lòng muốn biết vợ mình lên nắm quyền điều hành quỹ ra sao. Tôi nghe nói giờ gã Sinclair vất mũi chưa sạch mới lên nắm quyền. (Gã cười khẩy, kéo dài giọng). Ông bạn ơi, chắc ông sẽ khó lòng nói không hay về nó, phải không nào?

Gã nốc cạn ly rượu, trong khi Glass chỉ mới chạm đến ly của mình. Ông bảo:

- Nói xem, cậu nghi ai giết Dylan Riley?

Cleaver đùa dai, giả vờ ngạc nhiên như trước. Hắn trợn ngược hai mắt:

- Làm sao tôi biết được? Nếu biết, tôi đã đến thẳng sở cảnh sát mách đại úy Ambrose rồi.

- Liệu bố vợ tôi có dính vào không?

- Dựa vào đâu tôi đoán bừa vậy chứ?

- Chẳng biết nữa. có thể cậu cho rằng Riley tìm được bí mật nào đó liên quan đến ông ấy.

- Chắc thế... trước khi chết Riley có nói chuyện với ông. Chẳng lẽ hã không nói bóng gió gì về bí mật đó à?

Glass lắc đầu:

- Đã bảo lúc đầu tôi tưởng hã bắt thóp tôi. Nhưng chưa chắc tôi đoán đúng.

Cleaver thè lưỡi cười trêu chọc:

- Ông Glass giết người diệt khẩu ư? Ông có bí mật gì ghê gớm thế? Tôi thấy ông đâu phải người thích bạo lực.

Glass xô ghế đứng lên:

- Tôi phải đi. Hân hạnh được nói chuyện với cậu, Cleaver.

Ông chìa tay nhưng Cleaver lò đi. Ngồi vắt chân chữ ngũ, bàn chân đi giày lắc lắc và cười ngoác mang tai, gã nghiêng đầu nhìn ông:

- Ông cũng ghê thật chứ. Có người gọi điện đến dọa ông mấy câu, mấy tiếng sau đã bị đạn xuyên qua mắt. Ông báo cảnh sát chuyện bị Riley tổng tiền chưa đây, bởi vì tôi cá đại úy Ambrose cực kỳ khoái nếu biết chuyện này. Ông không thấy thế à?

- Tạm biệt, Cleaver.

9. “PHÒNG NHÌ”

Glass và người tình nằm lì trên giường suốt chiều. Đến tối, ông mặc độc chiếc quần lót nửa nằm nửa ngồi trên đồng gối êm. Alison đã ra bàn làm việc, ngồi trên ghế đệm bọc nhung dày quay lưng lại phía ông. Cô hoàn toàn không mặc gì. Ánh sáng từ màn hình máy tính xách tay hắt lên người cô. Glass đang hút thuốc. Ông hạnh phúc, hay chí ít là thỏa mãn. Làm tình lúc chiều xuống khiến ông có cảm giác buồn da diết. Ngoài kia trời đang mưa. Ánh sáng trắng mờ hắt qua khung cửa sổ rộng lớn hơi nghiêng nghiêng của căn hộ một tầng làm ông nhớ xức Alien. Glass nhớ nhà nhất mỗi khi trời mưa. Trong giây phút mơ màng, tiếng bàn phím máy tính lách cách làm ông nhớ hai hàm răng giả của bà nội đã quy tiên từ lâu. Còn tấm lưng trần của Alison giống lưng nghệ sĩ vĩ cầm Kiki de Montparnasse trong tranh vẽ của họa sĩ Man Ray.

Bất ngờ Alison kêu trời:

- Trời ơi! Anh xem trang blog này chưa?
- Cái gì?
- Vì Chúa, blog là nhật ký mạng đó. Đừng giả vờ là anh không biết nhé.

Glass thích chọc giận người yêu:

- Có liên quan đến mạng internet không?

Cô quay sang lườm ông. Mưa trắng xóa bên ngoài hắt ánh sáng bàng bạc qua cửa sổ, chiếu lên hai bầu nhũ hoa:

- Không am tường thế giới bên ngoài vốn thay đổi từng ngày, làm sao có thời anh viết báo được chứ?
- Cưng à, internet sao so với cả thế giới được chứ.

Alison kéo dài giọng:

- Vậy thì cưng nghe đây, trừ anh ra, cả thế giới đều dùng internet đây ạ.

Mái tóc đen của cô gần chấm đôi vai trần, ôm lấy khuôn mặt trái xoan trắng trẻo và cái cằm nhọn. Khi không mặc quần áo, trông cô không giống tượng nữ thần mà giống tác phẩm điêu khắc của Modigliani. Cô kê chiếc khăn lông dưới ghế kéo những gì Glass vừa đưa vào trong người cô rỉ ra, dính vào nệm ghế bọc nhung. Glass thăm thán phục người tình sớm rũ bỏ thói câu nệ của người Alien. Riêng ông từ bé đến lớn vẫn tin rằng con gái ra khỏi giường ít nhất cũng phải quấn khăn quanh người và giặt đầu khăn dưới nách như trong phim ảnh thường quảng bá.

- Gã Cleaver gọi điện đến tìm anh đây mà.

Thốt nhiên, mọi giác quan Glass trở nên thính nhạy lạ thường:

- Gì cơ? Gã làm sao?

- Nhật ký mạng của gã đây này. Gã đặt tên blog là Dao Phay của Cleaver. “Mọi tin tức đều ly kỳ, hấp dẫn”. Gã viết về tay thu thập thông tin anh định thuê... Dylan Riley phải không? Hôm kia anh vừa hỏi em về hắn. (Alison đọc thầm một lát rồi kêu trời lần nữa). Anh có biết hắn bị giết rồi không?

- Ai cơ?

- Người tên Riley ấy. Hắn bị bắn chết. (Alison quay lại nhìn ông tức giận). Anh biết rồi phải không?

Glass nhìn trần nhà:

- Hừm.

- Sao anh không kể gì hết vậy? Giờ cũng không trả lời cho ra đầu ra đuôi nữa. (Cô quắc mắt nhìn ông). Anh nói hắn định tống tiền anh. Vì chuyện chúng mình.

Ông ngồi thẳng dậy, búng tàn thuốc vào gạt tàn nhựa hiệu Betty Boop. Một ngày đông lạnh giá, ông đi cùng

Alison đến đảo Coney và mua nó ở đó:

- Anh không nói là vì chuyện chúng mình. Anh nghĩ nó có thể là vì chuyện của chúng mình. Hắn chỉ nói vừa khám phá một chuyện, thế thôi. (Ông làm điệu bộ nhún vai, khoe môi trễ tỏ vẻ bất lực). Hắn có nói đó là chuyện gì đâu.

Alison ngồi im không nhúc nhích, cô gần như nín thở, mắt ngó ông trân trân. Phong thái bình thản, bất cần của cô biến mất. Không quen bị dò xét từng động thái, Glass bắt đầu khó chịu:

- Thôi nào. về chuyện này anh có biết gì hơn em đâu. Anh nói chuyện với Dylan Riley có hai lần, gặp mặt hắn một lần. Chưa gì đã nghe tin hắn chết. Chỉ có Chúa mới biết hung thủ là ai. Chuyên gia bói móc người khác như Riley gây thù chuốc oán với đủ loại người mà em.

Alison giận dữ vuốt tóc vương trên má:

- Anh vừa bảo hắn chết cũng đáng đời chứ gì?

- Không, không phải. Em muốn anh phải nói thế nào em mới vừa lòng?

- Em muốn anh phải nói gì ư? Lắm khi anh sống mà tưởng đang đóng kịch, nói toàn lời sáo rỗng từ kịch bản của người khác. Anh biết gì, sao không kể hết cho em? Em muốn anh nói thật với em.

Tụt xuống tấm nệm rộng thênh, Glass vào nhà tắm. Giường chỉ là khung gỗ kê trên bốn chồng gạch. Căn phòng bừa bộn này không lớn hơn phòng thay quần áo là mấy. Trần nhà dốc có mùi ẩm ướt của

không khí tù đọng. Ông khóa trái cửa, ngồi ôm mặt trên nắp bồn cầu. Tự nhiên ông cảm giác bị quấy rầy và bị cấm đoán, giống chú hề bị kẹt chân trong chiếc giày to tướng, không sao thoát ra được.

Alison bức bối đến gần cửa:

- Ra đi. Đừng trốn trong ấy nữa.

- Anh không trốn.

Vừa đứng lên, Glass bắt gặp bóng mình trong gương treo ngay trên bồn rửa mặt. Nét mặt ông nhăn nhó tuyệt vọng giống tên tù trốn trại nghe tiếng mật thám vắng tới. Ông đặt đầu ngón tay dưới hai mi mắt kéo xuống và thè lưỡi ra. Nó đóng bợn trắng gớm ghiếc. Trong một thoáng, ông tưởng đâu có bóng Ambrose chồng lên bóng mình trong gương. Viên đại úy da ngăm đen, nét mặt hốc hác đang nhìn ông cười buồn. Glass ngoái đầu nói với ra:

- Em muốn nghe chuyện gì nào?

Alison cúi tiết gõ mạnh cánh cửa:

- Đừng có nói giọng ấy nữa đi.

- Nhưng em phải nói muốn nghe gì, anh mới biết được chứ.

Glass giật mạnh cánh cửa thấy Alison đứng khoanh tay ngay trước mặt ông. Cô vẫn chưa mặc quần áo để lộ phần lông dưới bụng bóng và xoắn tít. Glass thấy đau nhói trong lòng: “Nàng mới đẹp làm sao. Đáng yêu như thiên thần vậy.”

Alison cố nở nhẹ, nói giọng đều đều hầu chứng tỏ cô đang rất nhẫn nại và biết phải trái:

- Em muốn nghe từ đầu. Nói rõ xem gã Cleaver nói gì với anh.

Glass nhại giọng Cleaver:

- Gã hỏi anh gặp cảnh sát chưa.

- Cleaver da đen à?

- Đen trũi.

- Khu này lắm người da đen. Anh nói be bé thôi.

- Hần thoải mái nói giọng địa phương với anh. Cleaver thích thế thì phải.

Alison nhúu mày không muốn nghe. Biết người yêu đang lo cháy lòng nhưng Glass chẳng biết làm thế nào.

- Thế anh gặp chưa?

- Gặp ai?

- Cảnh sát ấy.

- Rồi. Có ông đại úy Ambrose gì đó hỏi anh vài câu. Ông ta có vẻ trầm tư. Hỏi chuyện anh em nhà Menendez.

- Cái gì?

- Không quan trọng, em đừng để ý. Chỉ là Ambrose có đọc bài anh viết từ lâu rồi.

Đề Alison đứng đó, Glass vào phòng vẽ rộng nhất của căn hộ. Trời càng lúc càng lạnh, hoàng hôn dần tím sẫm. Bóng tối trong căn phòng có trần dốc như dần đông đặc thành khối to lù lù. Mỗi khi đến đây, nhìn mái nghiêng và các góc cạnh trong phòng đi kèm khung cửa sổ lớn xeo xéo chỉ chực ngã ra sau, Glass hay nghĩ ông nên khom lưng chui vào cửa thay vì đi vào. Alison đi theo ông.

- Em không lạnh à?

Ông chỉ mong “cô nhân tình bé nhỏ” mặc quần áo vào. Giờ là lúc ông cần cân nhắc nên nói với cô chuyện gì, và quan trọng hơn, chuyện gì nên giữ lại không nói. Khổ nỗi Alison cứ khóa thân như thế khiến ông không suy nghĩ gì được. Ông quê ở Dublin, nơi mà chỉ cần nhìn thấy đầu vú con gái, đám thanh niên choai choai đã không tự chủ nổi. Ông hỏi:

- Có gì trên blog của Cleaver thế?

Alison đến bàn chạm tay vào một phím trên máy tính xách tay và đọc rành rọt: “Liệu khi còn sống Dylan Riley đã biết có kẻ muốn bắn thủng mắt anh chưa? Thứ ba vừa qua, người ta tìm thấy Riley, một nhà nghiên cứu tư nhân nổi tiếng trong nhà kho ở Vandam, chết gục bên chiếc MacBook Pro...”

- Hấn chẳng gục vào cái gì hết. - Glass nói.

“... óc bắn tung tóe khắp màn hình. Rõ ràng, hung thủ cố tình tạo cảnh ấy như biểu tượng có ý nghĩa. Một lần nữa, đội ngũ cảnh sát hàng đầu của New York phải vò đầu bứt tai tìm cho ra hung thủ và động cơ giết người. Bạn gái của Riley, cô Terri Taylor khai với cảnh sát rằng...” vân vân và vân vân. “Theo nguồn tin đáng tin cậy, nghĩa là cảnh sát thông báo trực tiếp, những người thực hiện blog Cleaver biết được rằng cú điện thoại cuối cùng Riley dành gọi cho ngài John Glass, nhà báo tâm huyết lừng danh thế giới. Đáng buồn vì ông này rất có thể đang viết tiểu sử cho bố vợ, một nhân vật có thể lực trong lĩnh vực truyền thông, đồng thời là cựu nhân viên CIA, ông William Bill Mulholland, hay còn gọi là Bill Lớn. Chúng tôi mạo muội đặt câu hỏi: phải chăng cái chết của Riley có liên quan đến những nhân vật kẻ trên?”

Alison quay sang Glass đứng cạnh giường cài nút áo sơ mi. Mắt nheo nheo và không rời Glass, Alison vòng qua bên kia giường, mở tủ lấy áo choàng bằng lụa khoác lên người:

- Lúc gặp anh, Cleaver nói gì thế?

Glass vừa xỏ chân vào ống quần, vừa dè dặt nhún vai:

- Không nhiều. Mục đích chính của gã là dò la thông tin để viết báo.

Alison nhăn mặt chế giễu:

- Thế gã có biết chuyện “chúng mình” không?

- Chắc là có. Hắn gọi cho em vì tưởng đó là số điện thoại của anh. Hắn lấy số ấy từ Riley. Có vẻ Cleaver giống nhiều người khác rất thèm kho thông tin lưu trữ của Riley.

- Thế có nghĩa Riley biết?

- Rõ ràng thế.

Alison cười khẽ:

- Trong mớ bong bong này cũng có thứ “rõ ràng” ư?

Glass thở dài. Ông mệt rã rời. Giá ông đừng bao giờ nghe đến tên Dylan Riley. Glass rửa thậm mấy người bạn giới thiệu ông về hắn. Ông vừa định châm thuốc, Alison ngăn lại:

- Anh cảm phiền đừng thế được không? Phòng này hơi lắm rồi.

Cô không bao giờ hút thuốc trong phòng.

Glass buồn bực trả điều thuốc vào bao.

- Mình đi ăn đi.

- Còn sớm mà.

- Nhưng anh đói.

- Đừng gắt em.

- Anh đâu có.

- Có mà.

Hồi này, giữa họ thường xuyên hục hặc thế, vài câu đôi co chẳng vì có gì, sau đó là bực bội và im lặng hậm hực. Glass cố trấn tĩnh:

- Em muốn ăn ở đâu?

- Còn đi đâu được nữa? Lần nào chẳng đến một chỗ? (Alison ôm trán). Anh đến đặt bàn trước đi. Em mặc đồ rồi đến ngay.

Glass quay lại:

- Alison này.

Cô nhìn ông chờ đợi:

- Gì thế?

- Anh xin lỗi.

Alison nhìn lảng đi. Khoảng không gian ngăn cách họ giờ pha chút sượng sùng, ân hận.

- Trong vụ Riley, theo anh bố vợ anh có liên quan không?

Glass thêm thuốc quay quắt:

- Chẳng biết nữa. Anh mong là không?

- Anh đã bàn với... Louise chưa?

- Không hẳn. Những chuyện thế này Louise không quan tâm đâu.

- Chuyện thế nào?

- Louise không quan tâm đến những gì không liên quan đến mình. Lĩnh vực gây chú ý đến Louise cũng hạn hẹp, chẳng hạn kho giấy tờ của cô ấy, chọn bàn hạng nhất ở nhà hàng Masa, lượng tuyết rơi trong mùa đông năm nay, (Glass nói không kịp thở) quỹ ủy thác Mulholland, tương lai của đứa con riêng và làm thế nào trừng phạt anh cho đích đáng.

Alison mím môi:

- Thôi anh đi đặt bàn đi.

Họ dùng bữa trong quán ăn nhỏ chuyên phục vụ đồ ăn Pháp, nơi họ thường ghé mỗi lần gặp nhau. Những cuộc hẹn hò ấy không nhiều và đang thưa dần. Glass không hiểu tại sao Alison cứ cố đâm ăn xôi để có ông. Chính ông cũng chán ngấy bản thân mình. Glass đoán tại Alison quá cô đơn, cũng như ông vậy. Hai kẻ lạc loài đến từ một xứ sở nhỏ bé bị kẹt giữa quốc gia khổng lồ này. Hình ảnh ưa thích về nước Mỹ của Glass là con bò mộng đứng hiên ngang, quay cái đầu to tướng về hướng châu u già cỗi, còn ông như một con vi trùng đậu chên vênh, tạm bợ trên cái mồm bè bè của nó. Có lẽ ông nên về cố hương Alien; thậm chí ông và Alison nên rủ nhau cùng về.

Dùng bữa xong, họ tản bộ trên quảng trường Washington. Sau cơn mưa, mùi hương của đêm tinh khiết, trong lành vây lấy đôi tình nhân. Glass nhớ buổi trưa mùa đông năm cũ, họ gặp nhau và đi mấy vòng theo chu vi quảng trường hình chữ nhật trống trải. Hôm ấy, khí trời lạnh giá. Hàng cây quanh quảng trường trụi lá trông như những bóng ma khẳng khiu. Với họ thời gian bên nhau dài hơn bốn tháng. Glass kể:

- Năm 1920, tại cửa hàng sách ở quảng trường Washington kia, người đứng đầu tổ chức Prevention of Vice, nếu anh nhớ không nhầm thì tên ông ta là Sumner, đã mua cuốn *Little Review* có in hai bài đồng ca của Getty MacDowell trích từ vở *Ulysses*. Sau đó ông này đệ đơn kiện lên cảnh sát, từ đó dẫn đến phiên tòa xử cuốn sách mang nội dung khiêu dâm. Chắc em không biết chuyện ấy nhỉ?

Alison không hứng thú:

- Anh là kho tư liệu di động.

Bóng tối dần buông làm khí trời dịu lại. Glass thích New York về đêm với ánh đèn lấp lánh và âm thanh cuộc sống luôn tiếp diễn, không ngừng nghỉ.

- Nếu tìm hiểu thấy mối liên quan giữa ông Mulholland và vụ Riley là thật, anh sẽ làm gì?

- Anh sẽ chẳng tìm hiểu làm gì cho mệt. (Glass gằn giọng, ngớ ngàng trước cơn tam bành vừa ập tới. Ông hít thật sâu, cổ trắn tĩnh). Anh đã nói với em rồi. Khối người mong thấy Dylan Riley có kết cục như hôm nay. Tại sao em vô duyên vô cớ gán bố vợ anh vào đây?

- Sao anh giãy nảy lên thế?

Glass thở dài:

- Đâu có. Anh chỉ mệt mỏi vì cứ bị hết người này đến người kia tra hỏi.

- Vừa nghe điện Riley xong, anh hốt hoảng tìm đến em. Anh quên rồi à? Anh sợ hấn biết chuyện chúng mình. Rõ ràng anh sợ hấn mách Mulholland chuyện anh cầm súng con gái ông ta.

Alison khoác tay ông, nhưng cử chỉ ấy không tượng trưng cho tình yêu nồng thắm. Thốt nhiên, Glass tưởng tượng cô là sát thủ đang tìm cách ẩn lưỡi dao găm sâu hơn nữa vào mạng sườn ông.

- Hồn vía anh lên mây khi nghĩ đến ông ta, nghĩ đến việc ông ta có thể làm và thứ ông ta có khả năng tước đoạt để trừng trị anh.

Glass dừng phắt lại, khiến Alison dừng theo. Mảnh trời trên đầu họ mang sắc màu ma quái. Ông thờ dòn dập như người bị dồn tới bước đường cùng:

- Em mới nói tước đoạt gì?

Không trả lời ngay, Alison chỉ buồn bã cười nửa miệng, đoạn lắc đầu:

- Coi anh kia. Hãy xem anh thành thứ gì rồi! Hãy xem người ta nhào nặn anh đến mức tồi tệ nào.

Rút tay về, Alison buồn bã nhưng cương quyết rời ông. Cô quay lưng đi về phía ngược lại. Glass đứng nhìn người yêu đi ngày một xa. Hai ba xe cảnh sát cùng họ còi chạy ngang qua, tiếng còi như thúc giục ông mau chóng lên. Ông biết đáng lẽ nên đuổi theo cô, nhưng không hiểu sao chân ông không nhúc

nhích. Giống như nhiều thứ khác từng có mặt trong đời ông, Alison như đang lúi xuống con dốc thẳng đứng và biến mất dưới đáy tối khôn cùng.

10. BILL LỚN

Rời thang máy, Glass vừa vào nhà đã thấy vợ ông tắt tả từ bóng tối bước ra như thể bà đã chờ sẵn định cầm cửa ông. Bà cúi kính thì thảo chất vẫn ông đi đâu đến giờ mới về. Tất nhiên, bà chỉ hỏi cho có vì đã biết thừa ông ở chỗ nào về. Bà vội khoác tay ông giống hệt Alison O’Keeffe khi nãy: không phải cử chỉ bộc lộ tình cảm.

- Cha Billuns trong nhà, chờ anh về nói chuyện. Hình như cha đang giận lắm thì phải.

Glass làm thính. Không cần nghe thông báo, ông cũng biết bố vợ đã đến. Nơi nào có mặt Bill Lớn Mulholland, không khí nơi ấy sẽ là lạ, khang khác. Khi họ sánh vai đi tiếp, gót giày cao và nhọn của Louise hời hả gõ xuống nền nhà lát ván gỗ nghe như bà đang tặc lười vì không hài lòng. Ánh sáng trong căn hộ dịu dịu. Mọi bóng đèn tròn và đèn chùm đều tắt, chỉ còn đèn ông có chụp chiếu ánh sáng xuống dưới như tỏ ý tôn kính sự có mặt của con người lỗi lạc.

Ngồi trong ghế bành ngoài phòng khách, ông Bill giờ cao ly rượu nhỏ còn chút xiu rượu mạnh. Mặt ông nhìn nghiêng giống hình điêu hâu. Ông cụ nheo mắt ngắm chất lỏng màu hổ phách trong ly. Nếu chưa gặp, nhiều người sẽ không tin khi nghe nói rằng ông vẫn điển trai. Đầu ông giống hình vẽ vận động viên Hy Lạp cổ với mái tóc dày rậm không nhuộm. Chỉ khi ông Bill quay mặt nhìn thẳng, khiếm khuyết mới lộ ra: hai mắt ông quá gần nhau. Sinclair giống hệt ông ngoại ở điểm này. Cặp mắt ấy cho người ta cảm giác chủ nhân của chúng bần tiện, tính toán, xảo trá và thâm hiểm. Ông niềm nở:

- John về đây à? Ta chờ con mãi.

Vẫn ngồi thoải mái, ông chìa bàn tay gầy, rám nắng, móng tay được chăm sóc cẩn thận. Ngón út có đeo nhẫn vàng chạm cán hồng ngọc, còn bàn tay cầm ly có chiếc nhẫn cưới mảnh bằng vàng.

- Ta đang lo không biết con đi đâu.

Glass nắm bàn tay khô và cứng cáp rồi buông ngay. Ông đến bên sofa trắng đối diện ông nhạc. Ông cảm tưởng Louise đang đứng đâu đó trong bóng tối phía sau mình. Glass băng quơ nghĩ không biết vợ có kín đáo ra hiệu cho cha hay không. Ông Mulholland mỉm cười nhìn con rề bằng ánh mắt âm áp, nhấp nháy theo thói quen. Đầu ông khẽ gật gật như nguyên thủ quốc gia đứng trên ban công gật đầu khen ngợi thần dân đông đảo phía dưới.

- Chắc làm việc muộn, ta mong là thế. Say mê nghiên cứu quá khứ hay ho của ta phải không? Viết sách đến đâu rồi con?

Glass bình tĩnh:

- E là hơi chậm ạ.

Ông Mulholland không ngạc nhiên:

- Thực ra con không việc gì phải vội. Chỉ mong con nhớ ta không thể sống mãi. Chớ tin lời người ta tăng bốc rằng ta tráng kiện, hùng mạnh này nọ nhé.

Glass chấp tay như đang ôm quả địa cầu vô hình:

- Con đang thu thập tư liệu. Cũng nhiều lắm ạ.

Ông Mulholland lại gật. Nụ cười lơ đãng vương trên khuôn mặt rám nắng. Glass biết ông nhạc đang nghĩ chuyện khác. Ông gần như nhìn thấy cỗ máy nhiều bánh răng nhỏ xíu như máy đồng hồ hối hả làm việc phía sau đôi mắt kia.

Louise đến ngồi lên tay ghế cạnh chồng. Thậm chí, tay bà còn vịn hờ lên vai ông.

- Ngày nào nhà con cũng đến văn phòng. Sáng chín giờ đi, chiều năm giờ về.

Bà nói, khẽ mỉm cười và có phần hơi hồi hộp. Trước mặt cha, giọng Louise thường run rẩy dù bà cố che giấu, một phần do bản năng muốn che chở chồng trước người cha quá sắc sảo. Glass đặt bàn tay lên tay vợ đang vịn vai ông. Nhìn họ, ánh mắt ông Mulholland thoáng chút mỉa mai:

- Con thấy văn phòng thế nào? Đã quen chưa? (Sau hớp rượu mạnh, ông cụ khà một tiếng). Nếu con không thoải mái vì ở tầng quá thấp thì cứ nói.

Louise đỡ lời:

- Quá cao đấy ạ. Anh John sợ độ cao.

Glass quay ra sau nhìn vợ nhưng Louise chỉ cười buồn.

Ông Mulholland thờ ơ:

- Ôi, thế à? Ta hiểu cảm giác của con. Hồi này, người ta đua nhau xây những thứ có thể coi là sự si nhục với thế giới. (Ông cụ lại nhìn đăm đăm ly rượu). Có nhiều điều con người không biết. Sau năm 89, con người ta chỉ chú tâm đến các dự án không gian mà không biết rằng từ những sa mạc Ả Rập, chúng chĩa cái gì về phía ta. Đen giờ mới hiểu ra đấy.

Glass trầm thán phục khi thấy bố vợ thoải mái bàn về những vấn đề long trọng. Ông tự hỏi phải chăng ông cụ đang chọc ghẹo, đùa giỡn một người đang phải gồng mình chịu đựng, một kiểu thử nghiệm giới hạn chịu đựng mình của những người xung quanh. Có lẽ đó là trò đùa của những kẻ có tiền, có quyền nói vòng vo sáo rỗng để thử xem người hầu chuyện có chú ý lắng nghe hay không.

- Phòng làm việc tốt đấy ạ. Con không cần gì nhiều, chỉ cần không gian yên tĩnh.

Liếc nhanh chàng rể, xem chừng ông Mulholland cố nhịn cười:

- Tốt, tốt lắm.

Đoạn chia ly về phía con gái:

- Louise, rót cho cha chút nước có màu vào đây.

Nhận ly rượu nhỏ, Louise nhón gót bước vào nửa tối của phòng, ra ngoài và khẽ khàng khép cánh cửa sau lưng. Glass biết còn lâu vợ mới quay lại. Louise rất thạo “giải mã” tín hiệu của cha ruột. Ông cụ hơi nhoài người ra trước ghế bành, chống hai cùi tay lên đầu gối, bàn tay đan vào nhau kê dưới cằm. Glass ngắm bố vợ. Bộ vest trên người ông màu xám sẫm hiệu Savile Row, bên trong là áo sơ mi lụa dệt thủ công. Chân ông đi giày cao cổ hiệu John Lobb. Glass nghe không gian đượm mùi nước hoa đàn ông dễ chịu. Bill Lớn thùng thảng:

- Chắc con biết tay Cleaver nhỉ? Gã như con muỗi quấy nhiễu ghê lắm. Vài năm nay, gã vo ve quanh ta hoài. Ta không thích thủ đoạn của gã. Loại người như gã coi người giàu như kẻ thù. Gã quên rằng quốc gia này được xây bằng thể mạnh đồng tiền. Ta giúp tầng lớp người như gã không ít, quỹ ủy thác Mulholland làm từ thiện nhiều vô kể, còn hơn quỹ của Mellon và Bill Gate cộng lại. (Ông chà xát hai lòng bàn tay đang đan ngón vào nhau khiến các khớp xương kêu khùng khục. Ông không nhìn Glass khi nêu câu hỏi). Riley là ai thế?

Glass không nhúc nhích:

- Một nhà nghiên cứu ạ.

Ông Mulholland liếc ngang dưới hàng lông mày rậm:

- Con thuê hẳn ư?

- Con mới nói chuyện với hẳn thôi ạ.

- Rồi sao?

- Rồi hẳn bị bắn chết.

- Ta hi vọng con không định bảo ta rằng hai chuyện ấy có liên quan. (Ông Mulholland bất ngờ mỉm cười, phô hàm răng đều, trắng bóng nhờ hàng trăm ngàn đôla chăm sóc, chỉnh sửa). Nói đi nào.

- Không, thưa cha.

Vàng sáng từ đèn chụp vây quanh chân họ. Còn trên đầu, phần tối bao trùm như mái lều.

- Con ạ, ta nhất định phải biết. Giả sử con gặp bất trắc, ta phải biết vì, nói thật, nếu con gặp chuyện chẳng lành thì rất có khả năng ta cũng chẳng được yên thân. Con gái ta, cháu ngoại ta cũng liên lụy. Ta không thích thế. Ta không thích rắc rối, con hiểu chưa?

Ông đứng dậy. Glass để ý thấy động tác của ông cụ rất thoải mái, không cần chút gắng gượng nào. Đến bên lò sưởi, ông cụ đứng đút tay túi quần:

- Để ta kể con nghe một chuyện xảy ra lâu lắm rồi, từ hồi ta còn làm cho CIA.

Ông cười khẽ kèm theo tiếng ho nho nhỏ. Chỉ có nửa người ở tư thế đứng của ông tắm trong ánh đèn, nửa kia chìm trong tối nên trông ông sờ sờ, giống người cụt chân.

- Hồi ấy ta có người bạn cùng gần gũi nhau trong đời tư cũng như trong công việc. Ông ta định chống đối J. Edgar Hoover. Chắc chắn con biết như thế không ổn vì J. Edgar là... chắc con cũng biết J. Edgar là ai rồi. Ta đang nói tới thập niên sáu mươi, sau thời của Tổng thống Kennedy. Bạn ta, hãy tạm gọi ông ấy là Mac, làm gì khiến lão già đồng tính J. Edgar phật ý không quan trọng. Thực tế, trong hoàn cảnh bấy giờ, việc ông ấy làm khá ngớ ngẩn. Hoover là nhân vật chủ chốt, có thế lực của FBI.

Vùng sáng đèn tương phản với vùng tối sâu thẳm, chiếu sáng mặt đồng hồ, làm mặt đồ gỗ bóng lên và khiến mặt hồng ngọc trên nhẫn của ông Mulholland lấp lánh:

- Để ta kể tiếp. Vô cùng căm tức bạn ta, Hoover quyết định nhổ cái gai trong mắt. Ở Langley, Mac là nhân viên cấp cao nhưng không vì thế mà J. Edgar chùn tay. Ông ta tổ chức một chiến dịch hủy hoại thanh danh Mac. Tuy nhiên hồi đó người ta không dùng tên ấy. (Ông cụ trầm ngâm giây lát). Thực ra, ta không nhớ họ gọi là gì. Người già chuyện nhớ chuyện quên ấy mà. Thế rồi, bấy được giảng ra. Tại một thời gian, địa điểm cụ thể, Mac phải có mặt nhận tài liệu do người từ đại sứ quán một nước Đông Âu ở Washington tuồn ra. Mac không biết cái gói trao vào tay mình không phải giấy tờ mà là bọc tiền bất chính. Theo kế hoạch, người của J. Edgar nấp trong bụi rậm sẽ lao ra, bắt quả tang Mac, nhân viên thoái hóa nhận tiền từ cường quốc nước ngoài, kẻ thù số một của nước Mỹ. Nhưng một nhân viên của Hoover mến Mac, ghét sếp đã tiết lộ tin này nên Mac không đến chỗ hẹn. Con hiểu chưa nào? Chắc con cũng hình dung Mac giận tím mặt. Ông đến khách sạn Mayflower, nơi ngày nào Hoover cũng đến ăn trưa cùng gã Clyde Tolson. Chả là họ dính với nhau như hình với bóng mà. Viên quản lý nhà hàng chặn Mac lại, chắc tại thấy mắt ông vằn lên khi đòi gặp Hoover: “Tôi muốn gặp J. Edna”. Quản lý nhà hàng nói ngài Hoover không thích bị quấy rầy trong lúc thưởng thức pho mát sữa đã gạn kem cùng một ly sữa. Mac bèn bảo: “Ông bảo thằng chó đẻ ấy rằng nếu nó không ra đây ngay, tôi sẽ nói to cho cả khách sạn này biết giám đốc FBI là thằng đồng tính chuyên mặc váy đàn bà”. Hoover xồng xộc chạy ra và Mac buộc tội hắn đưa ông vào tròng. Tất nhiên, Hoover chối bay vụ bôi nhọ ấy và hứa sẽ mở cuộc điều tra xem ai là thủ phạm. Hắn còn bảo sẽ không nghỉ ngơi cho đến khi tìm ra kẻ đề tiện nọ, vân vân... và vân vân... Chuyện tưởng kết thúc ở đó. Một tuần sau, Mac cùng vợ bay đến nhà riêng ở Mehico. Trên phi cơ do chính Mac lái chỉ có hai vợ chồng. Vừa rời Houston được nửa tiếng thì “BÙM”, máy bay nổ ngay trên bầu trời vịnh. Bom cài dưới ghế phi công. Mảnh vỡ văng tứ tung trong vòng nửa dặm vuông. Người ta tìm thấy xác Mac, nhưng xác vợ ông thì không. Tại đám ma, người ta thấy Hoover gạt nước mắt. (Ông cụ lại cười khẽ). John Edgar còn không được đề nghị thỏa hiệp.

Glass bắt giác sờ gói Marlboro trong túi áo khoác. Có tiếng cánh cửa cuối phòng khẽ mở. Giây lát sau, Louise xuất hiện bùng theo khay bày ba ly thủy tinh. Glass băng quơ tự hỏi không biết nãy giờ vợ ông có đứng ngoài cửa nghe không. Lắm lúc ông không còn hiểu nổi vợ, tựa như bà là người hoàn toàn xa lạ xen ngang vào cuộc đời ông rồi ở lại luôn.

- Xin lỗi vì để cha chờ hơi lâu. John à, em mang rượu Jameson cho anh đây.

Lần lượt cúi xuống trước mặt hai người đàn ông, chờ họ cầm ly của mình xong, Louise đặt khay lên chiếc bàn thấp và mang theo ly rượu chất Canada Dry kèm lát chanh tươi đến bên chồng, vắt chân chữ

ngũ đoạn vuốt vuốt gấu vấy phủ đầu gối.

Ông Mulholland bảo con gái:

- Cha đang ôn lại chuyện J. Edgar Hoover và những thủ đoạn nham hiểm của hắn.

- Thế ạ?

Glass biết vợ không nhìn mình. Ông vờ chăm chú thưởng thức rượu ngon và nói:

- Cha kể Hoover lập mưu ám sát vợ chồng một điệp viên CIA.

Ông Bill Lớn vờ ngạc nhiên:

- Ai nói thủ phạm là Hoover đâu? Ta vừa kể với con hắn khóc trong đám ma cơ mà.

Ông xoay xoay ly rượu và một lần nữa mỉm cười khoe hàm răng hoàn hảo. Louise vẫn mãi mê vuốt tà áo. Bà nói nhưng không nhìn lên:

- Cha đang muốn biết chính xác anh đã nói gì với Riley.

Thốt nhiên, bầu không khí trong phòng căng như sợi dây đàn. Trong thư viện, chiếc đồng hồ treo tường hiệu Louis Quinze ông Mulholland tặng vợ chồng con gái nhân ngày cưới ngân từng hồi chuông trong vắt.

- Theo con nhớ thì con không nói gì quan trọng với hắn. Sau khi liên lạc lần đầu qua điện thoại, hắn đến văn phòng. Con nói mình đang định viết gì và cần gì...

- Vậy chứ con cần gì?

Chưa bao giờ ông Mulholland trông giống điều hâu bất động rình mồi như bây giờ:

- Này con, ta không hiểu con cần người ngoài làm gì chứ? Ta tin tưởng giao cho con việc ấy bởi con là người trong nhà. Ta đã nói ngay từ đầu: "John, ta cần người tin tưởng và ta tin con". Chắc chắn con phải biết ta chỉ cần con, không khiến một gã tin tặc lạ hoắc xen vào. (Ông cụ quay sang con gái). Louise này, cha nói thế đúng không? Cha có đòi hỏi vô lý không? (Louise không nói gì. Mulholland trả lời thay con gái). Không, ta không vô lý. Ta không yêu cầu gì quá đáng cả.

Glass cảm tưởng căn phòng vừa tự động tạo thêm góc hẹp phía sau ông và ông đang bị dồn vào đó.

- Con rất tiếc, thưa cha. Nhưng thuê người thu thập thông tin có gì to tát đâu ạ. Chuyện ấy hoàn toàn bình thường. Các nhà viết sử đều làm vậy.

Cặp mắt ông Mulholland mở to hết sức có thể:

- Nhưng John này, con không phải sử gia.

Ông nói như giảng giải cho em bé.

- Chuyên môn của con cũng không phải viết tiểu sử.

Ông nhạc tê tái nhìn Glass giãy lất, đoạn đặt ly rượu xuống bàn. Ông vỗ tay lên đầu gối rồi đứng lên trở lại bên lò sưởi:

- Con cũng thấy rồi đấy, rắc rối của ta bây giờ là tìm cách giải quyết việc này. Ngày xưa, chúng ta gọi những chuyện tương tự là lỗi của bộ máy tình báo. Ta không biết con nói gì với Riley, cũng không biết Riley nói gì với Cleaver. Nếu bộ máy tình báo bị trục trặc, người ta cần óc sáng tạo để giải quyết hậu quả. Con có thể giúp ta việc ấy bởi ta cần tìm cách xử lý “ngài” Wilson Cleaver và kiểu nói bóng gió của hắn.

Có tiếng nói vọng lên từ góc phòng rộng thênh:

- Một màn diễn đặc biệt chắc thích hợp, nhỉ?

Cả ba người đều quay nhìn về hướng tiếng nói ấy. Từ trong bóng tối, David Sinclair vừa thông thả đi ra, vừa tung hứng vật gì đó nhỏ và bóng loáng. Cậu ta tùm tùm:

- Chuyện nhỏ như vậy, ngoại sắp xếp được thôi.

11. TERRI

Sáng hôm sau, dùng điểm tâm xong, Glass ngồi ngoài ban công của phòng khách có lan can bằng thép uốn cầu kỳ. Được ngồi một mình, hút đến ba điếu thuốc và nhâm nhi ly cà phê thứ tư thì còn gì thú bằng. Vừa lúc đó, cậu con riêng của vợ đi ra. Glass cố nén, không để lộ sự khó chịu ra mặt. Bình thường chỉ mình ông dùng ban công, bầu bạn với sắt gỉ sét, đám mạng nhện và di chứng mục rữa của đám lá rụng từ mùa thu năm trước. Phía dưới ông là sân vườn, một thứ hiếm hoi giữa lòng Manhattan có giá đất tính bằng vàng khối! Khoảnh vườn nhỏ này trồng cây lá lĩnh, bu lô bạc, sơn thù du và vài cây khác lá vàng xen lẫn lá xanh mà ông không biết tên. Vào một số ngày được ấn định sẵn trong suốt bốn mùa, người ta vẫn thấy một ông già lụ khụ mặc tạp dề bằng da xuống vườn dùng cái cào cẩn thận xới sỏi rải trên đất cho đều, trông không khác một thầy tu Nhật Bản khoan thai, tự tại. Hôm nay, mặt trời yếu ớt, vàng vọt như người bệnh tàn phế liều ra ngoài sau mùa đông dài nằm liệt giường để chiêm ngưỡng mùa xuân vừa đến sau thời gian dài trông chờ đỏ mắt. Nắng vàng nhạt mịn như lụa rải trên tán lá, làm chồi biếc ánh lên, dát bạc cho kính cửa sổ dãy nhà đối diện. Khoảnh trời trên mảnh vườn nhỏ trắng nhợt, điểm vài đốm xanh.

Glass nhớ Riley bị bắn thủng con mắt. Từ nay trở đi, hẳn không còn biết sớm mùa xuân là gì nữa rồi.

David Sinclair mào đầu:

- Thì ra đây là chỗ ẩn náu của dựng.

Dù có căn hộ đôi rộng thênh gang Columbus Circle, Sinclair vẫn thường xuyên qua đêm tại nơi cậu thường nhắc đi nhắc lại là *nhà của mẹ*. Vậy nghĩa là trong thâm tâm, Sinclair kiên quyết cắt bỏ Glass khỏi danh sách người trong nhà. Giờ đứng bên cửa sổ lớn, cậu nhìn cha dựng bằng nửa con mắt; vẻ giễu cợt và tự mãn của cậu luôn khiến Glass phải nghiêng rặng trước hai lựa chọn: hoặc dẫn lên thách thức, hoặc quay ngoắt bỏ đi. Sáng nay, cậu con riêng của Louise diện quần ống rộng màu kem, áo sơ mi lụa màu kem, đi giày phối hai màu kem và nâu. Chiếc áo thể thao có sọc xanh nhạt quanh cổ khoác trên vai cậu. Cậu sắp đi chơi tennis trong nhà. Với mái tóc bóng mượt chải ép hai bên đầu và cặp mắt đen nhỏ xíu, trông cậu giống hệt Cole Porter, một nhân vật của phim hoạt hình.

Glass lạnh lùng:

- Chào.

Cười trừ, Sinclair ra ban công vòng qua chiếc bàn sắt nhỏ, đến bên ghế tựa cũng bằng sắt uốn cầu kỳ. Ngồi vắt chân chữ ngũ, cậu ta đan hai tay đặt trong lòng tươi tỉnh ngắm nghía bộ dựng quần áo nhàu nhĩ vì vừa rời khỏi giường và đầu óc nặng nề chậm chạp, dư âm từ bốn ly rượu mạnh ông uống tối qua lúc cả nhà đi ngủ hết.

- Trông dựng âu lo, bức bối quá. Dựng đang nghĩ gì thế?

Cậu trai trẻ khẽ hỏi. Dưới kia, một đàn chim đen trĩu, bóng mượt từ đâu bay vụt tới. Chúng nghênh

ngáo đậu giữa tán cây lá lĩnh, đập cánh liên hồi và kêu chiêm chiếp bằng giọng khàn khàn.

Glass châm điều thuốc khác rồi đặt cả bật lửa và bao lên bàn. Vừa ngắm lũ chim nháo nhác, ông vừa hỏi:

- Con đã bắt đầu công việc mới chưa?

David Sinclair nhào người với bật lửa trên bàn rồi truyền từ tay nọ sang tay kia, giống tối qua cậu ta cũng tung hứng vật gì không rõ:

- Chưa. Thực ra mẹ chưa định buông cương, chỉ làm bộ chuyển giao này nọ thôi. Dượng cũng biết tính mẹ rồi đấy.

Cậu ta nhướn một bên lông mày, cười đầy ngụ ý. Giọng nói và vẻ mặt Sinclair cho thấy cậu ta biết tổng cha dượng không biết tí gì về chuyện mẹ sắp chuyển giao ghế chủ tịch Quỹ ủy thác Mulholland, hoặc bất kỳ chuyện gì khác.

Glass nghiêm mặt:

- Hi vọng con hiểu bà ấy vừa làm cho con một việc lớn. Dượng cũng mong con thi thoảng tỏ ra biết ơn vì điều ấy.

Gã thanh niên cười toe toét, khoái trá khi chọc tức được cha dượng. Cậu ta đùa giỡn tính nhạy cảm của Glass với tài năng lão luyện của một nghệ sĩ bậc thầy, biết nhấn đúng phím vào đúng lúc thích hợp.

- Thôi, nói chuyện Riley vui hơn. Ăn mạng rõ ràng, lại liên quan đến nhà mình mới chết chứ! Thế cảnh sát đã tìm được hung thủ và động cơ giết người chưa?

- Dượng không biết. Họ không nói với dượng.

Ánh mắt Sinclair chiếu tới Glass lộ rõ sự ác ý:

- Dượng là nghi phạm phải không?

- Sao dượng là nghi phạm được?

- À, con không biết. Chẳng hạn trong lúc điều tra thế giới tối tăm của ông ngoại, Riley phát hiện điều gì đó về dượng, mà tất nhiên dượng không mong hấn lần ra. Đúng không?

Glass đăm đăm nhìn Sinclair, đoạn rít mạnh điều thuốc cháy đỏ rồi quay mặt phà khói ra ngoài ban công bằng thép đúc, tỏ vẻ không thèm quan tâm. Có lần, hồi mới cưới Louise, Glass đã đánh con riêng của vợ. Ông không còn nhớ chính xác tình huống lúc ấy, chỉ nhớ có mắng Sinclair vài câu và hấn văng tục ngay trước mặt ông. Rồi trước khi có thể bình tĩnh trở lại, ông đã giáng cho hấn một bạt tai. Cái tát không đau nhưng Sinclair không bao giờ tha thứ cho ông. Glass phải công nhận thế cũng dễ hiểu. Ngay lúc này, ông chỉ chực cho hấn ăn đòn lần nữa. Nếu được thế, ông sẽ rất bình thản, không hề cáu giận, chỉ hành động theo đúng lẽ công bằng bằng cách vung tay thôi thật mạnh trúng con mắt, hoặc giữa sống

mũi dọc dừa giống hệt mũi mẹ, để xem nó còn thẳng thớm, thanh tú được không.

- Dượng biết cha con không? Ngài Sinclair, niềm tự hào của phố Wall ấy?

Với Sinclair, hình như mọi danh hiệu đều ngổ nghĩnh, buồn cười lắm lắm.

Glass cảnh giác:

- Tuy ta có gặp ông ấy nhưng nói là quen thì không phải.

Sinclair day mắt nhìn xuống sân. Lũ chim đã lũng sục kỹ lưỡng mấy cây to, như thể chúng muốn rung cây để thử chúng cần tìm phải rơi xuống đất. Như đọc được suy nghĩ của Glass, Sinclair quắc mắt hăm hực:

- Lão hay đánh mẹ con. Thế mẹ không kể với dượng à? Mẹ không đến nổi thập tử nhất sinh, nhưng hôm nay ăn tát, mai ăn đấm thì có. Theo con, lão khá nóng tính (Sinclair quay lại) giống dượng. Có lần con thử can thiệp. Lúc ấy con mới bé tí. Bị con cắn tay đau quá, lão định quăng con ra cửa sổ tầng mười tám khách sạn Waldorf Astoria. Lão không dọa và nếu cửa sổ mở, giờ con không ngồi đây nói chuyện với dượng. Hôm trước, Bill Clinton vừa đắc cử lần đầu, chắc vì thế lão cay cú lắm. (Sinclair nhếch mép). Lão không theo đảng dân chủ, chắc dượng cũng biết.

Glass hắng giọng đứng lên. Chân ghế sắt cào xuống nền nhà bê tông nghe rờn rợn:

- Dượng đi đây. Có mấy việc phải làm.

Sinclair nghiêng đầu cười mỉm:

- Chắc thế rồi. Dượng không bận mới là lạ.

Glass vừa dợm bước qua ngưỡng cửa vào phòng khách, Sinclair gọi với:

- Này dượng!

- Gì vậy?

Cậu ta chìa tay:

- Dượng quên bật lửa này.

Đang giờ cao điểm, Glass muốn bắt taxi cũng khó. Thành phố náo nhiệt trong tiết xuân đột ngột xuất hiện. Cây cối rậm rạp rìa công viên trung tâm trông như thể sắp tràn qua hàng rào, đồng loạt tiến về sông Đông. Louise chặn ông ngoài thang máy báo hai mẹ con bà sẽ cùng ông ngoại đến Bridgehampton, đồng thời rủ Glass đi cùng. Ông nói có thể lát nữa sẽ tạt qua đó chung vui với họ. Hiện giờ, cứ nghĩ tới chuyện bị kẹt lại Long Island, bị tung hứng giữa thái độ bằng mặt nhưng không bằng lòng của ông nhạc và thói lờn mặt của cậu con riêng của vợ, Glass dậm ngán.

Đen sẫm tòa nhà Mulholland Tower, Glass vừa định quẹt thẻ ra vào qua mắt điện tử thì Harry ngồi sau bàn dành cho nhân viên an ninh gọi lớn và vẫy ông rồi rút:

- Ngài Glass có khách ạ. Cô ấy chờ cả tiếng đồng hồ rồi.

Cô gái ngồi chỗ ghé băng, dưới tấm bảng đồng treo tường gắn hình chụp nghiêng ngài Bill Lớn Mulholland đẹp lão. Trông cô quen quen nhưng nhất thời Glass chưa kịp nhớ tên. Cô nhỏ xiu, lạc lõng giữa không gian mêng mông trong sảnh ốp và lát đá hoa cương. Cô mặc váy nhàu nát, áo somi hoa ngắn cũn cỡn và khoác áo mưa nam giới màu lông chuột to gấp ba bốn lần cỡ trang phục vừa vóc dáng cô. Thấy ông đi tới, cô vội vàng đứng dậy, lúng túng rút tay khỏi túi áo. Gấu áo ngắn kéo lên phơi bụng cô gái có gắn khoen ngay rốn:

- Tôi tên Terri.

- À, tôi nhớ rồi.

Giờ Glass mới nhớ cô ta là người yêu của gã Vượn Cáo.

Terri cười méo xẹo, khề cần môi gần khoe miệng. Cô ta bị tàn nhang, răng hô và có mái tóc dài thẳng, nhuộm đen bởi tay thợ vụng về. Cả hai đều không biết nói gì, cứ đứng nhìn nhau mất một lúc. Ông mời cô lên văn phòng nhưng cô lắc đầu quây quây. Ông lại ngó ý cùng đến quán cà phê nói chuyện nhưng cô bảo:

- Ta đi bộ một lát được không ạ?

Họ cùng ra đường. Glass định nắm khuỷu tay cô nhưng nghĩ sao lại thôi. Terri cười nhẹ:

- Hồi này tôi chỉ đi lang thang, chẳng làm được gì nên hờn, nhất là sau khi...

Terri bỏ dở câu nói. Dọc con phố đông, gió mạnh thổi ào ào. Một nhân viên giao hàng của hãng phát chuyển nhanh DHL vừa lăm bắm một mình, vừa khăn trương đầy nhanh tám ba lét chất đầy hàng hóa qua cánh cửa mở rộng. Đàng xa, một cô gái bụi đời tóc lảo xoắn, mặc áo len in chữ St. Louis Cardinals đang gân cổ cãi nhau với gã cảnh sát béo húp híp. Cạnh miệng máng xối có ba con quạ xờ xác tranh nhau mẩu bánh vòng to bằng cơ thể chúng. Glass bất giác cười một mình. New York là thế.

Glass thâm thắc mắc lý do Terri đến tìm ông. Không biết cô ta muốn gì? Ông gợi chuyện:

- Cô sống thế nào? Chắc chắn không thể gọi là dễ dàng, nhỉ?

- Ồ, cũng không đến nỗi nào.

Terri kéo sát vạt áo mưa quanh người. Chắc chắn cô mặc áo của Riley. Ngón chân cô dài quặp xuống và hai cẳng chân trần lấm đốm đỏ vì lạnh.

- Em quen Dylan chưa lâu, mới Giáng sinh năm ngoái thôi. Đêm Noel, chúng em gặp nhau tại tiệc mừng Giáng sinh ở nhà hàng Wino's. (Cô liếc ông ra ý hỏi). Ông biết chỗ đó chứ? Khá dễ chịu. (Cô

gật đầu nuột khan). Dylan thích chỗ ấy lắm.

Nghe tiếng sụt sịt, Glass cầu trời cô ta đừng khóc.

- Người thân cô có ở đây không? Ý tôi là ruột thịt ấy?

- Không. Quê em ở Des Moines. Ông biết Des Moines, bang Iowa không? (Terri bật cười) Thủ phủ của ngành bảo hiểm toàn cầu. Khi nào có dịp ghé thăm ông sẽ thấy rất nhiều tòa nhà chọc trời. Hầu như ai cũng làm cho một công ty bảo hiểm nào đấy. Khiếp thật.

Họ đi vòng qua bãi phân chó to tướng (Glass đoán con chó này ít nhất phải là giống Great Dane) và vào đại lộ Madison. Glass không thể quên nỗi cảm giác lúc rẽ từ phố nhỏ yên tĩnh vào đại lộ rộng thênh trản ngập người đi mua sắm mặt mày nhớn nhác, taxi nối đuôi nhau chạy thành đàn và tiếng còi xe cảnh sát rú inh ỏi.

Terri Taylor bảo:

- Anh ấy mến ông. Ý em là Dylan rất quý ông đấy.

Glass cố ngăn sự ngờ vực lộ ra mặt:

- Thế à?

- Anh ấy tôn ông làm người hùng, một trong những người đáng tôn sùng. Hễ thấy bài của ông, anh ấy lại cắt, lưu trữ và đóng thành tập. Lúc ông yêu cầu cùng hợp tác, anh ấy sướng điên lên. Cứ như trẻ con được kẹo ấy. Anh ấy tấm tắc mãi: “John Glass! Tưởng tượng nổi không? Là John Glass đấy.”

- Rất hân hạnh! (Glass không chắc ông vừa nói thật). Tôi phồng mũi rồi đây.

- Dylan là thế. Tình cảm lắm ông ạ.

Glass nhớ hôm Vượn Cáo đến văn phòng ông tít trên tầng ba mươi chín, nhâng nháo ngồi ườn trên ghế bành, hai hàm răng nghiền không ngừng như đang nhai kẹo cao su, tay cào đũng quần jean cẩu bần... Đúng là đàn bà con gái thấy ở người yêu họ những thứ đàn ông không thể thấy được.

- Cô có nghĩ ai đã ra tay... bất cứ ai có khả năng là...

Lắc đầu quây quây, Terri mím chặt môi đến trắng nhợt:

- Thật kinh khủng. Ai có thể ra tay ghê gớm thế chứ? Dylan có nỡ hại ai bao giờ. Cứ như đứa trẻ to đầu, chỉ thích trò chơi điện tử, lướt web xem thông tin này nọ (Cô bật cười). Ông có biết là ông nội em giữ thẻ bóng chày suu tầm từ hồi bé không? Nội cất cẩn thận trong hộp giày, giấu dưới gầm giường. Hễ thấy ai thích hóng chuyện, cụ lại lấy ra khoe. Thật không thể tin nổi. Nói thật với ông, mới lên mười, em đã vứt hết búp bê Barbie vào sọt rác rồi.

Glass ngần ngừ. Bỗng chốc vĩa hè biến thành vỏ trứng dưới gót giày ông:

- Cô có biết Dylan thu thập thông tin gì về tôi không?

Họ vừa đến góc đường Bốn mươi lăm. Một phụ nữ thấp đậm mặc áo lông thú to sù sụ cầm dây da cưỡi đá quý dắt con chó chồn bắt chập đèn đỏ đi tới khiến một xe taxi phanh gấp. Bác tài tóc xoăn tít ngồi sau vô lăng ngửa đầu cười sảng sặc, phô hàm răng trắng bóng. Terri Taylor thích thú đứng xem, bất giác mỉm cười đạon quay sang ông hỏi:

- Ông vừa nói gì cơ?

Đèn chuyển xuống bảng có chữ WALK và họ sang đường.

- Cô biết không, Dylan có gọi điện cho tôi. Anh ấy phát hiện được thông tin gì đó. Tôi không biết là gì, nhưng nghe giọng tôi đoán nó khá... quan trọng.

- Thông tin thuộc loại nào?

- Tôi không biết, đang định hỏi cô đây.

Terri ra chiều suy nghĩ. Lúc họ đi ngang qua tiệm sách, một người đàn ông trong tiệm chỉ tay về phía Glass và nói nhở với cô gái trẻ đi cùng. Cô gái có nhìn theo nhưng ánh mắt tỏ vẻ hững hờ. Hóa ra vẫn có người nhớ đến ông dù khoảng thời gian nổi danh khá ngắn ngủi của ông đã trôi rất xa rồi.

- Em tưởng ông thuê anh ấy tìm thông tin về bố vợ ông, không phải về ông?

Terri ngó người. Cô không biết Glass cần gì ở mình.

- Phải, đại loại thế... Nói chung chúng tôi chưa thỏa thuận chính thức.

- Chắc chắn anh ấy ra sức tìm thông tin về ngài Mulholland. Dylan kể với em mà lại.

- Thế cậu ấy kể những gì?

Terri cười buồn:

- Không hẳn tâm sự hết gan hết ruột đâu. Chắc ông cũng biết anh ấy khá kín đáo. Nhưng mà... (Cô im lặng, bước chậm lại và nhìn dăm dăm đôi giày đế mềm cũ kỹ loang lổ dưới chân). Anh ấy có nhắc tên một người.

Glass cố kiểm soát giọng nói của mình:

- Rồi sao nữa?

- Một người từng làm chung với ông Mulholland. Tên gì nhỉ? Ôi! (Terri nhăn mặt, cố moi óc nhớ). Nghe giống bệnh giãn tĩnh mạch varicose.

Glass đỡ lời:

- Varriker. Charles Varriker.
- Đúng nó đấy. Tên nghe buồn cười chết được. Ông có quen người ấy không?
- Không. Ông ấy đã là người thiên cổ. Varriker chết lâu lắm rồi.

12. SÔNG SÂU CŨNG CÓ KẼ DÒ

Terri Taylor không cung cấp cho Glass thêm thông tin nào ngoài cái tên Charles Varriker tiếp tục được nhắc đến khá thường xuyên. Cho đến giờ, Glass vẫn chưa biết Terri đến tìm ông làm gì. Có lẽ với cô, ông là điểm đáng chú ý của Dylan Riley, và cô nhất định phải đến trước khi về cố hương Des Moines. Cô cười héo hon:

- Em không hợp với New York và Des Moines cũng không hẳn hợp với em.

Không thể nói cái chết của Dylan Riley làm Terri đau khổ cùng cực. Nhưng nó khiến cô mệt mỏi, chán chường. Vì còn quá trẻ, chết chóc là quá sức tưởng tượng của cô. Với một cô gái trẻ như Terri, án mạng quá kỳ bí, lạ lùng, chỉ có trong chuyện trinh thám. Glass hình dung Terri của mười năm nữa: lấy chồng làm nhân viên bảo hiểm, vun vén cho chồng con trong ngôi nhà ngoại ô thành phố, gần cánh đồng ngô tràn ngập nắng trải dài đến tận chân trời xa tắp.

- Dylan tôn ông làm người hùng. - Terri nói lại lời của Dylan. - Và rồi hẳn bị bắn bẻ đầu.

Chiều đến, Glass đi bộ đến ngã tư giữa đại lộ Lexington và đường Năm mươi đón xe buýt đường dài Hampton. Một trong những lợi thế đáng kể của việc lấy vợ giàu là Glass không phải chuẩn bị hành trang khi đến căn nhà ở Long Island, bởi mọi thứ ông cần đều chờ sẵn ở đó, từ bàn chải đánh răng đến quần áo ngủ.

Glass ghét đi thế này. Đường thì xa, ngồi xe buýt mệt bã người và ồn ã ỉ ỉ ờ ờ khi ông đến nơi, quần áo hôi rình mùi khói bụi và tâm trạng cáu kỉnh. Lần đầu nghe nói đến xe đò Hampton, ông nhớ phim hài Frank Capra có xe buýt cũ móp méo, đầu xe tròn như củ hành, nóc xe chất đầy rương hòm bằng gỗ dán, và hàng ghế trước có cô nàng bắt chước Marilyn Monroe ngồi tô son, đồng thời cố không để lò xo gây trồi lên mặt nệm rách làm thủng vớ quần. Nhưng ông buộc phải công nhận thực tế khác hẳn. Ông mong chờ ít nhất cũng được ngắm cảnh biển bởi bề ngang đảo rất hẹp. Nhưng thực tế xe toàn đi qua vùng đất bằng phẳng, chẳng có cảnh đẹp gì đặc sắc. Hai bên đường toàn trạm xăng, quán ăn nhanh và một làng nhỏ xiu không có gì đặc biệt. Nói chung chỉ có Bridgehampton xây theo lối kiến trúc từ thời mới lập quốc là đẹp. Ngoài ra, Silver Barn khá nổi bật với địa thế trên đỉnh đồi thấp nhiều cây cối. Từ đó, khách tham quan ha hồ ngắm thung lũng sâu trông đầy thông, sồi thấp tè và biển lấp lánh ở chân trời xa tít. Bill Lớn xây nhà đó cho bà vợ ba và chỉ mình ông khẳng khẳng rằng hiện tại bà vẫn là vợ ông. Đó là Nancy Harrison, một nhà báo thích du lịch khắp năm châu bốn bể. Tính tổng cộng, bà chỉ ở nhà này chừng vài tuần lễ. Ngày xưa, Glass đôi lúc tình cờ gặp bà Nancy khi họ đi thực tế ở những nơi xa xôi hẻo lánh tìm tư liệu viết bài về những cuộc chiến nhỏ lẻ hoặc vài thảm họa thiên nhiên. Họ rủ nhau làm vài ly và cùng cười vui khi kể nhau nghe về Bill Lớn và cách hành xử của ông ta. Khung sườn ngôi nhà này vốn là nhà kho của người Amish mà Bill Lớn tìm thấy ở Pennsylvania. Ông cho tháo rời từng mảnh chở tới Long Island, dựng thành nhà, tất nhiên kèm thêm nhiều chi tiết và gia cố cho thật chắc chắn. Gỗ dất tường xám như tro và lên nước bóng loáng như cán thuổng.

Taxi vừa trờ tới cửa nhà xây theo lối kiến trúc thời thuộc địa, Louise đã ra tận xe đón chồng. Hôm nay bà mặc trang phục của nhà tạo mẫu Jean Seberg: quần đen, áo đen sọc trắng và khăn quàng cổ kiểu

ngắn bằng lụa đỏ. Louise cột tóc gọn ra sau và không trang điểm. Hình như chưa bao giờ Glass thấy vợ ăn mặc không hợp người, hợp cảnh. Ông nghĩ nếu Louise có đứng trên tàu Titanic, thế nào bà cũng mặc váy xanh lá cây của nhà tạo mẫu Wellies, áo gió của Burberry và trùm khăn kín đầu. Một thời, Glass cũng yêu Louise say đắm. Ông phải công nhận hồi ấy bà hấp dẫn ông bởi sự thanh lịch và điềm tĩnh.

Đặt nhẹ đầu ngón tay lên vai Glass, Louise hôn phớt lên má ông:

- Xe cộ đường xá thế nào anh?

- Vẫn thế, ghê chết được.

- Cha vừa xuống trực thăng. Anh vào chào cha đi.

- Trời, đi trực thăng cơ à?

Louise lùi lại, mím môi gận dữ nhìn ông như bà mẹ nghiêm khắc nhìn cậu con trai hỗn láo, cứng đầu:

- Thế ra gia đình em không được phép hưởng xa hoa theo cách riêng chỉ vì cả nhà em không phải... (Glass biết vợ cô kiểm chế nhưng không được) phóng viên xuất sắc?

Glass mệt mỏi:

- Thôi nào em, đừng gây sự nữa.

Dù mùa xuân đã chiếm lĩnh cả thành phố, nhưng ở góc lãnh thổ phía đông xa xôi này, nàng xuân vẫn chưa về. Vòm trời màu xám trắng đang xà xuống thấp. Glass ngửi thấy hơi hướng của cơn mưa sắp ập tới.

- Hai cha con định uống vài ly. Chắc anh cũng nên vào góp vui. Uống một ly thôi cũng được.

Glass theo vợ vào trong. Ông Bill đã sang tên cho Louise căn nhà với mục đích chính là trốn thuế. Dù trên giấy tờ đây là nhà họ, nhưng Glass luôn cảm thấy mình là khách. Tuy nhiên, ông thích nơi này lắm. Không gian yên tĩnh ấm áp trong những bức tường gỗ đánh bóng là di sản còn lại của những người giữ nếp sống bình dị. Chính họ đã chặt cây, bào nhẵn những súc gỗ này hơn trăm năm về trước.

Louise dẫn chồng đi xuyên qua nhà, ra hiên sau bằng gỗ bài trí hai xích đu nhỏ có nệm màu vàng rom và chiếc bàn dài thấp loang lổ vết đáy cốc đồ uống lạnh. Bill Lớn nửa nằm nửa ngồi đọc tờ The Wall Street Journal trên xích đu, hai chân bắt chéo nơi mắt cá gác lên bàn. Glass lấy làm lạ vì người giàu ở Mỹ hay đọc tờ Journal dù báo viết toàn thứ họ biết rõ mười mươi. Trên đời làm gì còn chi tiết nào rắc rối, nhơ bần hơn hiện thực của chính họ? Hôm nay, ông cụ mặc áo tàu và áo gilê bằng lụa casomia không tay màu be nhạt, chân không đi tất xỏ trong giày cỡ lớn. Ngay cả mắt cá chân ông cũng rám nắng. Thấy Glass, ông cụ gấp tờ báo lại:

- Kia John! Đi đường thế nào con?

Louise đỡ lời:

- Nhà con ghét xe đồ.
- Tội nghiệp. Thế con đã thử loại xe du lịch đời mới có ghế nệm bọc da chưa?

Glass trả lời:

- Con ghét nó còn hơn loại cũ.

Bố vợ ông cười ha hả:

- Người Alien mình là thế. Chỉ thích khổ, không thích sướng.

Manuela, cô giúp việc người gốc Philipine, mang đến bình nước chanh mới pha và ba chiếc ly thủy tinh cao. Đặt khay lên bàn, cô lùi bước, vuốt vuốt tạp dề, mỉm cười với nền nhà. Trong nhà hay nói đùa rằng Manuela dành hết tình yêu tuyệt vọng cho John Glass nhưng ông toàn nhằm cô với Clara, người hầu gái thân tín của Louise ở Manhattan. Giờ nghe Glass yêu cầu mang rượu gin và tonic cho mình, Manuela làm thỉnh gật đầu và lẹ làng đi ra. Louise rót nước chanh cho hai cha con. Glass đến sát lan can gỗ bao quanh hiên châm thuốc hút. Phía dưới chỗ ông đứng, bãi cỏ xanh rờn chạy đến tận chân hàng cây sồi làm ranh giới của khu vườn. Ngoài rặng cây vắng tới tiếng cười nói pha lẫn tiếng cụng ly lạnh canh. Winner, đại diện cho các nhà văn, sở hữu căn bên cạnh. Ông ta nôi tiếng hay tiệc tùng. Mang đồ uống cho Glass xong, Manuela quày quả bỏ đi ngay.

Bill Lớn áp bàn tay lên tờ báo trên bàn:

- Báo có nói Ulster là môi trường kinh doanh tiềm năng. Chỉ cần chiến lược phát triển đúng đắn, triển vọng phát triển kinh tế sẽ rất sáng sủa. (Ông cúi xuống nghiêng đầu đọc báo). Đồng bằng Alien gây sức ép với đồng Euro. Con thấy ghê chưa?

- Lòng tin của người Thiên Chúa giáo chắc chắn bị bào mòn.

Bill Lớn thoáng cười độ lượng:

- Trước tiên, tin đồ Tin Lành phải độc lập với người Anh đã.

Từ đầu kia của xích đu, Louise vừa nâng ly nước chanh vừa cười nhẹ:

- Nếu vậy thì mệt rồi, phải không ạ?

Người cha lắc đầu:

- Luật thuế của Anh bóp nghẹt doanh nghiệp. (Ông quay sang Glass). Chính vì thế, người dân thuộc cộng hòa Alien như Glass đây hiểu rõ cần phải cắt giảm thuế cho các công ty. Cha nhớ...

Nhấp nháp chút rượu cay, Glass trầm ngâm ngắm bức tường kết dày cây cối cuối bãi cỏ. Trong đầu

Ông có thứ gì tựa chiếc xe bò đang chậm chạp lăn bánh. Ông gần như nghe tiếng bánh xe kêu cót két. Ông sợ sự buồn chán hơn bất kỳ trạng thái tinh thần nào. Bố vợ ông đang ôn lại câu chuyện mà ông đã nghe không biết bao nhiêu lần: cách nay hai mươi lăm năm, ông cụ đã triệu tập cuộc họp bí mật giữa cách nhà lãnh đạo Bắc Alien ở đảo Man, giúp họ nhìn ra tương lai của tổ quốc họ, một quốc gia nhỏ bé nhưng chịu nhiều thiệt thòi nhất. Đến đây, Glass ngắt lời ông nhạc:

- Trong sự kiện lịch sử đó, Charles Varriker có đi cùng cha không ạ?

Lạ thay, người sững sốt hơn cả lại là Louise, không phải cha bà. Bà trừng mắt nhìn chồng, môi dưới thoáng run rẩy:

- John, sao anh hỏi thế?

Louise thì thầm như thể bà sắp lớn tiếng văng tục vào mặt chồng. Ông Bill lúng túng, hết nhìn con rể lại nhìn con gái. Trông ông hết như người ngã ngựa lập cập cố trèo lại lên lưng con vật bất kham. Thốt nhiên, mắt ông mờ hẩn đi, nếp nhăn như dày thêm:

- Charlie ư? Ồ không! Cậu ấy chết trước thời điểm đó rồi. Sao tự nhiên con hỏi vậy? (Ông quay sang con gái càu nhàu). Sao chồng con đem chuyện Charlie ra hỏi cha thế?

Louise đã lấy lại thăng bằng. Không trả lời câu hỏi của cha, bà đặt mạnh ly nước chanh xuống bàn và đứng dậy:

- Con phải tìm Manuela hỏi xem bữa tối chuẩn bị đến đâu rồi.

Dứt lời, bà chậm rãi vào nhà, lưng vươn thẳng như thể cô kiểm chế không guồng chân chạy biên đi.

Sau lưng bà, hai người đàn ông im lặng khá lâu. Ông Bill ngó nghiêng mãi sàn gỗ quanh chân mình như thể vừa đánh rơi thứ gì. Glass dùng ngay mẫu thuốc cũ cháy đến đầu lọc để châm điếu mới. Ông thấy nôn nao khi ngồi nấp trong bóng tối bao trùm, lòng hoang mang do nhận thức rõ vốn hiểu biết ít ỏi của mình.

Giọng ông Bill vừa khinh khỉnh vừa dè dặt:

- Cha có may mắn được quen biết Charlie Varriker, một người tài ba bậc nhất. Cha đánh giá Charlie lỗi lạc bởi cậu ấy là người tốt. (Ông ngược lên nhìn Glass bằng ánh nhìn dữ dội). Cha nói thế, con có hiểu không? Con có chút khái niệm nào về nhận xét vừa rồi không? Trong thời buổi đảo điên này, lòng tốt là phẩm chất không được người đời nâng niu, quý trọng. Họ coi thứ ấy lỗi thời rồi. Nhưng Charlie là người tốt và bị coi là lỗi thời. Cậu ấy trọng danh dự và trung nghĩa với bạn bè. Lúc cha sắp bị thương trường ăn tươi nuốt sống, Charlie đã khôi phục khả năng tài chính của tập đoàn Mulholland Cable mà không hề đòi hỏi một lời cảm ơn. Charlie là thế, vĩ đại và tốt bụng. Cha quý cậu ấy vô cùng.

Ông đứng dậy, cau mặt như thể vừa đau nhói trong lòng. Cặp mắt nhìn xa xăm tận góc vườn xa tít giờ không còn sáng rực như lúc nãy mà mờ đục, giống tấm kính cửa sổ mờ vì sương sớm:

- Phải, có thể nói như vậy. Cha rất quý cậu ấy.

Ông quay lưng đi thẳng vào nhà, giống con gái khi nãy. Đứng tựa lan can gỗ, Glass hút nốt điều thuốc và búng đầu mẩu ra bãi cỏ. Trong không gian xuất hiện tiếng rì rào rất nhỏ. Glass nhìn trời, mưa phùn bắt đầu rơi.

Đến bữa tối chỉ có hai vợ chồng bên bàn ăn. Tuy không nói gì, nhưng Manuela đứng gần đó chú ý từng nhất cử nhất động của ông bà chủ để phục vụ kịp thời. Họ ngồi trong căn phòng bài trí theo lối Ấn Độ. Trên tường treo vài bức tranh gốc của danh họa Edward Curtis, còn mấy chiếc bình gốm của Hopi làm theo đơn đặt hàng riêng được bày thành hàng trên giá. Mưa thì thầm ngoài khung cửa bên cạnh họ, bóng đèn xanh tỏa sáng nửa căn phòng. Chờ cha đi nghỉ, Louise mới bảo chồng:

- Giá anh đừng nhắc đến Charles Varriker thì hay biết mấy. Mỗi lần nhớ lại chuyện ấy, cha không vui đâu.

- Ừ, quá rõ rồi còn gì.

Louise cắt nhánh măng tây hấp thành bốn đoạn bằng nhau chần chặn.

- Lúc em vào nhà rồi, cha nói gì về Charlie thế?

- Ông nói ông rất quý anh ấy.

Tiếng cười khẽ của Louise nghe rất lạ tai:

- Quý ư? Ghét thì có. Tất nhiên, cha còn nghĩ mình mang tội nữa.

- Tại sao?

- Sao cái gì?

- Sao ông cụ ghét Charlie và thấy có lỗi với anh ấy?

Louise ngừng ăn, ngẩng lên, tay vẫn lăm lăm dao nữa.

- Em tưởng với đầu óc đen tối của cánh nhà báo, anh sẽ biết cha Billuns chắc chắn phải thấy có lỗi, nếu không với người này thì với người kia chứ.

- Anh vái trời để em đừng gọi cha bằng cái tên kỳ cục ấy nữa.

Louise nheo mắt bực tức nhưng Glass nhanh nhẩu:

- Nếu theo em, cha không phải hối hận điều gì, thì sao trong việc này, ông cho rằng mình có lỗi?

- Em biết người Alien lắm. Họ nghĩ thiên hạ không ai thanh thản đến độ tin mình không có tội dù cả đời hoàn toàn thánh thiện.

- Làm gì có ai hoàn toàn thánh thiện!

Câu nói khinh miệt của Louise giống cái tát bất thần vụt xuống mặt Glass:

- Anh làm ơn thôi đi. Tưởng anh phải khá hơn chứ.

- Đã thế em phải giải thích tại sao cha tự nhận mình có tội. Nhất định phải có lý do.

- Cha thấy mình có lỗi vì ông vừa căm ghét vừa yêu quý Charlie Varriker, vì Charlie đã cứu Mulholland Cable khỏi thảm họa và vì anh ấy tự sát. Anh không hiểu tí gì về tính cách con người à?

Họ trừng trừng nhìn nhau giây lát rồi quay xuống đĩa. Bên ngoài ngày đã tàn, hoàng hôn tối thăm bao trùm khu vườn xanh ngắt. Manuela châm hai cây nến cao ở hai đầu bàn rồi bỏ đi.

- Kể anh nghe chuyện đã xảy ra giữa Varriker và cha đi.

- Chẳng có chuyện gì cả. Họ là đối tác làm ăn, hay chí ít Charlie nghĩ thế. Em chắc chắn anh biết cha không bao giờ muốn làm đối tác với ai hết. Ông điều hành tập đoàn Mulholland Cable như quản lý ban bộ của CIA, hoặc theo nguyên tắc bùng bít thông tin. Có nghĩa là không ai biết gì ngoài lĩnh vực con của họ, mình Billuns biết tốt. Kiểu ngạo mạn ấy, kiểu bùng bít thông tin ấy gây tai họa. Cha coi nhân viên như gián điệp, chiến binh hoặc sát thủ nhưng thương trường không phải chiến trường hay lĩnh vực tình báo, dù nhiều người hay cường điệu quá lắm. Khi rắc rối nảy sinh, cha không biết cách giải quyết. Chính vì thế ông đưa Charlie Varriker vào cải tổ bộ máy. Cha chọn Charlie vì anh ấy có tài mê hoặc lòng người và tuyệt đối hấp dẫn. Charlie đưa guồng máy kinh doanh hoạt động trở lại, khắc phục mọi điểm yếu kém. Thế rồi...

Louise im bật, đắm chiêu nhìn màn mưa và khung trời nhập nhoạng. Glass đỡ lời:

- Thế rồi anh ấy tự tử.

Hai vợ chồng giật mình nghe tiếng ông Mulholland ngay ngoài cửa:

- Đúng vậy.

Khi ông cụ bước vào, quầng sáng từ nền trộn ánh hoàng hôn tím hắt qua cửa sổ. Mặt ông hốc hác, tái xám.

- Thằng trời đánh ấy khờ đến độ lấy khẩu Beretta của cha, tự bắn vào ngay đây. (Ông xĩa ngón tay lên). Viên đạn xuyên thủng một bên mắt.

13. KẺ THÍCH CHUYỆN GIẬT GÂN

Mưa tạnh lúc tảng sáng, sắc xanh của bầu trời lồng lộng nhạt đến nỗi gần như chuyển sang trắng. Glass ngồi ngoài thềm gỗ ghép bằng thân cây thông lên nước đen bóng uống cà phê, hút thuốc lá và ngắm ánh thái dương len lén đuổi dần bóng đêm ngủ dưới tán cây. Sau một đêm trần trọc không yên giấc, Glass thức từ lúc trời tờ mờ sáng. Lúc đầu, ông vào phòng khách cố đọc sách báo nhưng thấy khó chịu vì căn nhà yên ắng, mọi người còn ngủ say nên ông ra hiên cho thoải mái. Không gian mẫn mòi mùi biển lạnh ngắt và cô tịch. Lâu lâu, vài con chim dậy sớm sà xuống bãi cỏ tìm mồi rồi lại bay vụt đi.

Glass thắc mắc không biết đại úy Ambrose bắt đầu ngày làm việc lúc mấy giờ. Ông cần trao đổi với Ambrose, hỏi ông ta vài câu. Từ đầu đến giờ, ông đoán sai bét về Dylan Riley. Nghĩ đến đó, nổi tức giận âm ỉ trong ông chỉ chực bốc cao, cháy rục.

Một lúc sau, Glass đang cùng Louise lặng lẽ dùng điểm tâm trong căn bếp tràn ngập nắng sớm thì David Sinclair từ thành phố đến. Bà mẹ đứng ngay dậy, đến bên hôn con, đoạn lùi xuống một bước ngắm kỹ khuôn mặt con, chạm nhẹ đầu ngón tay vào chỗ này chỗ kia như thể xem con có hề hấn gì không. Louise phiền lòng khi thấy con hầu như tối nào cũng la cà ở mấy hộp đêm Chelsea hay quán rượu chui. Bà thường phàn nàn:

- Con làm gì, em chẳng hay. Thằng bé kín như bưng, em muốn biết cũng đành chịu.

Glass im như thóc. Ông không muốn đi sâu vào lãnh địa ấy.

Lúc này, David ngửa cổ vờ hít hít xung quanh:

- Con đang làm quen với khí trời này. Hai người từng chạy xe suốt đêm chưa? Con nghe cả tiếng còi báo có tàu đi trong sương mù nữa kìa.

Cậu mặc áo khoác khuy đồng và túi áo có viền, quần trắng, áo sơ mi trắng hở cổ và đeo cà vạt in hình Nữ thần Tự Do. Thêm nón lưỡi trai của câu lạc bộ du thuyền, người ta sẽ tưởng David sắp rong buồm ra khơi. David thay đổi tính cách như thay áo và chắc chắn cậu ta say mê môn nghệ thuật thứ bảy. Hôm nay, gã thanh niên tự biến mình thành Tony Curtis trong phim *Some Like It Hot* (Kẻ thích chuyện giật gân). Khi nghe mẹ hỏi sao dậy sớm được thế, David kể sáu giờ sáng cậu đã lên đường, lái một mạch đến nơi trước lúc bình minh. David bảo:

- Người ta bảo New York không bao giờ ngủ, nhưng thực ra là có. Ngủ say là khác. Đường tỉnh không một bóng người, thậm chí cả người chuyên bới rác lược bịch nylon cũng không. (Gã thỉnh thoảng quay ngoắt sang Glass). Từ lúc con rời mắt khỏi đường đến giờ có thêm án mạng nào không thế?

Đúng lúc ấy, ông Bill mặc áo choàng tắm, đi dép nhung tím, râu ria chưa cạo bước vào. Trông ông bơ phờ, mệt mỏi. Làn da rám nắng trên má ông vẫn còn hơi xám xám. Râu bạc mọc tua tủa khiến chiếc cằm trông như dính đầy muối trắng. Đêm trước, chờ cha già đi ngủ, Louise lại mắng chồng như tát nước về lỗi khời lại chuyện không vui về Charles Varriker và vụ tự tử năm nào. Bà nói sa sả “Cả đời

cha gặp đủ chuyện sóng gió rồi, giờ ông không được hưởng chút yên bình hay sao?”. Glass nghĩ thầm: “Giờ không nói chuyện yên bình. Tình cảnh này ai yên bình nổi chứ?”

David Sinclair vờ vịt lễ phép:

- Con chào ngoại!

Lừ mắt liếc cháu, ông Bill vừa lẩm bẩm câu gì nghe không rõ, vừa ngồi vào bàn. Glass thắc mắc không biết Louise làm cách nào thuyết phục được cha trao quyền lãnh đạo Quỹ ủy thác Mulholland cho David. Bất cứ ai nhìn vào cũng biết hai ông cháu hoàn toàn trái ngược nhau về mọi mặt. Glass nghĩ vẫn vợ, giả sử bản thân ông có con gái và cháu ngoại, ông có hiểu đúng về con cháu mình không? Glass không biết nhiều về sự tinh tế của tình thương và lòng trung nghĩa mà các thành viên gia đình dành cho nhau. Ông mất cha khi chưa kịp lên mười.

Ông Bill uống cà phê con gái vừa rót, tay vo viên mẩu bánh mì nhưng không ăn. Glass để ý thấy tay ông run run. Chỉ sau một đêm, ông cụ già xòm đi.

- Có ai đưa ta đến nhà thờ thánh Andrew không?

Khi ở Silver Bam, chủ nhật ông Bill thường đi lễ ở nhà thờ thánh Andrew. Louise bảo con trai:

- Cung của mẹ, con đưa ông đi nhé?

David làm bộ sốt sắng:

- Tất nhiên. Con cũng vào luôn. Chẳng qua con thích mấy tấm khăn phủ bàn thờ đẹp tuyệt.

Đoạn cậu nháy mắt với Glass. Ông Bill không nói không rằng.

Lát sau, cả bốn người leo lên chiếc Mercedes màu nho mui trần của David Sinclair. Ông cụ ngồi ghế trên, còn Glass và Louise ngồi nép vào nhau ở ghế sau. Xe ra khỏi cổng, xuống chân đồi, Glass sức nhớ chưa gọi cho Ambrose. Phải chăng ông sợ nghe những gì viên cảnh sát sắp nói? Liệu có gì ghê gớm hơn điều ông dự đoán và lo sợ hay không? Dù không muốn tin nhưng ông vừa đoán ra ai giết Dylan Riley, hoặc sai người sát hại hắn.

Đến nhà thờ, ai cũng biết ông Bill muốn cả nhà theo ông vào dự lễ. Tuy nhiên, Glass nói ông muốn đi dạo dọc bờ biển và nhất quyết đòi Louise đi cùng. Ông cụ rên lên bức tức, quay ngoắt đi và nhanh chóng bước sang nhà thờ bên kia đường. David nhìn mẹ ra ý chờ. Louise giục:

- Đi theo ông đi. Có con đi cùng, ông sẽ hài lòng cho coi.

Ngoài cảng lác đác vài người. Tiết trời chưa hẳn gọi là xuân. Họ sánh vai lên cầu tàu Long Wharf. Mặt nước lay động, sóng sánh trong buổi sáng im ắng. Bên kia vịnh là dãy đồi thấp phủ đầy cây xanh trên đảo Shelter, nơi mùa đông còn lưu luyến chưa chịu rời đi. Không khí mang theo muối biển làm mũi họ cay cay.

- Kể anh nghe về Charles Varriker đi.

Mang đôi bốt da đen cao đến đầu gối, Louise mặc áo choàng không tay bằng vải tuyết trùm ngoài áo len dày dặn của nhà thiết kế Aran. Bà khoanh tay trước ngực, cố chống chọi với cái lạnh buổi sớm. Bà xanh xao, cặp mắt hơi có vẻ thần thờ. Glass đoán đêm qua, cả vợ ông cũng thức trắng. Phân vân không biết vợ đang nghĩ gì giờ đã thành thói quen của Glass.

- Kể cái gì? Có bao nhiêu em đã kể hết rồi còn đâu.

- Sao anh ấy tự sát?

- Một ngày có bao nhiêu người tự sát, trong đó số vụ biết nguyên nhân đếm trên đầu ngón tay. Anh hỏi em, em biết hỏi ai?

- Anh ấy có để lại thư tuyệt mệnh không?

- Đương nhiên là không. (Bà không đi nữa mà quay sang ông). Anh quan tâm đến chuyện ấy làm gì?

- Dylan Riley có “đánh hơi” thấy chuyện quan trọng. Lúc đầu, anh tưởng liên quan đến anh, nhưng giờ chắc liên quan đến Varriker. Cũng xin nói luôn, thực lòng anh không biết hẳn tìm được gì.

Họ đi tiếp. Louise bảo:

- Giá anh viết báo lại thì hay quá. Hình như anh rảnh quá đấy.

- Thì người ta vẫn bảo nhàn cư vi bất thiện mà. Câu ấy làm tựa sách hay phải biết. Anh định lấy tựa “Bất Thiện” đặt cho cuốn tiểu sử của ngài Bill Mulholland.

- Đùa vô duyên vừa chứ.

- Anh thấy có duyên cực kỳ.

- Anh thích chọc tức em phải không? Thú tiêu khiển của anh tao nhả gớm nhỉ?

Một con thuyền trắng có gắn động cơ ngoài thu hết buồm lại, lạng lách giữa đám du thuyền của các triệu phú đang rẽ nước ngoài khơi. Đứng từ đây, Glass thấy vạch nước từ thuyền đám du thuyền trông giống đường rãnh trên vỏ sò điệp. Có ông già râu ria rậm rạp đội nón thủy thủ, mặc quần may bằng vải bạt làm buồm màu xanh da trời bạc phếch, gấu quần vo tới gối đi chân đất đứng trên mũi thuyền, gác một bàn chân trần lên đường ván cao nhất. Glass buồn cười vì ở đây ai cũng ăn mặc, tạo dáng như thể đang chờ nhóm quay phim chụp hình sắp ập tới.

Họ đến một nhà hàng nhỏ trang trí bằng dây thừng thắt nút và tràng hoa kết bằng lưới đánh cá. Chọn bàn bên ngoài, họ thích thú xem “Ngư Ông” nọ đang cột dây thuyền vào cọc gỗ làm từ thân cây. Một cô gái đầy đà, cười khoe hai chiếc răng bản cuộc đến chờ nghe gọi món. Louise ngồi thu lu trên ghế, dúm hai tay dưới áo choàng, hai chân đi bốt đuổi thẳng, gác lên nhau ngay mắt cá chân.

- Em không muốn nói chuyện Charlie Varriker với anh nữa.

- Nếu vậy để anh hỏi cha. (Glass chờ nhưng Louise im lặng). Em ạ, vụ này có điểm bất thường. Anh tin chắc nó liên quan đến Varriker. Anh chưa biết liên quan thế nào, chỉ biết chắc chắn có liên quan.

Louise lườm ông:

- Anh tái chú tâm đến sự đời bất ổn từ bao giờ vậy? (Bà quắc mắt nhìn ông hồi lâu, đoạn mím môi quay mặt đi, mắt nheo nheo). Charlie là người tốt. Anh ấy chẳng có tội tình gì để phải chết thảm. Đây, bất thường ở chỗ đó đây.

- Dylan Riley cũng không đáng chết.

Louise nhìn ông nhạo báng:

- Thế ư? Giờ anh định trả thù cho hấn chứ gì?

- Anh muốn biết chính xác ai giết hấn. Chính em vừa bảo anh nên quay lại nghề báo mà. Anh đang làm theo lời em đây. (Chờ thêm giây lát, ông hỏi gặng). Hồi đó, Charlie Varriker làm sao vậy? Kể cho anh nghe với nào.

Người thủy thủ già ngồi trên gót, điệu dàng thắt dây neo thuyền. Môi ông mím chặt giữ điều thuốc vừa châm dúi ngay khóe miệng. Đường khói từ điều thuốc cháy đỏ bay đến tận mắt trái ông. Glass có thể thấy ông ta biết Louise đang ngắm mình. Đúng là thói quyến rũ phụ nữ ở nam giới không có tuổi.

Cô gái mang cà phê đến. Louise mở lời:

- Charlie là nhân viên giỏi nhất của cha em.

- Chớ bảo anh rằng anh ấy làm cho cha từ hồi ở CIA đấy nhé.

Louise coi như không nghe thấy.

- Cha rất tự hào về anh ấy. Chỉ có Chúa mới biết cha giao cho anh ấy nhiệm vụ gì. Có nhiều chuyện cha không nói với ai ngoài Charlie. Hai người họ thường uống rượu với nhau. Charlie lắng nghe cha ôn lại những chiến công xưa, hồi ông còn làm trong ngành tình báo. Họ giống đôi bạn học thuở cấp sách đến trường, hay nói đúng hơn, giống thầy giáo với cậu học trò yêu.

Louise ngừng bật.

- Rồi sao nữa?

Bà nhấp ngụm cà phê rồi nhăn mặt:

- Nóng lắm đây. Anh cẩn thận kéo bỏng miệng.

Người thủy thủ già đã đi khỏi. Một gia đình cả năm thành viên đều tròn trĩnh trắng bạch đi ngang qua. Ván gỗ trên cầu tàu kêu kè kệt. Ba đứa con béo múp míp mặc ba áo thun in chữ Sag Harbor giống hệt nhau. Một trong ba đứa là bé gái có nét cực kỳ xinh xắn, chỉ tội mặt tròn phệ như trái banh nặn bằng bột. Trở lại tư thế ngồi uể oải, Louise luồn tay vào hai ống tay áo len dày.

- Chẳng sao cả. Cha đưa Charlie vào giải quyết mọi khúc mắc trong tập đoàn. Đúng như cha kỳ vọng, Charlie hoàn thành tốt công việc. Người tài như anh ấy làm gì chẳng được. Làm xong việc, Charlie tự sát.

Phóng tầm mắt ngắm dãy đồi nâu xám phủ cây xanh bên kia vịnh, Louise lại nheo mắt. Sau cặp môi mím chặt thoáng có sự chuyển động, như thể bà đang nhai thứ gì đó nhỏ và rất cứng.

- Em thân với anh ấy đến mức nào?

- Ai cơ? Charlie ấy à? Em chỉ biết anh ấy là nhân viên của cha, sau đó thành đối tác và cuối cùng anh ấy tự tử. Thời đó, ta hay gặp người như thế. Cách nay mấy mươi năm là thời loạn lạc mà. Thời thế thay đổi từng ngày. Người hôm nay còn nói chuyện với ta, mai đã về với Chúa. Thiên hạ những năm đầy biến cố ấy không như bây giờ.

- Chắc hồi ấy em chán chường lắm.

Chỉ khi nói thành lời, Glass mới thấy đó là chân lý hiển nhiên.

Thốt nhiên, giọng Louise thật mệt mỏi:

- Chán gì đâu. Đời em là thế, không cách gì thay đổi. Trời cho sao thì đành nhận vậy.

- Ý em là không có lối thoát?

Louise mỉm cười. Hình như lâu lắm rồi, bà không cười với chồng:

- Đáng lẽ anh nên là lối thoát của em.

- Thế còn anh Sinclair thì sao?

Louise phẩy tay, cũng là cử chỉ mệt mỏi:

- Ôi dào, anh ta chỉ là... một người gặp giữa đường thôi.

- Ý em là trên đường đi tìm anh phải không?

- Thì... trên đường đời nói chung.

Nắng vừa ấm đôi chút đã khiến mùi nhựa đường sơn mặt bàn gỗ bốc mùi hăng hắc.

- Anh rất tiếc.

Glass nói mà không biết ông tiếc gì.

Trước sự ngạc nhiên của chồng, Louise nhoài người chạm mấy đầu ngón tay vào mu bàn tay ông:

- Dừng. Em không buồn, hay ít nhất cũng không quá tiếc nuôi.

Dứt lời, bà gạt ly ra góc bàn, đứng dậy kéo vạt áo choàng sát quanh người:

- Hừ hừ, em lạnh cóng rồi. Mình đi thôi... Chắc tan lễ rồi đây.

Khi hai vợ chồng quay lại nhà thờ, hai ông cháu đã chờ sẵn trong xe. Ngồi thẳng đơ trên ghế, trông nửa trên người ông Bill giống bức tượng tù trưởng một bộ tộc da đỏ đã tuyệt dòng giống từ lâu. Nét mặt nhìn nghiêng giống điều hâu và mái tóc sẫm màu tung bay khiến ông càng giống chiến binh vừa qua cuộc hôn chiến.

Thấy họ, David Sinclair vẫy tay gọi:

- Hai ông cháu được khai trí nhờ bài thuyết pháp tuyệt vời về tiền tài, các phương tiện truyền thông giải trí, sự mê mụ khi đuổi theo danh vọng. Sao giáo hội đổi mới nhanh thế nhỉ? Cách nay chưa lâu người ta chỉ nói về lửa địa ngục và hi vọng được cứu rỗi. Con đang thắc mắc người ta đã làm gì thứ tôn giáo tốt đẹp của ngày xưa.

Ông cụ ngồi im phăng phắc, có vẻ không cần biết cháu ngoại nói gì. Khi chớp mắt, hai mi mắt ông nặng nề như hai nắp túi áo bằng vải bạt nhỏ xíu. Trên đường về, cả nhà im lặng, chỉ mình David hớn hờ ư ử hát thầm. Đi sâu tới giữa đảo, mùi muối trong không trung đã thay bằng mùi cỏ tươi và nhựa thông. Ở hàng ghế sau, Glass cố đón ánh mắt vợ nhưng Louise mãi nhìn hai bên đường. Mái tóc bà bay bay trong gió.

Ngoài phòng khách, Manuela bày sẵn đồ uống. Bình nước chanh, món đặc sản của chị, kèm trà thảo dược cho ông Bill và Louise, rượu gin pha nước khoáng có thêm đá và chanh - thức uống thường nhật của Glass. Nhưng Glass không muốn uống nên ra hiên hút thuốc. Hôm nay lũ chim im lặng hơn mọi khi, chỉ sục sạo trong bụi cây, con thì hót líu lo, con lại kêu chip chip. Lát sau, David Sinclair mang ly nước chanh ra theo. Glass mặc kệ, bụng thầm mong David ngượng và bỏ đi. Nhưng gã thanh niên bình thản ngồi xuống xích đu, vui vẻ đung đưa, chân không chạm đất.

- Hai người họ đang bàn về tương lai của con. Ông ngoại và mẹ ấy. Đáng lẽ con phải ngồi nghe, nhưng nói thực, con chịu không nổi. (David nhoen cười, cặp môi đỏ như tô son căng ra). Thay đổi to lớn quá... Con thành giáo chủ của một tổ chức thiêng liêng và thánh thiện là Quỹ ủy thác Mulholland ư? Khó tin lắm.

- Theo dự định, Quỹ Mulholland đã và đang làm nhiều việc thiện.

David vờ thở dài sườn sượt:

- Đúng vậy. Bởi thế nên mới chán ồm.

Glass không kiểm soát nổi hơi thở dồn dập, dấu hiệu cho thấy cơn giận dữ đang kéo tới. Quăng mạnh mẫu thuốc sang bên, ông lảo bầm trở vào nhà, lên thẳng phòng ngủ, chộp điện thoại quay số.

- Cho gặp đại úy Ambrose. Ông ấy có đó không? Tôi muốn nói chuyện với Ambrose. Cứ bảo Glass gọi, ông ấy biết đấy. John Glass nhé.

14. GIA ĐÌNH ĐÀM ẨM?!

Sáng hôm sau đến văn phòng, có tin nhắn gửi cho Glass trong máy trả lời điện thoại tự động. Terri Taylor gọi đến từ biệt. Cha cô từ Des Moines đến và cô sẽ theo ông về. Cô gái cười nhẹ nghe như lời xin lỗi: “Tôi về lại xứ bảo hiểm đây.” Nghe trong máy, giọng cô vừa xa xôi, vừa vô cảm như thể cô đã về miền đồng ruộng xanh rờn và nói vọng tới tận New York. Glass ngạc nhiên thấy mình cảm động trước tấm lòng của cô; chắc phải thế nào cô mới gọi cho ông chứ. Tuy nhiên suy nghĩ lại, ông đoán có lẽ ở New York cô chẳng quen ai ngoài ông. Cuộc gọi từ biệt chỉ là cách làm vơi đi cảm giác trống vắng.

Glass ngồi sau bàn giấy. Ông những mong Alison O’Keeffe gọi đến và nhắn lại vài câu ngắn ngủi. Ông đã định gọi cho cô, thậm chí đã nhắc máy lên nhưng lại thôi và trả máy về chỗ cũ. Ngay lúc ấy, chuông điện thoại kêu riết róng. Như mọi khi, giọng ngạo đời của Cleaver vui vẻ, hoạt bát lạ thường:

- Wilson Cleaver đây. Tình hình sao rồi, người anh em? Có tin gì mới không hả thám tử tài ba? Đã bắt được thủ phạm ném đá giấu tay nhồi đạn đồng vào mắt anh bạn tọc mạch Riley chưa?

- Chưa. Nhưng chắc tôi biết thủ phạm rồi.

Nghe câu ấy, Cleaver im thít. Gã thờ phỉ phò vào ống nghe một lúc ra chiều suy nghĩ, đoạn hỏi:

- Ông không định nói tên hắn à? (Im lặng khá lâu). Rõ là không rồi.

- Tôi muốn gặp cậu hỏi về Charles Varriker.

- Hây, tên ai nghe quen thế?

Họ gặp nhau trong quán bar bài trí kiểu Alien ở Broadway. Chính Cleaver đề nghị đến quán này. Quán Muldoon trang trí kiểu dân dã, tường sơn ba màu và dán hình cỏ ba lá khắp nơi. Nhiều tấm giấy da đóng khung chép những câu thơ vui của người Alien bằng kiểu chữ xoắn xít, lòng vòng treo trong quán. Cô gái đứng sau quầy bar lực lưỡng mặc trang phục theo kiểu cô gái vắt sữa chỉ có trong chuyện thần thoại xứ Wales. Hôm nay, Cleaver mặc quần jean, khoác áo da, đi giày thể thao cũ mòn. Nhờ bộ quần áo, trông gã không đến nỗi khác đời. Cleaver gọi bia Guinness, còn Glass mới sáng ra đã uống Jameson. Ông hỏi:

- Cậu biết gì về Varriker?

Cleaver lại diễn trò tròn tròn mắt:

- Trời, ông là kho tư liệu biết đi. Ông phải chỉ giáo tôi mới phải chứ.

- Hôm ta làm vài ly ở quán Tavern trong công viên, tôi nghe chừng cậu biết khá nhiều về ông ấy. Thậm chí cậu còn biết ông ấy mất ngày nào, tháng nào nữa. Điều gì hấp dẫn khiến cậu dành tâm huyết tìm hiểu thế?

Cleaver xòe hai lòng bàn tay hồng hồng:

- Đã bảo tôi đọc rất nhiều về Mulholland. Trong tiến trình đó, nhiều thông tin lộ ra. Chắc ông biết rõ hơn tôi chứ?

- Thông tin vẫn vơ hay quan trọng?

Nhúng môi trên vào miệng cốc bia Guinness đầy bọt, Cleaver nhấp ngụm bia đen sóng sánh và nhắm mắt:

- Trời đất, sao người Alien các ông uống được thứ này?

Glass chỉ ly rượu bé xiu trước mặt ông:

- Tôi đâu có uống bia ấy.

- Ông không uống bia Guinness ư? Vậy cũng tự nhận là người Alien sao, người anh em? Nhìn kìa, tóc ông cũng không giống họ.

Cô phục vụ quầy thân hình nở nang lảng vảng đến gần vờ lau mặt bàn để nghe lén. Glass sốt ruột:

- Nghe này, tôi đoán Varriker là nhân vật chính của tấn trò này.

Cleaver vẫn đùa dai và vờ nhìn ông dăm dăm. Lòng trắng mắt hơi ngả vàng của gã vắn vài tia máu nhỏ xiu:

- Dylan Riley bị giết liên quan đến Varriker ư? Sao lại thế được?

- Tôi không biết.

Cleaver tin lời ông. Gã chậm rãi gật đầu.

- Cậu biết những gì về cái chết của Varriker? Ông ấy chết ở đâu và khi nào?

- Một nơi gần Harlem. Varriker có một phòng trong căn nhà cho thuê khá xập xệ. Tôi nghi đó là tổ uyên ương của ông ta. Không thư tuyệt mệnh, không manh mối. Trong lúc đó, vé hạng nhất đi Paris hoa lệ nằm chờ ông ở văn phòng Amex, đường Lexington. Tất nhiên, thời đó không ít người bị dồn vào bước đường cùng đến độ tự bắn vào đầu.

Glass chăm chú nhìn ly rượu:

- Cậu biết gì về phát súng chí mạng?

Cleaver ngồi im, không nói. Glass tiếp tục:

- Đạn xuyên qua mắt từ khẩu Beretta. Giống hệt Dylan Riley. Chiến hữu thấy chưa, đó mới là sự trùng

hợp lạ lùng. (Bỏ ly rượu còn nguyên trên quay, Glass đứng lên). Và nếu không phải trùng hợp thì là gì?

Cleaver theo ông ra đường. Họ đứng cạnh nhau trên hè, không biết nên chia tay thế nào. Trong tiết tháng tư, trời không nắng cũng chẳng âm u. Nóc xe hơi và khung kính cửa sổ phản chiếu ánh nắng vàng nhạt, yếu ớt. Một đám mây tím trôi lững lờ qua mảnh trời hẹp giữa hai dãy nhà chọc trời trên đại lộ số Năm.

Cleaver phân tích:

- Riley thực lòng không muốn tổng tiền ông đâu. Hắn không màng đến tiền, chỉ quan tâm đến ông. Vì tôn ông là người hùng, hắn bị sốc trước việc ông định làm.

Glass lặng người đi. Dù biết Cleaver nói đúng nhưng ông không biết ăn làm sao, nói làm sao bây giờ. Cleaver mỉm cười:

- Chắc ông coi tôi là kẻ hay gây rối. (Cuối cùng, gã cũng thôi diễn trò kiểu của diễn viên tấu hài trên đường phố). Chắc tôi không cần nhắc ông giữ bình tĩnh và ráng bảo trọng, nhỉ?

Glass nheo mắt nhìn đám mây báo cơn mưa sắp ập đến:

- Tôi muốn nhờ cậu một việc.

- Chiến hữu không từ chối nhau điều gì.

- Nếu chuyện này bị bung bít, nếu tôi bị trói chân trói tay hay bị ngăn cản, nếu tất cả thông tin bị ém nhem, cậu chớ bỏ cuộc. Hãy tiếp tục tìm kiếm. Hễ tìm được gì là công bố ngay. Đừng ngại Mulholland, đừng sợ ông ta làm gì cậu. Nhớ đừng buông xuôi, theo bám vụ này đến cùng nhé.

Cleaver nghiêng đầu, nhướn mày thoáng mỉm cười:

- Ông bạn à, nhà báo chúng ta là thế. Không bỏ cuộc giữa chừng. (Cleaver chìa tay). Chúc may mắn đấy.

Nửa tiếng sau, Glass đã về đến căn hộ nhìn ra công viên trung tâm, nơi bóng râm giống hàng cột sừng sững trong căn phòng có trần cao vút. Đám mây trên trời trút mưa xuống thành phố xong tiếp tục bay đi. Ngoài phố, mặt trời xuất hiện trở lại. Tuy nhiên, trong nhà ánh sáng mờ mờ còn lưu lại. Nó mơ hồ tựa những kỷ niệm của dĩ vãng đã xa. Glass đi trong không gian im ắng bao trùm tựa làn sương mỏng. Ông lẩm bầm câu chào cửa miệng mỗi khi về đến nhà nhưng không ai nghe thấy:

- Mọi người ơi!

Vào thư viện, Glass thấy bố vợ ngồi giữa ghế sofa trắng muốt. Dáng ông cụ không đổi: đầu và lưng thẳng tựa lãnh tụ bộ lạc, hai bàn tay đầy vết đồi mồi đặt trên đầu gối, hai chân đi giày của người chuyên đi núi. Glass ước sao ông chỉ việc quay lưng bỏ đi là xong, ông ước mình tránh xa nơi này trước khi gã Vượn Cáo đến văn phòng ông, trước cú điện thoại triệu tập của Ambrose, trước lúc ông gặp Cleaver, trước khi có chuyện chết chóc vừa rồi.

Ông cụ giữ đầu thẳng, chỉ liếc mắt về phía con rể:

- Anh muốn gì đây?

Glass ngồi xuống đối diện. Ghế bành ông đang ngồi được tạo kiểu giống ngai vàng của vua: nệm ghế bọc lụa sọc, bốn chân cong vòng, chỗ tiếp giáp mặt đất có hình móng sư tử.

- Con cần biết sự thật đằng sau cái chết của Charles Varriker.

Ông cụ cười khùng khục:

- Con viết tiểu sử của ta hay của Charlie Varriker?

- Sao cha ghét anh ấy?

Ông Bill nhún vai:

- Nếu ta ghét thì đã sao? Charlie tốt tính, chỉ có điều tốt quá đến mức thấy ghét. Đáng lý ta mới là người tốt. Ta luôn cố giữ phẩm cách bằng mọi giá. Nhưng Charlie còn tốt hơn. Cậu ấy thực sự là người có đạo đức. Giữa cuộc đời ô trọc này mà thánh thiện đến mức ấy thì quả trái với lẽ tự nhiên. Cứ hễ nghĩ đến ta lại tức điên.

- Thế nên anh ấy phải chết.

Ông Bill không nghe thấy. Mắt ông lơ đãng nhìn phía trước trong lúc đầu óc nghĩ đâu đâu.

- Anh lấy cho ta ly rượu nhé? Tự nhiên ta thèm rượu quá.

Từ hành lang vẳng tới tiếng thang máy. Chắc có ai ở dưới cần lên nên nhấn nút gọi. Ông vào phòng ăn rót chút rượu wishky Bushmills lên ly nước đá đem trở vào thư viện đưa cho ông nhạc. Ông cụ cầm ly uống một cách thèm thuồng. Tiếng mấy viên nước đá va vào nhau lạnh canh, uống xong, ông đưa tay quệt ngang miệng:

- Anh vừa nói gì về cái chết của Charlie? Ta chỉ biết làm thế là phạm tội trọng, ta không bao giờ tha thứ cho cậu ấy.

- Cha có giết anh ấy không?

Lúc đầu, hình như ông Bill không biết Glass nói gì. Ông chỉ chán chường, chậm chạp quay đầu về phía con rể, nét mặt bất động:

- Gã khốn ngu xuẩn kia, mi vừa nói gì? (Ông nói khẽ nhưng rành rọt). Giết Charlie ư? Sao ta phải giết cậu ấy?

- Con không biết nên mới hỏi cha. Vì cha ghét anh ấy chẳng hạn.

- Lay Chúa lòng lành, cậu ấy tự sát mà. Charlie gi súng của ta vào mắt rồi bóp cò. Ta đã kể rồi còn gì.

- Vâng, con nhớ cha kể rồi. Nhưng Dylan Riley chết cũng đúng theo cách ấy. Cũng súng Beretta. Đạn cũng xuyên qua mắt.

Ông cụ lắc đầu:

- Cái gì? Ta không hiểu... Anh nói linh tinh gì thế hả?

Thang máy lại chuyển động, lần này hình như là đi lên. Glass bụng bảo dạ chắc Clara vừa đi mua thực phẩm về.

- Dylan Riley, người mà con định thuê sưu tầm thông tin bị bắn giồng hết Varriker hồi đó, cũng bằng súng hiệu Baretta. Con đoán cha ra tay. Theo con, cha bắn Varriker sau đó Riley, bằng cách nào đó, phát hiện ra thế nên cha bắn luôn cả hắn. Hoặc giả cha thuê người làm việc ấy... chẳng hạn nhờ đồng nghiệp cũ ở CIA. Sự thật là thế, phải không?

Nhìn hai mẹ con Louise vào cửa, Glass lập tức nhớ hồi còn bé, vào một buổi chiều nọ, ông và mẹ cũng xách theo mấy túi đồ bước qua ngưỡng cửa nhà, vừa đi vừa cười nói vui vẻ. Không khí mát lạnh từ ngoài theo họ vào trong, mang theo cả hương hoa cỏ mùa xuân thấm đẫm mưa phùn tháng tư. Glass nhắm chặt mắt trong một giây.

Ông tự trách mình sao không bùng mắt bịt tai, cố tin những gì người đời nói. Lúc này, ông Bill không còn thiết gì xung quanh. Glass tự dẫn dắt mình sao không buông xuôi, quên những gì ông tưởng mình biết tận tường, mặc người chết tự xoay sở lấy. Nếu cứ tiếp tục thế này, ông sẽ hủy hoại thế giới mà hai vợ chồng đã dày công gìn giữ cho nguyên vẹn, chẳng khác nào đập bể hộp đựng châu báu đẹp tuyệt trần, cái hộp vừa gìn giữ, vừa trao cho cuộc đời ông tình yêu thương tha thiết. Chẳng lẽ đó là điều ông muốn?

Ông Bill lấy bẫy đứng dậy, nửa phần rượu trong ly đổ hết ra thảm. Ông lớn tiếng day nghiêng như thể con gái đứng ở đâu đó rất xa:

- Louise, con có biết tên này chụp mũ cho cha tội gì không? (Ông quắc mắt nhìn con rể). Anh nói cho vợ anh nghe đi!

Louise mặc áo khoác màu chàm có đai thắt chặt ngang eo và đội mũ của nhà thiết kế Philip Treacy. Mới đến giữa phòng, bà khựng lại, mặt cắt không còn giọt máu. Bà nhìn nhanh cha rồi quay lại Glass dò hỏi, tính toán và thậm chí cân nhắc cẩn thận. Hôm nay David Sinclair ăn mặc giống thầy dòng con nhà giàu: comple lụa đen, áo thun cổ trắng. Mang mấy túi giấy đựng đồ vừa mua sắm dở trên tay mẹ cộng với túi của mình ra bàn thấp cạnh lò sưởi, gã thanh niên cười háo hức, hau háu đón bất kỳ chuyện gì sắp đến.

Glass căng thẳng thở hỗn hển. Dù không nhìn ai nhưng ông biết sáu con mắt đang dồn cả vào mình:

- Trước lúc bị giết, Dylan Riley gọi điện cho anh. Thực ra, hắn gọi anh hai lần nhưng chỉ gặp anh một lần ở văn phòng. Cú phone thứ hai, hắn gọi đến đây.

Thông tin ấy Glass nghe từ đại úy Ambrose. Viên cảnh sát có nói, nếu theo số lưu trong điện thoại của Riley, hẳn gọi cho Glass hai lần. Điều Ambrose bỏ qua không nói (và mãi đến hôm qua Glass gọi điện hỏi viên đại úy từ Bridgehampton mới biết) là: hai cuộc gọi ấy đến hai máy khác nhau. Một máy trong tòa nhà Mulholland Tower, máy kia trong căn hộ này.

- Anh muốn biết ai nhận cuộc gọi thứ hai?

Ông Mulholland chậm chạp tiến đến sát mặt Glass. Khớp ngón tay nắm ly rượu trắng nhợt dù da ông vốn nâu sạm. Ông đứng không vững, nói như than vãn:

- Anh mưu tính gì trong nhà này? Anh định gây đau khổ, tang thương đến thế nào đây?

Glass châm thuốc mà tay run bần bật.

David Sinclair còn cười được, hai mắt cậu ta lấp lánh như vừa nhận tin vui:

- Ý dựng là kẻ giết Dylan Riley đang trong nhà này... Chỉ có điều dựng buộc tội nhằm người.

- David!

Louise gào lên như thể nỗi đau hữu hình vừa vùng vẫy lao ra từ miệng bà. Sau đó, bà khẽ nhắc lại:

- David, thôi đi! Mẹ xin con thôi ngay đi.

Cậu ấm Sinclair không thèm nghe. Cậu ta quay sang Glass với nụ cười gần như trêu mến, dịu dàng:

- Nhưng dựng đúng, ông thám tử ạ.

Đút hai bàn tay vào túi áo, riêng ngón cái thò ra ngoài, David bắt chước dáng đứng của hoàng tử nước Anh. Khóe miệng gã thanh niên giật nhẹ. Ông Bill Lớn rên rỉ, nhắm mắt như ăn phải quả đắng và dần mạnh ly rượu lên bàn bày mấy túi giấy đựng đồ.

- Mấy người điên cả rồi à? Ta không hiểu mô tê gì hết.

Ông quay ngoắt người, loạng choạng bỏ đi và cầu nhàu giận giữ. Louise gọi với theo nhưng ông cụ phẩy tay như đuổi gà, chân vẫn bước tiếp. Đến cửa, ông cúi đầu dừng chân giây lát, đoạn đẩy cửa bước ra sau đó khẽ khàng khép cánh cửa sau lưng.

David Sinclair phá tan bầu không khí im lặng ông Mulholland để lại phía sau:

- Chà chà, giờ chỉ còn ba chúng ta.

Louise như bừng tỉnh cơn mê. Bà ôm trán, khẽ nhắm mắt:

- Thế này thì... Cơ sự này...

Bà ghen ngào không nói hết câu và quay sang chồng:

- Sao anh làm thế hả? Anh có cần... có cần...

Glass hỏi vặn:

- Anh “cần” ư? Em nói thế là nghĩa làm sao?

David nói như thể muốn an ủi mẹ:

- Dượng có hiểu gì đâu mà mẹ nói. Ông đoán sai hết rồi, nhà báo già lắm cảm ạ. (Gã lại toét miệng cười với Glass). Dượng đã xem phim *Murder on the Orient Express* (Chuyến tàu nhanh về phương Đông) chưa? Cả nhà ta tay đều nhúng chàm, không rửa sạch được đâu. Cả dượng cũng thế.

15. BÍ MẬT GIA ĐÌNH

Từ trước đến giờ, Glass toàn tìm đến phái đẹp để được an ủi. Hồi bé, người ta hay bảo cậu bé Glass quá gần gũi mẹ. Dì Glass có lần cười khẩy bảo rằng con trai gì mà cứ đeo lấy mẹ như tình nhân vậy. Glass đến với Louise cũng bởi kỳ vọng được yên ổn và chở che. Có lẽ lý do chính khiến ông kết nghĩa tào khang với bà là mong có tấm lá chắn chống đỡ đòn tấn công dồn dập của cuộc đời. Về phần mình, bà mong gì ở ông?

Khi Glass dừng trên đường Bleecker, nhấn chuông cửa, tiếng điện thoại nội bộ ọ ọ một chút sau đó Alison O'Keeffe lên tiếng hỏi. Glass bèn xưng danh. Cô gái trẻ chán nản nói giọng buồn buồn:

- Sao em biết chính là anh của em lúc trước? Giờ anh đâu còn như xưa nữa.

Glass nép sát cánh cửa. Hơi thở dồn dập của ông làm mờ tấm lưới kim loại. Tình cảnh này khiến Glass nhớ hôm toát mồ hôi trong phòng xung tội cách nay đã lâu.

- Anh cần nói chuyện chuyện với em.

Im lặng nặng nề.

- Vậy anh lên đi.

Vừa ra khỏi thang máy, Glass đã thấy Alison đứng chờ trước cửa. Cô mặc áo choàng màu xám ngấn sơn không dính vào quần áo thường. Cô dẫn ông lên căn hộ lạnh lẽo, chật chội. Ngồi xuống ghế bành, Alison châm điều thuốc hiệu Gauloise và khó chịu phun khói lên trần nhà.

- Nào, có chuyện gì cần trao đổi gấp thế?

Ánh hoàng hôn chiếu qua hai tấm kính cửa sổ trên đầu họ, phủ ánh sáng vàng nhạt lên phía sau lưng ghế Alison đang ngồi. Glass mời lửa cho điều thuốc Marlboro.

- Em có biết thuyết lượng tử không? (Alison không trả lời). Anh cũng không biết nhiều về nó. Nhưng các nhà khoa học có làm thí nghiệm bằng cách bắn một hạt nguyên tử nhỏ lên một bề mặt có hai khe hở bé. Kết quả là các dạng thức xen kẽ, như thể hạt nguyên tử biến thành sóng. Nói cách khác, một hạt xuyên qua hai lỗ trong cùng một thời điểm và (ông cười khẽ) tự cản trở mình.

Alison thản nhiên nhìn ông. Khói thuốc xanh nhạt từ hai bên quện vào nhau bay ra mỏng mảnh phía sau cô.

- Lạ quá phải không? Nhưng lạ hơn nữa là hạt nguyên tử chỉ biến thành sóng khi nó không bị theo dõi. Nếu em nhìn kỹ hạt nguyên tử, nó sẽ vẫn là nguyên tử; nhưng nếu em quay đi, nó sẽ thành sóng.

Alison chờ xem Glass đưa câu chuyện đến đâu. Vừa rít mạnh điều thuốc, Glass vừa thờ thẩn nhìn khắp phòng. Alison hỏi:

- Anh định nói về chuyện gì thế?

- Ý anh là muốn biết chắc chắn một vấn đề không dễ. Lúc trước anh tưởng mình biết thủ phạm giết Dylan Riley, nhưng hóa ra anh lầm.

Im lặng thật lâu trước khi Alison lên tiếng:

- Còn em tưởng anh lên đây nói chuyện chúng ta. (Cô nhìn lảng đi, cố nén cơn giận). Vậy anh nói đi, ai giết hắn?

Ông nhìn quanh tìm chỗ đập thuốc lá:

- Thôi đừng quan tâm. Anh sai rồi. Chắc anh nên đi thôi.

Alison vẫn không nhìn ông:

- Ừ, anh đi đi.

Glass lang thang ngoài đường mãi. Tà dương tắt lịm nhường chỗ cho hàng triệu bóng đèn trên khắp địa phận Manhattan. Chưa bao giờ ông thấy mình xa lạ với thành phố này như hôm nay. Glass vào quán rượu chui trên đường Broadway ngồi ủ rũ bên ly wishky. Ngọn đèn màu hổ phách và hồng sậm trong quán chỉ sáng mờ. Quanh ông nhiều người chỉ nhìn rõ mặt khi họ cúi xuống ánh đèn sáng trắng hắt lên từ rìa quay bar. Sau khi uống nhanh hớp rượu, họ lại ngả người ra chỗ tối. uống xong ba ly rượu mạnh, Glass xĩa tờ hai mươi đôla lên mặt quầy trước khi bươn bả biến vào màn đêm.

Rời thang máy đứng tầng có văn phòng của mình trong tòa nhà Mulholland Tower, Glass không nhìn cửa sổ lớn cuối hàng lang mà tiến thẳng đến phòng. Vì mấy bức tường kính, ông không thể tránh nhìn cảnh thành phố đầy nhà chọc trời vươn tua tủa vừa được căn vô vàn viên ngọc quý sáng rực bầu trời đêm. Glass cũng không kịp tránh mặt Louise đang ngồi lặng lẽ trên ghế tựa làm từ chất liệu da và thép. Cũng đứng trên chiếc ghế đó, Dylan Riley từng nửa nằm nửa ngồi trong ngày đầu hắn đến đây, lúc mà toàn bộ chuyện này chưa xảy đến và thế giới khác hẳn bây giờ. Louise không bật đèn. Bóng bà im lìm trông như bức tượng đúc bằng thép đường nét sắc sảo, bóng lộn và bất động.

- Cậu bảo vệ trực ca đêm cho em vào. Hi vọng anh không phiền.

Glass đang hút thuốc. Ông môi lửa trong thang máy, bất chấp chuông báo cháy. May mà chuông không kêu. Giờ ông phải mò mẫm đến bàn tìm gạt tàn nhưng chợt nhớ mình không có. Ông sờ soạn tìm công tắc đèn bàn. Ánh sáng hình nón chiếu thẳng xuống soi tỏ nửa mặt Louise với một bên tai, một con mắt và nửa khuôn miệng.

- Em đến lâu chưa?

Họ như hai lữ khách ngồi chung phòng chờ ở một nơi rất xa mái ấm gia đình:

- Không lâu lắm. Em cứ đoán già đoán non, không biết giờ này anh ở đâu.

Bà vẫn mặc áo khoác xanh và đội chiếc mũ lạ kiểu ấy. Hai tay buông thõng trong lòng, Louise đắm đắm nhìn thẳng. Glass đến bên cửa sổ nhìn xuống khe hẹp tối đen giữa hai dãy nhà cao vút. Không hiểu sao buổi đêm nhìn đỡ sợ hơn ban ngày.

- Anh không biết phải nói gì với em bây giờ.

Ông nghe tiếng Louise đổi tư thế ngồi sau lưng ông:

- Anh không được tin... (Bà im bật giấy lát). Anh chớ tin những gì anh tưởng là đúng. Thật đấy, anh nhầm lẫn hoàn toàn. (Bà quay sang chồng nhưng Glass vẫn quay lưng lại). Em xin anh hãy ngồi xuống đây đi.

Từ phố phường bên dưới vọng lên tiếng còi xe cảnh sát. Glass nheo mắt nhìn xuống nhưng chỉ thấy đèn giao thông trên đường Bốn mươi tư. Glass đến bên, ngồi sau bàn, vai lom khom, hai khuỷu tay chống lên bàn. Nãy giờ ông phải búng tàn thuốc vào lòng bàn tay. Thốt nhiên, giờ ông phát cái bèn hất xuống mặt thảm sau ghế. Louise trở về tư thế cũ. Bà ngoảnh đi chỗ khác, đèn chỉ soi sáng nửa mặt hướng về phía chồng. Ông nhớ hồi chiều Alison O'Keeffe cũng ngồi y như thế. Hai người đàn bà của đời ông đều ngoảnh đi, không muốn nhìn ông. Louise cúi gằm, ghen ngào:

- Em có nhiều chuyện muốn nói với anh. Đáng lẽ em phải kể từ rất lâu rồi. Em không biết phải bắt đầu thế nào. Charlie... Charlie Varriker...

Glass nói:

- Em yêu anh ấy?

Louise gật đầu, mím môi, mắt nhắm nghiền. Tiếng bà nhỏ quá, nghe như tiếng thở dài buồn bã:

- Vâng. Anh ấy... Em không biết phải tả anh ấy thế nào. Charlie... rất toàn diện. (Bà nắm mấy ngón tay giật giật như thể muốn tháo chiếc nhẫn vô hình). Tất nhiên, hồi ấy em trẻ người non dạ và bông bột lắm. Trời, giờ nghĩ lại mà sợ. Em mới... bao nhiêu nhỉ? Hình như hai mươi hai tuổi. Mà Charlie thì... đẹp trai. Đàn ông hiếm người có nét đẹp như Charlie. Ngoại hình đẹp chỉ là một phần. Không hiểu sao anh ấy như có lửa thấp bên trong nên luôn sôi nổi, rạng rỡ. Anh ấy còn vui tính nữa. Em biết câu “Phụ nữ mê đàn ông làm họ cười” là sáo rỗng, nhưng được cười với Charlie là niềm hạnh phúc vô biên. Em biết anh coi chuyện ấy là vớ vẩn. Ngay cả em cũng thấy mình lẫn lộn thế nào. Nhưng đúng thế, em hạnh phúc vô cùng. Charlie thường bảo em: “Em biết không, trong sách *Phúc âm* không hề nhắc đến Chúa Jesus cười, dù là cười thành tiếng hay cười nụ. Thánh không biết cười làm sao thu phục lòng tin của mọi người?”. Charlie thuê một phòng chỉ có em và anh ấy biết. Ngay gần công viên Momingside. Khu ấy ghê lắm. May mà tụi em chưa bị gí dao vào cổ chỉ vì đôi giày đấy. Có điều lạ là sự nghèo khổ càng khiến tình yêu của chúng em đậm thắm hơn, trong sáng hơn. Nghe có vô lý không anh? Thế rồi... (tự nhiên Louise nói nhanh, liú ríu) thế rồi em có thai. Em lo cuống cuống, không biết phải làm gì vì tuổi đời còn quá trẻ. Tất nhiên, Charlie sướng điên lên và càng yêu em hơn tuy nhiên anh ấy không biết phải giúp em như thế nào. Lúc ấy, Rubin Sinclair đến chơi hoài. Tất nhiên, cha nhất định bắt em lấy Sinclair vì môn đăng hộ đối. Hôn phối sẽ kết hợp hai dòng họ vĩ đại, vân vân và vân vân... Em bảo Charlie: “Đám cưới là lối thoát. Chờ ít lâu sau khi em cưới Rubin, em và anh sẽ tái hợp, thậm chí mình có con với nhau cũng được mà”. Mơ mộng kiểu đó thật ngu xuẩn. Charlie không muốn nghe. Chỉ

nghĩ đến chuyện em ở bên Rubin, anh ấy đã không chịu nổi. Charlie bảo, nếu em lấy chồng, anh ấy chết mất...

- Sao em không lấy Charlie?

Louise nóng nảy gạt đi:

- Anh đừng ngây ngô quá thế. Em mà lấy Charlie, cha sẽ làm cho cả hai sống dở chết dở. Ông ganh ghét Charlie vì anh ấy có tài cứu tập đoàn trị giá nhiều triệu mỹ kim cho ông trong lúc ông chịu bó tay. Anh có hình dung cảm giác của cha nếu em lấy anh ấy không? (Bà im lặng, cầm cúi nhặt sợi chỉ tuột từ đường may trên áo). Em mua cho Charlie vé đi Paris. Anh ấy thích Paris, bảo đó là chốn thiêng liêng. Em bảo: “Đi Paris đi anh. Khi anh về, mọi chuyện đã xong xuôi. Thế sẽ bớt đau lòng hơn”. Nhưng Charlie không đi. Anh ấy bảo không thể sống thiếu em được. Charlie là người đàn ông cuối cùng trên đời lãng mạn đến như vậy. Anh ấy lấy súng của cha, vào căn phòng trên đại lộ Momingside khóa trái cửa và tự tử. (Louise dừng lại để thở từng chập gấp gấp trong lúc tay vẫn mân mê sợi chỉ. Gần tòa nhà có chiếc trực thăng bay lơ lửng giữa trời. Cánh quạt cứ quay đều không ngừng). Em tìm thấy xác anh ấy. Không hiểu sao, một mình em đưa được Charlie lên giường. Tự nhiên em thấy mình có nghĩa vụ phải làm thế, dù không biết lý do. Suốt buổi chiều, em ngồi bên xác Charlie. Cả đời em chưa thấy kiểu im lặng như thế bao giờ. Một tuần sau, em lay Rubin Sinclair. (Bà đưa tay che mắt như thể tránh cái nhìn trừng trừng từ trên cao). Khi David chào đời, em đoán Rubin biết. Tuy chưa bao giờ hé môi, nhưng anh ấy biết hết. Rubin đâu có kờ khạo gì. Anh ấy đối tốt với em theo cách riêng. Anh ấy không lãng mạn em, không yêu cầu cha phạt em bằng roi ngựa. Anh ấy khổ sở chịu đựng cho đến khi hôn nhân ngấm ngầm tan vỡ, không thể hàn gắn được. Thế rồi, em gặp anh.

- Thế cha có biết chuyện không? Về David ấy. Ông cụ có biết ai là cha ruột nó không?

- Em không biết. Có thể lắm. Chuyện gì cha cũng biết, chẳng lẽ chuyện này thì không?

- Em chắc chắn Varriker tự sát chứ?

Louise không nhìn chồng, thì thào:

- Em bắt mình phải tin thế. Mọi khả năng khác đều khủng khiếp, vượt quá sức tưởng tượng. (Bà ngược lên cổ chịu đựng ánh mắt dò xét của ông). Em hiểu cha, nhưng em không thể tin cha tàn độc đến mức ấy.

Hai vợ chồng nhìn nhau một lúc thật lâu. Lát sau, bà thở dài tựa hân vào lưng ghế:

- Em tưởng mọi việc kết thúc ở đó, không còn dây dưa gì nữa. Ai dè, cách nay ít lâu, gã trai trẻ ấy gọi điện đến nhà mình.

- Em trả lời điện thoại ư?

- Tất nhiên... còn ai vào đây nữa?

- Sao hẳn biết Varriker chết và tất cả chuyện cũ?

- Hắn không nói. Hồi đó em cũng tâm sự với vài người, tạm gọi là bạn đi. Em đoán chắc hắn lần đến họ hỏi han. Em không biết. Và tất nhiên, em không thể ngồi yên. Nếu hắn đến gặp cha, tất cả sẽ tan thành mây khói, nào quỹ ủy thác, nào tương lai của David, tất tậ. Em bèn bảo muốn gặp hắn. Em đi lấy súng. Em...

- Thôi đi. Anh muốn nghe sự thật.

- Thì em đang nói thật đây.

Bà móc túi áo khoác lấy một vật nhỏ đen bóng đặt lên bàn trước mặt chồng. Glass thấy rõ nhà sản xuất ghi trên báng súng ngắn và tròn.

- Đây. Không tin anh cứ việc kiểm tra.

Glass cầm khẩu Beretta lên tay:

- Em lấy súng này ở đâu?

Louise không nói. Trục thẳng đi mất. Căn phòng im phăng phắc. Ông đặt khẩu súng trước mặt cả hai:

- Sao nó biết chuyện?

- Nó nào? Anh nói gì vậy?

- David. Sao thằng bé biết Riley? Lúc Riley gọi cho em, David có nhà không? (Glass đấm mạnh xuống mặt bàn làm khẩu súng nảy lên). Có hay không?

Chưa bao giờ Glass thấy thần sắc vợ biến đổi nhường ấy: hoang mang, tuyệt vọng, ngơ ngác... Louise như già đi mấy tuổi. Bà đăm đăm nhìn khẩu súng trên bàn, chờ dần gặt đầu. Bà nói nhỏ câu gì đó thật nhanh làm Glass phải hỏi lại. Louise đằng hắng:

- David nói đúng. Tay anh, em, mọi người trong nhà đã nhúng chàm. Ai bóp cò khẩu súng này có quan trọng gì.

- Quan trọng chứ. Nói thật anh nghe xem nào.

Louise co rúm, hai tay trong túi áo cổ co kéo cho vạt áo sát vào người như thể bà đang lạnh cóng.

- Phải, lúc Dylan Riley gọi, David đứng gần đó. Thấy em tái mặt cầm ống nghe, con bắt em kể hết cho nó. Con nói sẽ đi gặp Riley nói chuyện phải quấy. Nếu cần chi ít tiền để hắn cầm miệng. Em không biết... (bà giơ tay như muốn níu lấy ông nhưng không được, đành bám cạnh bàn) em không biết con toan tính gì trong đầu. Anh ơi, con em tội lắm. Hết Rubin xử tệ với nó lại đến anh hất hủi nó... Em không nói sai cho anh đâu, anh đừng phủ nhận. Giá anh cố gắng một chút, có thể nó đã coi anh như cha.

Lời nói của bà làm không khí giữa họ nặng nề thêm. Những chỗ ánh đèn không chiếu đến dường như càng tối thêm. Glass hỏi:

- Như vậy David biết anh Varriker? (Louise gật đầu). Em nói với con khi nào?
- Lâu rồi. Đáng lẽ em không nên cho con hay. Hồi ấy em cứ nghĩ mình làm đúng, rằng con có quyền được biết cha nó là ai.
- Vậy ra viên đạn trong mắt Dylan Riley là để tưởng nhớ cha David?
- Kìa anh, David có khác nào trẻ con nghịch dại đâu.
- Có phải em vừa nói tất cả chúng ta đều góp tay trong tội ác này? (Ông nhìn ra bầu trời đêm rực rỡ ánh đèn màu). Giờ ít nhất anh cũng biết ai là gã khờ trong phòng này.
- Anh bảo sao cơ?
- Không có gì. Anh chỉ ôn lại câu nói của một người quen từ lâu lắm rồi.

Louise chậm chạp đứng dậy, lè rề như người mắc bệnh trầm kha:

- Giờ em đi đây. Anh hãy quyết định nước cờ kế tiếp. (Bà cười khề) Giờ anh đã có “tư liệu” viết bài rồi nhé. (Ánh mắt bà nhìn ông gần như thương cảm). Nhưng có cho đăng hay không, hoàn toàn tùy thuộc vào anh. Em xin lỗi, nhưng anh phải tự mình quyết định lấy.

HẾT

